

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

PHẠM NGỌC CHƯƠNG

**TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN HỢP TÁC
CHÍNH TRỊ - AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
Ngành: Quan hệ quốc tế**

Hà Nội – 2015

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

PHẠM NGỌC CHƯƠNG

**TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN HỢP TÁC
CHÍNH TRỊ - AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế
Mã số: 60 31 02 06**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Hoàng Khắc Nam

Hà Nội - 2015

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài:.....	1
2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:	2
3. Lịch sử nghiên cứu liên quan đến đề tài:	3
4. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Cấu trúc của luận văn.....	7
PHẦN NỘI DUNG	9
CHƯƠNG I: TOÀN CẦU HÓA VÀ VỊ TRÍ CỦA HỢP TÁC CHÍNH TRỊ - AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN	9
1.1. Khái quát về toàn cầu hóa	9
1.1.1. Lịch sử hình thành và khái niệm của toàn cầu hóa	9
1.1.2. Bản chất của toàn cầu hóa.....	12
1.2. Vị trí của hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong Liên kết khu vực	15
1.2.1. Khái quát chung về ASEAN.....	15
1.2.2. Vị trí của hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong Liên kết khu vực	18
TIỂU KẾT	27
CHƯƠNG II: CÁC TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN HỢP TÁC CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN	29
2.1. Những tác động tích cực	29
2.1.1. Toàn cầu hóa đã khiến cho các nước ASEAN tăng cường hội nhập quốc tế, làm tăng tính “mở” của hợp tác khu vực, nâng cao sức mạnh của mình trên bàn cờ địa - chính trị.....	29
2.1.2. Toàn cầu hóa thúc đẩy việc hình thành các khuôn khổ, diễn đàn, đối thoại hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực.	32
2.1.3. Mặt trái của toàn cầu hóa đã trực tiếp hay gián tiếp làm nảy sinh các vấn đề an ninh phi truyền thống.	39
2.1.4. Vấn đề tranh chấp Biển Đông là mối quan tâm chung của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.	43

2.2. Những tác động tiêu cực	49
2.2.1. Toàn cầu hóa làm sâu sắc hơn sự chênh lệch và phân hóa về trình độ phát triển giữa các nước thành viên ASEAN, làm hạn chế quá trình hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực.....	49
2.2.2. Sự đan xen lợi ích chiến lược và sự tác động của các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là ở Biển Đông đang là thách thức đối với liên kết ASEAN nói chung và hợp tác chính trị - an ninh nói riêng	55
2.2.3. Toàn cầu hóa ít nhiều làm phức tạp hơn những sự mâu thuẫn, bất đồng giữa các nước thành viên trong ASEAN.....	60
TIÊU KẾT	62
CHƯƠNG III: TRIỂN VỌNG HỢP TÁC CHÍNH TRỊ – AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM	63
3.1. Triển vọng hợp tác Chính trị - An ninh của các nước ASEAN trong những năm tới.....	63
3.1.1. Những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN hiện nay.	63
3.1.2. Những thách thức mà hợp tác chính trị - an ninh ASEAN phải đối mặt	67
3.1.3 Dự báo về triển vọng hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong những năm tới.....	69
3.2. Một số gợi ý cho Việt Nam trong hợp tác chính trị - an ninh ASEAN	73
3.2.1. Lấy lợi ích dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách, đường lối và hành động đối ngoại.....	74
3.2.2. Tôn trọng và tuân thủ các quy tắc ứng xử theo luật pháp quốc tế nói chung, Hiến chương ASEAN và những quy định của các diễn đàn hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực nói riêng.	75
3.2.3. Tận dụng cơ hội và chấp nhận khó khăn, thách thức.	76
3.2.4. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm.	79
TIÊU KẾT	81
PHẦN KẾT LUẬN	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.2.2: Quan hệ an ninh giữa các nước ASEAN và bốn cường quốc tính tới năm 1988	20
Bảng 2.1.1. GDP của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á năm 2013	30
Bảng 2.2.1. Chỉ số phát triển con người (năm 2011) và tuổi thọ trung bình (2005 – 2010) của các nước ASEAN	53
Bảng 2.2.3- Chỉ tiêu quốc phòng của các nước khu Đông Nam Á	61

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of Southeast Asian Nations <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
AC	ASEAN Community <i>Cộng đồng ASEAN</i>
APSC	ASEAN Political – Security Community <i>Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN</i>
AEC	ASEAN Economic Community <i>Cộng đồng Kinh tế ASEAN</i>
ASCC	ASEAN Socio – Cultural Community <i>Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN</i>
ARF	ASEAN Regional Forum <i>Diễn đàn khu vực ASEAN</i>
ADMM	ASEAN Defence Ministers Meeting <i>Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN</i>
EAS	East Asia Summit <i>Hội nghị cấp cao Đông Á</i>
ASEM	The Asia-Europe Meeting <i>Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu</i>
AICHR	ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights <i>Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền</i>
ASEAN SOM	Senior Officials Meeting <i>Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN</i>
AFTA	ASEAN Free Trade Area <i>Khu vực mậu dịch tự do ASEAN</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Có thể nói, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả các quốc gia tham gia vào vòng xoáy của nó. Toàn cầu hóa mang đến những thời cơ lớn nhưng đồng thời cũng có cả những thách thức không hề nhỏ cho mỗi quốc gia, mỗi khu vực, đặc biệt là trong việc đảm bảo an ninh, chính trị. Vấn đề đặt ra là cần xác định được những tác động của toàn cầu hóa đến từng phương diện của đời sống quan hệ quốc tế. Những tác động của toàn cầu hóa là vấn đề mà bất kỳ một quốc gia nào cũng đi sâu vào phân tích, nghiên cứu nhằm phục vụ cho công tác hoạch định chính sách của mình.

Sự ổn định về chính trị - an ninh luôn là mục tiêu cho tất cả các quốc gia trên thế giới theo đuổi. Chính trị đóng một vai trò vô cùng quan trọng không thể bàn cãi đối với một quốc gia. Nền chính trị ổn định sẽ đưa đến những tiền đề rõ ràng cho sự phát triển bền vững chung của đất nước. Trong khi đó, đảm bảo an ninh là nhằm duy trì sự yên ổn về mọi mặt của một quốc gia trước những tác động từ bên ngoài cũng như giải quyết các vấn đề bên trong của quốc gia đó. Dựa trên cơ sở đó, việc hợp tác về chính trị và an ninh trong khu vực Đông Nam Á trở nên thiết yếu bởi vì sự ảnh hưởng, sự liên quan mật thiết và sự gắn gũi về mặt địa lý giữa các quốc gia thành viên. Các nước ASEAN nhận thức rõ phải đưa hợp tác chính trị và an ninh lên một tầm cao mới nhằm duy trì hòa bình, ổn định khu vực, đối phó với những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, bên cạnh việc thúc đẩy liên kết kinh tế khu vực và mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Những biến động gần đây của tình hình chính trị, an ninh thế giới và tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là vấn đề Biển Đông càng làm tăng thêm nhu cầu liên kết hợp tác trên lĩnh vực này của các nước ASEAN. Đồng thời, để thực hiện mục tiêu xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 mà trong đó Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) là một trong ba trụ cột, đặt ra yêu

cầu sự hợp tác ngày càng chặt chẽ và thống nhất giữa các nước thành viên ASEAN trên phương diện chính trị và an ninh.

Việt Nam đang ngày càng tham gia một cách toàn diện và có trách nhiệm vào liên kết khu vực. Từ khi trở thành thành viên của ASEAN, Việt Nam tích cực tham gia, thúc đẩy hợp tác chính trị - an ninh trong ASEAN cũng như tăng cường tình đoàn kết, tham gia xây dựng APSC vì sự phát triển chung của Hiệp hội. Chúng ta cũng tham gia vào các thiết chế đa phương nhằm đóng góp tích cực cho việc duy trì, bảo vệ môi trường hòa bình chung thông qua các cơ chế an ninh, xây dựng các chuẩn mực, quy tắc ứng xử chung quốc tế và khu vực trong bối cảnh có nhiều tác động từ toàn cầu hóa.

Việc nhận diện đúng những tác động tích cực cũng như tiêu cực của toàn cầu hóa đến khu vực ASEAN trên phương diện chính trị - an ninh mang những ý nghĩa to lớn và cần thiết đặc biệt là đối với Việt Nam. Từ đó, ASEAN có thể đưa ra những đường lối, phương hướng và những sự điều chỉnh cụ thể và hợp lý, dựa trên các nguyên tắc của Hiến chương ASEAN, luật quốc tế nhằm củng cố và tăng cường hợp tác, liên kết giữa các thành viên trong khu vực.

Trên đây là những lý do để tác giả lựa chọn đề tài “*Tác động của toàn cầu hóa đến hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN trong thập niên đầu thế kỷ XXI*” làm luận văn Thạc sĩ Chuyên ngành Quan hệ quốc tế của mình.

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

Mặc dù, nội dung trọng tâm của luận văn này đề cập đến không phải là hoàn toàn mới mẻ song nó lại có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Về mặt ý nghĩa khoa học, công trình nghiên cứu này nêu bật, đánh giá và phân tích một cách chân thực và khách quan những tác động của quá trình này đến hợp tác của các nước ASEAN trên phương diện chính trị và an ninh. Đây là một sự bổ sung cho những công trình nghiên cứu về ASEAN nói chung và Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN nói riêng. Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu liên quan tiếp theo.

Về mặt ý nghĩa thực tiễn, như đã trình bày ở phần Lý do chọn đề tài, luận văn nhận diện những tác động tích cực và tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa đến

hợp tác chính trị - an ninh trong thập niên đầu thế kỷ XXI của các nước ASEAN. Đây là một trong những vấn đề khu vực được quan tâm, vừa nhạy cảm nhưng cũng vừa có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mỗi quốc gia trong khu vực. Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu như đã trình bày, tác giả tập trung nghiên cứu và phân tích một cách sâu sắc các tác động đó, đồng thời đưa ra giải pháp phát huy những thuận lợi, giảm thiểu các khó khăn và dự báo triển vọng cho hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh của khu vực ASEAN. Luận văn cũng đưa ra một vài gợi ý cho Việt Nam, thành viên chính thức và có trách nhiệm của ASEAN, trong việc tăng cường hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh trong khu vực nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển. Đây là một trong những nội dung quan trọng trong việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế và tích cực hội nhập quốc tế của ta.

3. Lịch sử nghiên cứu liên quan đến đề tài:

Nhìn nhận những tác động của toàn cầu hóa đến chủ thể quan hệ quốc tế và đưa ra những kết luận phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược là một trong những vấn đề quan trọng đối với từng quốc gia, khu vực. Bên cạnh đó, hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN là một vấn đề khoa học mang tính chất thời sự, thiết yếu và hấp dẫn, đặt ra yêu cầu cần phải nghiên cứu để có được những đánh giá sát thực và cái nhìn đa chiều. Đã có khá nhiều các công trình khoa học tập trung vào các vấn đề nêu trên.

• Tình hình nghiên cứu trong nước:

Ở trong nước, trong khuôn khổ Chương trình cấp Bộ về Cộng đồng ASEAN, PGS. TSKH Trần Khánh, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, đã chủ trì một công trình nghiên cứu "*Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC): Nội dung, lộ trình, triển vọng và tác động*". Mục đích của công trình nghiên cứu này là làm rõ cơ sở hình thành, nhân tố tác động đến xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN; phân tích đánh giá mục tiêu, nội dung cơ bản, phương thức thực hiện và triển vọng của Cộng đồng An ninh ASEAN; đánh giá tác động của tiến trình xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN và sự tham gia của Việt Nam (bao gồm cả việc đưa ra một số gợi ý chính sách) nhằm nâng cao sự hiểu biết về ASEAN, nhất là về chính trị, an ninh của khối.

Trong tạp chí Những vấn đề Kinh tế Thế giới, số 8, năm 2004, tác giả Vũ Thị Mai - Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, có bài viết “*Hợp tác trong lĩnh vực Chính trị - An ninh giữa các nước ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới*” đã trình bày cụ thể những nét hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực theo từng giai đoạn (từ 1967 – 1994 và từ 1995 – 11/2002), từ đó đưa ra nhìn nhận thức thời những khó khăn cũng như những thuận lợi trong việc liên kết, hợp tác trong khu vực trên phương diện chính trị - an ninh.

Trong năm 2001, PGS. TSKH Trần Khánh và các cộng sự của mình cũng có một công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này, đó là “*Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa*”. Trong công trình nghiên cứu này, nhóm tác giả đã trình bày những khái niệm khác nhau về toàn cầu hóa trên các góc độ kinh tế - chính trị - xã hội. Đồng thời, nghiên cứu này cũng nhìn nhận bản chất, những biểu hiện của quá trình này và những tác động của nó đến liên kết giữa các nước ASEAN. Đồng thời, nội dung của nghiên cứu này cũng chỉ ra những thích ứng của ASEAN trước toàn cầu hóa và đưa ra những triển vọng của liên kết ASEAN trong thập niên đầu thế kỷ XXI.

Trong luận văn cao học chuyên ngành Quan hệ quốc tế, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, với đề tài “*Hiện thực hóa Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN*” của học viên Nguyễn Thị Minh, năm 2013, tác giả phân tích những luận điểm của các lý thuyết quan hệ quốc tế về hiện thực hóa APSC, từ đó đánh giá tính khả thi và đưa ra các kịch bản dành cho việc hiện thực Cộng đồng này.

Trong khuôn khổ tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, PGS. TS Nguyễn Thu Mỹ - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á cũng có các bài viết liên quan đến vấn đề này như “*ASEAN: Những đóng góp đối với hòa bình và an ninh khu vực*” (số 5, năm 2002), “*Cộng đồng an ninh ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực*” (số 4, năm 2005)... Bên cạnh đó, còn có thể kể đến bài viết “*Hướng tới cộng đồng chính trị an ninh ASEAN: Triển vọng và vai trò của Việt Nam*” của TS. Luận Thùy Dương (Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 62, 2005). Các bài viết trên đã nêu bật những thành tựu của ASEAN trong hợp tác chính trị - an ninh nhằm duy trì một khu vực hòa bình, ổn định. Đồng thời, đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan về triển vọng của hợp

tác chính trị - an ninh ASEAN mà cụ thể là APSC, trong đó có sự đóng góp của Việt Nam.

- **Tình hình nghiên cứu nước ngoài:**

Trong cuốn “*An ninh Đông Nam Á trong thiên niên kỷ mới*” của hai tác giả Richard J. Ellings và Sheldon W. Simon làm chủ biên do Viện Nghiên cứu châu Mỹ cùng Viện Chiến lược và Khoa học Công an dịch, đã phân tích một cách chi tiết tình hình chính trị - an ninh của các nước trong khu vực Đông Nam Á thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là giai đoạn sau năm 2000. Từ đó, đưa ra những lợi ích mà Mỹ có thể có được từ việc hợp tác giữa các nước ASEAN trên phương diện này. Đây là một tài liệu quý báu, mang tính chất khách quan, cho thấy những nhìn nhận của các học giả phương Tây về an ninh khu vực trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Evelyn Goh thuộc đại học Oxford trong bài viết “*Các cường quốc với chiến lược an ninh khu vực Đông Nam Á: Sự đan xen, cân bằng và trật tự*” đăng trên tạp chí Nghiên cứu Chiến lược và Quốc phòng Xin-ga-po số 84 đã trình bày những lợi ích và sự ảnh hưởng của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ đối với chiến lược an ninh khu vực của các nước Đông Nam Á. Bài viết cũng phân tích những thành công hiện có và những phương hướng trong hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN trong sự chi phối lợi ích của các nước lớn. Nội dung này cũng được đề cập đến trong bài viết “*Đông Nam Á trong triển vọng chiến lược của Ấn Độ: hạn chế và cơ hội*” được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 7, năm 2013, của tác giả Shrikant Paranjpe thuộc Trung tâm Nghiên cứu chiến lược châu Á của Ấn Độ.

Ở các nước khác trong khu vực, các học giả và các nhà nghiên cứu cũng có các tài liệu bàn về hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN như “*The Association of Southeast Asian Nation: “Security or Defence Community ?”*” của Amitav Acharya; “*ASEAN Security Community*” của Ban Thư ký ASEAN; “*Managing Southeast Asian Security : The ASEAN Security and Institutional Change in ASEAN*” của Kwei Bo Huang; “*Forming a security community: lessons from ASEAN*” của Alan Colline...

Các công trình nghiên cứu và các bài viết trên là những tài liệu tham khảo quý báu, có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Đồng thời đó là những nhìn nhận, đánh giá chân thực và khách quan về toàn cầu hóa, ASEAN nói chung và hợp tác chính trị - an ninh mà cụ thể là APSC nói riêng trong ảnh hưởng của các nước lớn. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chưa đề cập hoặc đề cập một cách chung chung về tác động của toàn cầu hóa đến hợp tác về chính trị và an ninh của các nước ASEAN trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Do vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài này để đóng góp và bổ sung thêm vào các tài liệu phục vụ tham khảo và nghiên cứu về toàn cầu hóa và các vấn đề của Đông Nam Á.

4. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn này là nêu bật những tác động tích cực cũng như tiêu cực của toàn cầu hóa đối với hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Từ đó, đưa ra những giải pháp, dự đoán triển vọng của hợp tác ASEAN trước những tác động đó và có những góp ý đối với Việt Nam trong việc hợp tác trên phương diện này.

Để đạt được mục đích trên, đề tài này hướng đến đối tượng nghiên cứu là những tác động của toàn cầu hóa đối với các nước ASEAN trên lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh. Tác giả cũng đặt hợp tác trên lĩnh vực chính trị và an ninh các nước ASEAN trong tương quan lợi ích của các nước lớn tại khu vực này. Đồng thời, tác giả cũng phân tích những thích ứng của các nước Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa trong những năm gần đây.

Về phạm vi nghiên cứu của vấn đề, luận văn nghiên cứu trong thập niên đầu của thế kỷ XXI do vậy giới hạn thời gian là từ năm 2000 cho đến nay trong sự liên hệ với thời kỳ trước đó, đồng thời đưa ra một số dự báo trong vài năm tới.

5. Phương pháp nghiên cứu

Do đề tài luận văn có đề cập tới toàn cầu hóa và hợp tác về chính trị - an ninh của các nước ASEAN nên phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu ở đây là phương pháp lịch sử, phương pháp hệ thống, phân tích và tổng hợp từ những nghiên cứu của các chuyên gia hàng đầu về nghiên cứu Đông Nam Á và về quan hệ

quốc tế nhằm rút ra những nhận định có tính chân thực và khách quan phục vụ cho nghiên cứu được chi tiết, xác thực hơn.

Tác giả sử dụng các tài liệu nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam của các chuyên gia về nghiên cứu Đông Nam Á như TS. Nguyễn Huy Hoàng, PGS. TSKH. Trần Khánh, PGS. TS Nguyễn Thu Mỹ, PGS. TS Hoàng Khắc Nam, ThS. Hà Đan..., các bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Bộ Ngoại giao như Nghiên cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu quốc tế, Các vấn đề Kinh tế thế giới, Thông tấn xã Việt Nam..., các website chính thống của Chính phủ và các Bộ, ngành của Việt Nam và website chính thức của ASEAN (www.asean.org.com).

6. Cấu trúc của luận văn

Luận văn gồm 3 phần chính:

- ***Phần mở đầu***

Phần này chủ yếu nêu lý do chọn đề tài, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, thực trạng nghiên cứu đề tài hiện nay cũng như các phương pháp khoa học chủ yếu để thực hiện đề tài.

- ***Phần nội dung***

Phần này gồm 3 chương gồm “*Chương I – Sơ lược về toàn cầu hóa và vị trí của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN*”, “*Chương II – Tác động của toàn cầu hóa đến hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN những năm đầu thế kỷ XXI*” và “*Chương III – Triển vọng của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN những năm tới và một vài gợi ý cho Việt Nam*”.

- Trong chương I, luận văn trả lời câu hỏi “*Toàn cầu hóa là gì?*” và “*Vị trí của hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN như thế nào trong liên kết khu vực?*”. Ở câu hỏi thứ nhất, luận văn trình bày quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hóa. Từ đó, luận văn đưa ra khái niệm về toàn cầu hóa và bản chất của quá trình này. Ở câu hỏi thứ hai, tác giả trình bày khái quát về ASEAN và Cộng đồng ASEAN, cũng như những nét hợp tác của nhóm nước này trên lĩnh vực chính trị - an ninh trước và sau Chiến tranh Lạnh. Đồng thời, tác giả cũng trình bày những thành quả đầu tiên của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC).

- Trong chương II, tác giả đưa ra các nhận định và phân tích chi tiết những tác động tích cực và tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đến hợp tác của các nước ASEAN trên lĩnh vực chính trị - an ninh từ năm 2000 cho đến nay. Đây chính là phần quan trọng nhất của luận văn khi trả lời trực tiếp 2 câu hỏi “*Toàn cầu hóa thúc đẩy hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN như thế nào?*” và “*Toàn cầu hóa ảnh hưởng tiêu cực đến hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN như thế nào?*”.

- Trong chương III, tác giả đưa ra các kịch bản và dự báo triển vọng của hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa những năm sắp tới dựa trên những phân tích các thuận lợi cũng như khó khăn hiện có. Tác giả cũng đưa ra một vài gợi ý cho Việt Nam trong việc tăng cường đoàn kết, hợp tác khu vực trên phương diện chính trị - an ninh.

- ***Phân kết luận***

Phần này một lần nữa khái quát lại toàn bộ vấn đề nghiên cứu và đưa ra những đánh giá của cá nhân về triển vọng của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN nói riêng và liên kết khu vực nói chung trong bối cảnh toàn cầu hóa trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả đã có nhiều cố gắng nhằm tổng hợp các thông tin, phân tích các sự kiện cũng như xử lý số liệu và đưa ra những đánh giá, nhận xét của cá nhân. Tuy nhiên, do kiến thức còn nhiều hạn chế trong khi đây lại là một đề tài đòi hỏi cần phải có góc nhìn của chuyên gia về nghiên cứu Đông Nam Á và nghiên cứu trong thời gian dài nên chắc chắn luận văn còn nhiều thiếu sót và nhìn nhận chủ quan. Vì vậy, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để luận văn của mình được hoàn thiện và toàn diện hơn.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I: TOÀN CẦU HÓA VÀ VỊ TRÍ CỦA HỢP TÁC CHÍNH TRỊ - AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN

1.1. Khái quát về toàn cầu hóa

1.1.1. Lịch sử hình thành và khái niệm của toàn cầu hóa

Con người từ thời kỳ nguyên thủy đã có những quan hệ, giao lưu, trao đổi hàng hóa cho nhau. Theo chiều dài của lịch sử, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, các mối quan hệ này càng ngày càng trở nên sinh sôi nảy nở. Từ đó, hình thành nên các quốc gia, các chủ thể và các mối quan hệ quốc tế và theo đó quá trình quốc tế hóa cũng được bắt đầu. Quá trình này được đẩy mạnh với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản từ thế kỷ thứ XVI với các phát kiến địa lý, các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, sự phát triển của ngành công nghiệp bằng máy móc. Đặc biệt, với sự ra đời của các công ty Đông Ấn của các nước phương Tây trong thế kỷ XVII và XVIII là cơ sở để mở ra một thị trường thế giới chung mang tính chất toàn cầu, có sự tác động và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, đồng thời, xóa bỏ các cơ chế biệt lập, khép kín, nền sản xuất tự cung tự cấp. Các giá trị chuẩn mực trong quan hệ quốc tế cũng được hình thành và phát triển thành các ứng xử mang tính phổ quát trong đời sống con người.

Toàn cầu hóa có quá trình hình thành từ cuối thế kỷ XIX và từng bước vận động qua các nấc thang mang tính tiền đề là quốc tế hóa, khu vực hóa. Có thể chia quá trình hình thành toàn cầu hóa thành những giai đoạn lớn như sau:

- *Giai đoạn thứ nhất* diễn ra từ cuối thế kỷ XIX đến Chiến tranh Thế giới lần thứ I (1914 – 1918). Đây là giai đoạn hình thành và phát triển mạnh mẽ của xu thế quốc tế hóa (internationalisation). Trong bước chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh lên giai đoạn độc quyền, chủ nghĩa tư bản có sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất dẫn đến sự phân công lao động quốc tế và xuất khẩu tư bản trên quy mô rộng lớn, làm cho quá trình sản xuất và kinh doanh trên thế giới được triển khai trong thị trường có tính chất toàn cầu. Đặc điểm nổi bật của giai đoạn thứ nhất này là quá

trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa về vốn, kỹ thuật, nhân lực, thị trường... trên cơ sở các mối liên hệ theo chiều dọc là chính, tức là mối quan hệ bất bình đẳng giữa các nước tư bản đế quốc với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- *Giai đoạn thứ hai* diễn ra từ sau Chiến tranh thế giới lần I đến giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Đây là giai đoạn xu thế quốc tế hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ và xu thế khu vực hóa (regionalisation) xuất hiện. Sự phát triển của xu thế quốc tế hóa được thể hiện thông qua sự bùng nổ của các thể chế kinh tế toàn cầu (IMF, WB, GATT...), của thương mại, đầu tư, tài chính quốc tế và của các công ty xuyên quốc gia. Cũng chính trong những điều kiện lịch sử cụ thể của giai đoạn này, xu thế quốc tế hóa được hiện diện thông qua xu thế khu vực hóa. Hàng loạt tổ chức liên kết khu vực đã ra đời như: Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV - 1949); Cộng đồng châu Âu (EC - 1957); Tổ chức các nước châu Mỹ (OEA - 1948); Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU - 1963); Hiệp hội mậu dịch tự do Mỹ La-tinh (ALALC - 1960); Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN - 1967)... Cả hai quá trình quốc tế hóa và khu vực hóa trong giai đoạn này đều vận động qua nhiều thăng trầm bởi sự tác động của các sự kiện lịch sử phức tạp (chiến tranh thế giới, khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản...); đồng thời, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, chúng đều chứa đựng sắc thái co cụm, biệt lập, đối lập lẫn nhau giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

- *Giai đoạn thứ ba* diễn ra từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX đến nay. Với những tiền đề vật chất, thể chế, pháp lý cũng như kinh nghiệm... do quá trình quá trình quốc tế hóa, khu vực hóa tạo ra, đồng thời dưới sự tác động của các yếu tố kinh tế, khoa học công nghệ, chính trị... đã xuất hiện xu thế toàn cầu hóa (globalisation). Một nền sản xuất dựa trên sự phân công lao động quốc tế rộng rãi theo chiều ngang; một thị trường thế giới liên hoàn giữa các thực thể quốc gia; một luồng lưu chuyển nhanh chóng và không lờ về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, tài chính – tiền tệ, công nghệ... trên phạm vi toàn cầu; một mạng lưới dày đặc hàng vạn các công ty xuyên quốc gia; một hệ thống các thiết chế quốc tế đầy quyền lực; một cuộc sống văn hóa - xã hội có nhiều nét chung. Đó là những biểu hiện cụ thể của toàn cầu hóa. Người ta đã xác định rằng, “hiện nay đang hình thành một thế giới nhất thể hóa

trên cơ sở năm mạng lưới liên kết bao gồm: làng thông tin toàn cầu (global information village), chợ văn hóa toàn cầu (global cultural bazaar), đại siêu thị toàn cầu (global shopping mall), trụ sở lao động toàn cầu (global work place) và mạng lưới tài chính toàn cầu (global financial network)”¹

Như vậy là từ quốc tế hóa và khu vực hóa đến toàn cầu hóa đã diễn ra một quá trình lịch sử của sự hình thành, vận động và phát triển. *Quốc tế hóa* là quá trình liên kết, hợp tác, phân công lao động giữa hai quốc gia trở lên trong các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Chủ thể của mọi hành động vẫn là các quốc gia độc lập. *Khu vực hóa* là quá trình thiết lập các liên minh, liên kết giữa các quốc gia nằm trong cùng một khu vực trên cơ sở tương đồng, gắn gũi về văn hóa, địa lý và lợi ích cơ bản. Tuy các quốc gia dân tộc vẫn có vai trò là những chủ thể độc lập trong các hoạt động chủ yếu, nhưng chúng đã bị ràng buộc bởi các quy tắc pháp lý đã được thỏa thuận đa phương, đồng thời trước một số vấn đề quốc tế, chúng ứng xử trong tư cách một đối tác tập thể.

Hiện nay, có đến 80% dân số thế giới chưa hiểu rõ về toàn cầu hóa và có sự khác nhau về quan điểm toàn cầu hóa giữa các khu vực, các quốc gia. Nhiều quan điểm cho rằng toàn cầu hóa là xu thế tất yếu nhưng cũng có những quan điểm cho rằng toàn cầu hóa về thực chất là Mỹ hóa vì họ cho rằng Mỹ luôn đi đầu về nhiều vấn đề, khởi xướng nhiều vấn đề tự do hóa. Dẫu vậy, các học thuyết đều có những nhìn nhận chung về toàn cầu hóa và lịch sử hình thành, vận động và phát triển của nó.

Dưới góc độ kinh tế, các nhà kinh tế học cho rằng “Toàn cầu hóa là sự phát triển của một thị trường toàn cầu hợp nhất hoặc là các điều kiện để dẫn thế giới tới thị trường toàn cầu hợp nhất”². Và Ủy ban châu Âu cũng đã đưa ra một quan niệm mang tính chất kinh điển “Toàn cầu hóa là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau đang ngày càng phụ thuộc do có sự năng động của hàng hóa và dịch vụ cũng như do có sự lưu thông của tư bản. Đây không phải là hiện tượng mới, mà là sự tiếp tục của một tiến trình đã được khai mào

¹ Phan Doãn Nam, *Một vài suy nghĩ về vấn đề toàn cầu hóa*, Tạp chí Cộng sản, số 15, Hà Nội, 1998, trang 3.

² Mary Farrell and Peter Pogany, *Globalization and Regional Economic Integration: Problems and Prospects*, Tài liệu tập huấn lần thứ 14, Học viện quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2000, Trang 2.

từ khá lâu”³. Dưới góc độ chính trị, toàn cầu hóa lôi cuốn tất cả các quốc gia – dân tộc, các thể chế, các chế độ chính trị khác nhau vừa gặt hái được những thành quả của quá trình lại vừa phải đối phó với những thách thức mà nó mang lại. Quá trình này chứa đựng đầy mâu thuẫn giữa quyền lực và lợi ích của các nước lớn với quyền lợi và chủ quyền của các nước yếu và nhỏ hơn. Dưới góc độ xã hội, toàn cầu hóa thúc đẩy nhanh quá trình xã hội hóa, quốc tế hóa lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, nó cũng làm gia tăng sự bất bình đẳng xã hội, khoét sâu sự chênh lệch giữa giàu nghèo, trình độ phát triển giữa các quốc gia và làm phát sinh các vấn đề tiêu cực của xã hội.

Từ các phân tích ở trên, có thể đưa ra kết luận rằng: *Toàn cầu hóa là quá trình hay là một hiện tượng trong quan hệ quốc tế hiện đại làm tăng lên mạnh mẽ sự phụ thuộc, sự ảnh hưởng, sự tác động lẫn nhau trên nhiều mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội giữa các quốc gia dân tộc.* Đây là quá trình phổ biến hóa trên phạm vi toàn cầu những giá trị, hoạt động, mô hình... về kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, công nghệ...nhất định. Từ đó, có thể thấy, toàn cầu hóa là một xu hướng làm cho các mối quan hệ quốc tế trở nên ít bị ràng buộc bởi địa lý lãnh thổ, ranh giới tự nhiên.

Toàn cầu hóa bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế và cho đến nay, nội dung chủ yếu của nó vẫn là toàn cầu hóa kinh tế. Nói cách khác, toàn cầu hóa kinh tế vừa là trung tâm vừa là cơ sở và cũng là động lực thúc đẩy các lĩnh vực khác (văn hóa, xã hội, chính trị...) theo xu thế toàn cầu hóa. Sự tham gia vào quá trình toàn cầu hóa được gọi là hội nhập (intergration) theo nhiều cấp độ và nội dung khác nhau như hội nhập khu vực, hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế, hội nhập văn hóa...

1.1.2. Bản chất của toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế có những tác động hết sức sâu sắc đến hầu hết mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của từng nước và toàn bộ các mối quan hệ quốc tế. Tùy thuộc vào nhận thức và lợi ích mà họ được hưởng hoặc mất đi trong quá trình này, những người được lợi thì hưởng ứng, còn những người thua thiệt thì phản đối.

³ Graham Thompson, *Introduction: Situating Globalization* // International Social Sciences journal, UNESCO, 1999, No 10, p.140.

Những người có quan điểm trung dung cho rằng, toàn cầu hóa là một xu thế phát triển tất yếu của lịch sử, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, vừa có những tác động tích cực và tiêu cực đối với tất cả các chủ thể tham gia quan hệ quốc tế. Vấn đề đặt ra với các nước là làm thế nào để tận dụng tốt nhất các cơ hội do quá trình này tạo ra và đối phó hiệu quả với những thách thức.

Phái lạc quan ủng hộ toàn cầu hóa cho rằng toàn cầu hóa và hội nhập đã tạo ra những khả năng mới để nâng cao năng suất, sản lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và các yếu tố sản xuất. Do vậy, tăng khả năng tiêu thụ và tiếp cận các nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh (nguyên liệu, vốn, công nghệ,...), tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện mức sống trên toàn thế giới nhờ tăng trưởng kinh tế và khả năng để mọi người được tiếp cận những hàng hóa, dịch vụ đa dạng phong phú với giá cả hợp lý hơn. Theo trường phái này thì toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế không phải là nguyên nhân gây ra thất nghiệp và phát triển không đồng đều, mà chúng lại giúp tạo ra khả năng giải quyết các vấn đề đó.

Những người thuộc trường phái chống toàn cầu hóa cho rằng, quá trình này gây ra nhiều tác động tiêu cực về kinh tế, chính trị, xã hội đối với các nước và những tầng lớp dân chúng trong xã hội. Những mặt trái của nó gây nhiều tác hại làm cho nhiều công ty, xí nghiệp bị phá sản và hàng loạt người lao động mất việc làm (ngay cả những người lao động tại các nước phát triển cũng mất việc làm vì sự cạnh tranh cao của lao động giá rẻ ở các nước đang phát triển); làm gia tăng sự bóc lột và bất công trong mỗi xã hội và giữa các nước; khoét sâu hố ngăn cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội và giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển; đe dọa nền dân chủ và sự ổn định xã hội; uy hiếp độc lập tự chủ các quốc gia; phá hoại truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc; phá hủy môi trường và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên; là nguyên nhân gây khủng hoảng tài chính và kinh tế. Nhiều nhà phân tích cho rằng, các nước đang phát triển chính là các nước phải gánh chịu những thua thiệt và bất lợi lớn nhất.

Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã xác định: “Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu

tranh”⁴. Rõ ràng, toàn cầu hóa có bản chất kép. Một mặt, đó là *một xu thế khách quan* như kết quả của sự phát triển cao của lực lượng sản xuất và các yếu tố vật chất khác. Mặt khác, toàn cầu hóa là *hệ quả các nhân tố chủ quan*, hay nói cách khác, đây là một quá trình kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa bị một số thế lực quốc tế lợi dụng, chi phối. Sự đan xen giữa cái khách quan và cái chủ quan đã làm cho toàn cầu hóa, về bản chất, trở thành quá trình đầy mâu thuẫn, chứa đựng cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực đối với từng quốc gia, cũng như toàn thể nhân loại.

Về bản chất khách quan của xu thế toàn cầu hóa được quy định bởi bốn yếu tố chủ yếu là: sự phát triển cao của lực lượng sản xuất trong thời đại của cách mạng khoa học – công nghệ; sự gia tăng phân công lao động quốc tế; sự phát triển sâu rộng của kinh tế thị trường trên phạm vi toàn thế giới và sự hiện diện nóng bỏng của các vấn đề toàn cầu. Nói cách khác, toàn cầu hóa là một xu thế lịch sử xuất hiện trong những điều kiện của một thời đại cụ thể và được quyết định trước hết bởi các nhân tố vật chất khách quan của chính thời đại ấy.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tác động mạnh mẽ đến tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất theo hướng hiện đại hóa và xã hội hóa, quốc tế hóa cao độ. Những công cụ thông tin, những phương tiện giao thông vận tải, những thiết bị lao động nối mạng... đã rút ngắn một cách đáng kể khoảng cách về thời gian và không gian, làm cho mối liên hệ quốc gia có phạm vi vô cùng rộng mở. Đây là yếu tố vật chất có tính quyết định sâu xa nhất đối với sự ra đời và phát triển của xu thế toàn cầu hóa.

Sự phân công lao động quốc tế, tuy đã xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhưng mới chỉ bước đầu phát triển cả về bề rộng lẫn cả về bề sâu từ một vài thập kỷ gần đây. Trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế so sánh, từng chủ thể sản xuất – kinh doanh đã chủ động tìm kiếm, xác lập cho mình một chỗ đứng trong hệ thống sản xuất kinh doanh – toàn cầu. Các mối quan hệ kinh tế quốc tế đa tầng, đa dạng, tồn tại đan xen, chằng chéo và phụ thuộc lẫn nhau hiện nay là bức tranh phản ánh sinh động trình độ vượt bậc của phân công lao động quốc tế.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX*, Hà Nội, 2001.

1.2. Vị trí của hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong Liên kết khu vực

1.2.1. Khái quát chung về ASEAN

1.2.1.1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập chính thức vào ngày 8-8-1967, sau khi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của các nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan ký bản *Tuyên bố ASEAN* hay còn gọi là Tuyên bố Băng-cốc. Hiện nay, tổ chức khu vực này có 10 thành viên bao gồm 5 nước thành viên ban đầu và 5 thành viên gia nhập sau gồm có Bru-nây Đa-rút-salam (8-1-1984), Việt Nam (28-7-1995), Lào và My-an-ma (23-7-1997), Cam-pu-chia (30-4-1999). Từ những năm 90 của thế kỷ XX, ASEAN đã nổi lên như là một tổ chức khu vực hoạt động năng nổ và hữu hiệu.

Về bản chất, ASEAN là tập hợp của các nước vừa và nhỏ trong khu vực nhằm để duy trì hòa bình, ổn định chung trong khu vực; tạo vị thế trong quan hệ với các nước lớn và các tổ chức khu vực khác; thúc đẩy hội nhập kinh tế trong khu vực và với các nước đối tác bên ngoài. Đặc điểm và tính chất cơ bản của ASEAN là:

- Một tổ chức liên chính phủ;
- Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên;
- Mọi quyết định đưa ra phải dựa trên sự đồng thuận của các thành viên tham gia Hiệp hội.

Trong suốt hơn 45 năm qua, kể từ khi thành lập cho đến nay, ASEAN đã góp phần ngăn ngừa xung đột xảy ra ở khu vực, nhất là qua nhiều lần biến động ở khu vực và thế giới, từ đó góp phần quan trọng tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN cũng góp phần hạn chế những nghi kỵ, tạo dựng được sự tin cậy và hợp tác giữa các nước thành viên. ASEAN cũng phát huy được vai trò làm trung gian, xúc tác và cung cấp diễn đàn để các nước lớn tiến hành đối thoại và hợp tác với nhau mà trong đó ASEAN giữ vai trò điều phối lợi ích của các bên. Nhờ đó, ASEAN không những giữ không để xung đột lợi ích giữa các nước lớn làm mất ổn định mà còn tranh thủ được các nước lớn để phục sự phát triển kinh tế và duy trì an ninh khu vực. ASEAN cũng đã thúc đẩy tiến trình liên kết kinh tế khu vực, tạo thế để ASEAN hợp tác kinh tế với các nước đối tác bên ngoài.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN có điểm mạnh là nằm tại vị trí địa - chiến lược quan trọng và trong quá trình phát triển của mình đã tạo lập được môi trường để thúc đẩy sự hợp tác với các nước lớn nên các nước lớn đều cần sự tranh thủ; trong quá trình đó, ASEAN cũng khá linh hoạt và năng động, nên đã thích nghi được với những hoàn cảnh và điều kiện biến đổi. Tuy nhiên, bên cạnh điểm mạnh và các thuận lợi đó vẫn còn có những điểm yếu và các khó khăn, thách thức. Điểm yếu lớn nhất của ASEAN là nội lực còn kém do các thành viên hiện nay đa phần là các nước kém phát triển, các nước có nền kinh tế nhỏ và vừa, phải dựa nhiều vào môi trường ở bên ngoài, do vậy khó hoặc chưa giải quyết được những vấn đề lớn.

Thành công lớn nhất của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là tiếp tục duy trì được sự đoàn kết, tập hợp thông qua việc áp dụng linh hoạt các “phương cách ASEAN”. Trong đó, quan trọng nhất trong quan hệ đối nội là: tôn trọng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ của nhau; không chỉ trích công khai; hợp tác hình thức trước, nội dung thực chất sau. Còn trong quan hệ đối ngoại của ASEAN là không liên minh đe dọa ai; quan hệ tương đối cân bằng và tạo những môi trường thuận lợi cho hợp tác với các nước lớn...

1.2.1.2. Cộng đồng ASEAN

Tháng 12-1997, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN, lãnh đạo của các nước thành viên đã thông qua văn kiện “Tầm nhìn ASEAN 2020” với mục tiêu tổng quát là đưa Hiệp hội trở thành “một nhóm hài hòa các dân tộc Đông Nam Á, gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau”⁵. Tháng 10-2003, lãnh đạo các nước ASEAN đã ký bản *Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (hay còn gọi là Tuyên bố Ba-li II - TAC)*, nhất trí đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 dựa trên 3 trụ cột chính: Cộng đồng An ninh (ASC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa Xã hội (ASCC); đồng thời khẳng định ASEAN tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước bên ngoài vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và hợp tác

⁵ Bộ Ngoại giao, *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*, xem tại đường link <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeToChucQuocTe?diplomacyOrgId=124> (truy cập ngày 2/7/2013)

cùng có lợi. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 13 (tháng 11-2007), lãnh đạo các nước thành viên đã thống nhất ký Hiến chương ASEAN nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế với mục đích thắt chặt liên kết khu vực. Hiến chương đã chính thức có hiệu lực vào ngày 15-12-2008. Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (2-2009). Hiện nay, các nước thành viên đang tiếp tục đẩy mạnh và nỗ lực thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á thành “một tổ chức hợp tác liên chính phủ, liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN; nhưng không phải là một tổ chức siêu quốc gia và không khép kín mà vẫn mở rộng hợp tác với bên ngoài”⁶.

Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên 3 trụ cột là: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa Xã hội. Trong đó:

- *Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)* nhằm tạo dựng một môi trường hòa bình và ổn định cho sự phát triển ở khu vực Đông Nam Á, không nhằm tạo ra một khối phòng thủ chung.

- *Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)* nhằm tạo ra một môi trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung của tất cả các thành viên trong Cộng đồng ASEAN; tạo sự hấp dẫn với đầu tư - kinh doanh từ bên ngoài.

- *Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN (ASCC)* với mục tiêu là phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN, sẽ tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến bình đẳng và công bằng xã hội, bản sắc văn hóa, môi trường, tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ.

Do sự đa dạng cũng như khác biệt khá lớn của các nước thành viên, nhất là về khoảng cách phát triển, chế độ chính trị - xã hội cùng những tính toán chiến lược

⁶ Bộ Ngoại giao; Vụ ASEAN, *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*, xem tại đường link <http://asean.mofa.gov.vn/vi/nr130930205728/nr131113222745/ns131113223954> (truy cập ngày 2/7/2013)

riêng và lợi ích quốc gia dân tộc của mỗi nước nên dù cho các liên kết ASEAN càng ngày càng sâu rộng nhưng mức độ liên kết chưa cao và chưa đồng đều giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

1.2.2. Vị trí của hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong Liên kết khu vực

1.2.2.1. Một số nét về hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN thời kỳ Chiến tranh Lạnh

Đối với khu vực Đông Nam Á, thời kỳ Chiến tranh Lạnh (1945 – 1990) là một thời kỳ không ổn định do chịu ảnh hưởng và sự chi phối sâu sắc của cuộc đối đầu Liên Xô - Mỹ và quan hệ tam giác chiến lược Liên Xô - Mỹ - Trung Quốc. Các mối quan hệ giữa các nước trong khu vực diễn biến phức tạp, lúc hòa bình, hữu nghị, lúc căng thẳng mâu thuẫn, đối đầu với sự bao phủ của bầu không khí thiếu tin cậy, nghi kỵ lẫn nhau giữa hai nhóm nước lúc bấy giờ là Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) và ASEAN.

Thắng lợi của các nước Đông Dương năm 1975 đã mở ra cơ hội mới cho việc cải thiện quan hệ giữa hai nhóm nước trong khu vực và sự hợp tác giữa các quốc gia Đông Nam Á. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ nhất năm 1976, các nước ASEAN đã ký Hiệp ước Bali (*Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á – TAC*). Cũng theo đó, các nước Đông Dương cũng bày tỏ thiện chí mong muốn xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước khác trong khu vực thông qua các Tuyên bố chung Lào - Việt (2-1975), Việt Nam – Phi-líp-pin (7-8-1975)... Tuy nhiên, cơ hội thúc đẩy hòa bình, hợp tác hữu nghị ở Đông Nam Á lại đối mặt với thách thức và bị bỏ lỡ khi vấn đề Cam-pu-chia nổi ra cùng với diễn biến phức tạp của tình hình hình thế giới làm cho quan hệ giữa các hai nhóm nước ASEAN - Đông Dương nhanh chóng chuyển sang hướng xấu đi. Năm 1982, sau khi Việt Nam đơn phương tuyên bố hàng năm sẽ rút quân tình nguyện khỏi Cam-pu-chia, tiến trình đối thoại giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông Dương nhằm tìm ra giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia đã được mở ra. Sau đó, các cuộc tiếp xúc giữa hai nhóm nước này đã làm cho quan hệ hai bên dần bớt căng thẳng. Tháng 7-1987, Việt Nam đại diện cho nhóm các nước Đông Dương và In-đô-nê-xi-a đại diện cho ASEAN đã ký thông cáo chung mở đầu quá trình đối thoại giải quyết vấn đề Cam-pu-chia. Và đến tháng 10-1990, Hội nghị quốc tế về Cam-pu-chia đã họp tại Pa-ri và ký kết các

văn kiện về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Cam-pu-chia. Đây là thành quả của các cuộc tiếp xúc và đối thoại giữa hai bên, mở ra điều kiện thuận lợi cho việc giảm dần các căng thẳng và tiến tới mục tiêu hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nhóm nước trong khu vực trong những năm tiếp theo.

Ngoài mối quan hệ giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông Dương, trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, quan hệ hợp tác giữa các nước ASEAN cũng có những tiến triển nhất định. Có thể thấy mục tiêu hàng đầu của ASEAN kể từ ngày thành lập là hướng tới sự hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực nhằm thúc đẩy hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển chung của khu vực. Tuy nhiên, do ra đời và hoạt động dưới ảnh hưởng trực tiếp của trật tự thế giới hai cực trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cho nên các nước Đông Nam Á là thành viên của ASEAN đã ưu tiên đặt nội dung hợp tác và liên kết chủ yếu trên lĩnh vực chính trị và an ninh. Bởi vậy, thành công nổi trội của ASEAN thời kỳ Chiến tranh Lạnh cũng chính là những kết quả đạt được trong hợp tác chính trị và an ninh.

Nhìn chung, trong giai đoạn này, hợp tác an ninh của ASEAN được tiến hành chủ yếu trên cơ sở song phương giữa các nước thành viên của ASEAN với nhau hoặc giữa các thành viên ASEAN với các cường quốc quân sự nằm ngoài khu vực. Các hình thức cơ bản của hợp tác an ninh giữa các nước thành viên chủ yếu là trên vấn đề:

- Trao đổi người và thông tin tình báo;
- Cùng sản xuất và buôn bán vũ khí;
- Tích trữ lương thực và vận chuyển nhiên liệu;
- Tập trận chung;
- Hợp tác an ninh trên biên giới.

Trong các vấn đề nêu trên thì hợp tác an ninh biên giới là phổ biến nhất. Đây là hình thức hợp tác an ninh lâu dài nhất trong các hình thức hợp tác an ninh của các nước thành viên ASEAN cũ và đã được hợp pháp hóa bằng các hiệp định biên giới. Hình thức hợp tác an ninh song phương quan trọng thứ hai là tập trận chung. Các cuộc tập trận chung giai đoạn này chủ yếu là giữa các nước thuộc khối Hiệp ước phòng thủ 5 nước và tập trận về hải quân và không quân.

Với các hợp tác an ninh bên ngoài, các nước thành viên ASEAN ưu tiên hợp tác với Mỹ. Bảng tổng hợp dưới đây sẽ cho chúng ta thấy rõ điều đó:

Bảng 1.2.2: Quan hệ an ninh giữa các nước ASEAN và bốn cường quốc tính tới năm 1988

Các nước Đông Nam Á	Mỹ	Liên Xô	Trung Quốc	Nhật Bản
<i>Bru-nây</i>	Hợp tác an ninh	-	-	-
<i>In-đô-nê-xi-a</i>	Hợp tác an ninh	-	-	-
<i>Ma-lay-xi-a</i>	Hợp tác an ninh	-	-	-
<i>Phi-líp-pin</i>	Hiệp ước Đồng minh và hiện diện quân sự	-	-	-
<i>Xin-ga-po</i>	Hợp tác an ninh	-	-	-
<i>Thái Lan</i>	Hiệp ước Đồng minh	-	-	-

(Nguồn: Tin tham khảo đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam, ra ngày 2-8-1988)

Tuy nhiên, các hợp tác an ninh trực tiếp hay gián tiếp này của các nước ASEAN-5 với Mỹ không được như mong đợi khi Mỹ sa lầy và thất bại tại chiến trường Đông Dương và nước Mỹ quyết định giảm bớt cam kết an ninh ở Đông Nam Á. Điều này buộc các nước ASEAN tìm kiếm những phương cách mới để đảm bảo an ninh quốc gia cũng như an ninh chung của Hiệp hội.

Trong hơn hai thập niên kể từ khi thành lập đến khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, ngoài việc tăng cường trao đổi ý kiến và thảo luận để hiểu biết nhau hơn, thăm dò khả năng và thúc đẩy hợp tác, ASEAN đã xử lý có hiệu quả tranh chấp giữa các nước thành viên. Việc dàn xếp tranh chấp chủ quyền vùng Xa-ba giữa Ma-lay-xi-a và Phi-líp-pin, việc hòa giải quan hệ căng thẳng giữa In-đô-nê-xi-a và Xin-ga-po xung quanh việc Tòa án tối cao Xin-ga-po quyết định hành hình hai sĩ quan thủy quân của In-đô-nê-xi-a dưới tội danh phá hoại và ám sát... là những minh chứng rõ cho điều này. Thời kỳ này đã diễn ra ba Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN vào các năm 1976, 1977 và 1987 với chương trình nghị sự chủ yếu là tập trung vào vấn đề hợp tác an ninh, chính trị. Tháng 11-1971, tại Ma-lay-xi-a, Bộ trưởng Ngoại giao của năm nước ASEAN đã ký bản Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ khẳng định cam kết

của Hiệp hội đối với việc duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á; quyết định sẽ cùng nhau xúc tiến các nỗ lực cần thiết nhằm khẳng định và thúc đẩy *Khu vực tự do, hòa bình và trung lập ở Đông Nam Á (ZOPFAN)*. Sáng kiến này được đưa ra trong hoàn cảnh xuất hiện khoảng trống quyền lực trong khu vực do Mỹ đang sa lầy ở chiến trường Đông Dương nhằm tránh sự dính líu của các cường quốc khác tại khu vực nhằm đảm bảo ổn định và an ninh khu vực. Sáng kiến ZOPFAN là sự phản ánh ý nguyện của các nước này vươn lên tự quyết định vận mệnh của mình.

Tháng 2-1976, tại Ba-li, In-đô-nê-xi-a, trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ nhất, dựa trên tư tưởng ZOPFAN, các nước ASEAN đã ký *Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (Hiệp ước Ba-li)* với mục tiêu là tạo khuôn khổ cho một nền hòa bình lâu dài trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, giải quyết hòa bình các tranh chấp trong khu vực... Cùng với Hiệp ước Ba-li, Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN cũng được ký kết, nêu rõ những mục tiêu và nguyên tắc bảo đảm sự bảo đảm chính trị và xúc tiến hợp tác trên tất cả các lĩnh vực giữa các nước thành viên. “Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ nhất đã chính thức khẳng định sự hợp tác chính trị của ASEAN, đánh dấu bước chuyển biến cơ bản của Hiệp hội”⁷.

Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ hai năm 1977 đã chính thức hóa các cuộc đối thoại của ASEAN với các nước công nghiệp phát triển. ASEAN đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng thương lượng hòa bình, hòa giải mối quan hệ giữa ASEAN và Đông Dương, đóng góp vào việc xây dựng một môi trường có lợi cho hòa bình và ổn định tại khu vực Đông Nam Á. Cũng từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, ASEAN đưa ra dự thảo về Khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á, kết hợp với ZOPFAN, tiến hành các cuộc tiếp xúc với các nước đối thoại chủ chốt như Mỹ, Nhật Bản, EC... về các vấn đề quốc tế và khu vực cùng quan tâm. Ngày 8-1-1984, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á kết nạp thành viên thứ sáu của mình là Bru-nây Đa-rút-sa-lam. Đây được xem là một bước tiến

⁷ Vũ Thị Mai – Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, *Hợp tác trong lĩnh vực Chính trị - An ninh giữa các nước ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới*, Tạp chí “Những vấn đề kinh tế thế giới”, Số 8, 2004, tr.27

quan trọng trong việc mở rộng liên kết giữa các quốc gia trong khu vực, tạo tiền đề cho những lần kết nạp thành viên sau này.

Như vậy, có thể thấy, chỉ đến khi chiến tranh chống xâm lược của đế quốc Mỹ và thống nhất đất nước của Việt Nam kết thúc (1975) và vấn đề Cam-pu-chia tìm ra được giải pháp, mới tạo ra được bước đột phá để quan hệ giữa giữa các nước trong khu vực bước sang một giai đoạn mới, mở ra cơ hội và điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác, liên kết Đông Nam Á trong giai đoạn sau này đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị và an ninh.

1.2.2.2. Hợp tác và liên kết ASEAN về chính trị - an ninh ASEAN sau Chiến tranh Lạnh cho đến nay

Chiến tranh Lạnh kết thúc với sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, trật tự thế giới hai cực kết thúc, làm thay đổi một cách sâu sắc cục diện thế giới. Cơ cấu địa – chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu hoàn toàn bị đảo lộn. Trong bối cảnh đó, trên thế giới đã diễn ra những thay đổi có tính chất xu thế, đan xen phức tạp, thậm chí trái chiều nhau. Tuy vậy, hệ quả của sự kiện này đối với từng khu vực mang những nét đặc thù khác nhau. Chẳng hạn, ở châu Âu, những bất đồng về biên giới lãnh thổ, về dân tộc và tôn giáo vốn bị dồn nén bởi quá trình đối đầu Đông – Tây đã bùng lên dữ dội. Trong khi đó, ở Đông Nam Á mặc dù vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây xung đột, nhưng tình hình an ninh, chính trị nhìn chung được cải thiện, đặc biệt là vấn đề Cam-pu-chia đã đi đến giải pháp toàn diện. Nhìn chung, xu thế hòa dịu - hòa hoãn, hợp tác tỏ ra chiếm ưu thế trong quan hệ quốc tế trong thời gian này. Với nhiều cấp độ khác nhau, tiến trình cải thiện quan hệ giữa các nước, các đối thủ cũ vốn từng đứng trên hai chiến tuyến đối lập nhau được thúc đẩy, hình thành nhiều mối quan hệ hợp tác, liên kết mới trên các lĩnh vực theo xu hướng chú trọng lợi ích dân tộc và mục tiêu phát triển. Quan hệ giữa các nước lớn thay đổi nhanh chóng, từ chỗ mất cân bằng ngay sau Chiến tranh lạnh chuyển sang tìm kiếm sự cân bằng mới, kiềm chế bất đồng, tránh những xung đột mang tính chất đối kháng.

Sau Chiến tranh Lạnh, tại Đông Nam Á, sự cải thiện quan hệ giữa các nước lớn tạo thuận lợi cho các nước Đông Nam Á không chỉ phá bỏ bức tường ngăn cách

giữa họ do Chiến tranh Lạnh dựng lên, mà còn thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ của bản thân các nước trong khu vực với các nước lớn: Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Xin-ga-po bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc; quan hệ Việt - Mỹ đã đi vào bình thường hóa và ngày càng nồng ấm... Cũng theo đó, quan hệ của các nước Đông Nam Á với các tổ chức khu vực khác cũng ngày càng được tăng cường (như Hội đồng hợp tác vùng Vịnh GCC, MERCOSUR...)

Khi các rào cản do sự khác biệt về chế độ chính trị và những nghi kỵ đang dần được loại bỏ, cùng với sự bùng nổ của toàn cầu hóa, quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á ngày càng diễn ra sôi động theo hướng đẩy mạnh quá trình hợp tác, liên kết khu vực. Với nòng cốt là ASEAN, quá trình này đã đạt nhiều thành quả tích cực dù gặp không ít những khó khăn, nâng cao vị thế của Đông Nam Á ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Trên lĩnh vực hợp tác chính trị, an ninh, bước tiến đáng ghi nhận đầu tiên là việc cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương và My-an-ma. Với xu thế mới, ASEAN được nhìn nhận là tổ chức đóng vai trò hạt nhân trong quá trình khu vực hóa Đông Nam Á, do vậy các nước Đông Dương và My-an-ma cũng tích cực chuẩn bị gia nhập ASEAN và coi đây là hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình. Theo đó, Việt Nam là nước đầu tiên trong ba nước Đông Dương được kết nạp vào Hiệp hội (28-7-1995), kế tiếp là Lào và My-an-ma (23-7-1997), Cam-pu-chia (30-4-1999). Với vai trò của mình, ASEAN đã khởi tiến những bước đi đầu tiên trong việc tạo lập lòng tin và thực thi chính sách ngoại giao phòng ngừa, góp phần củng cố an ninh khu vực.

Thành công lớn tiếp theo trên lĩnh vực chính trị - an ninh của các nước Đông Nam Á thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh đó chính là tạo dựng được các cơ chế hợp tác song phương và đa phương, các diễn đàn đối thoại, các hội nghị về hợp tác an ninh khu vực. Trong những năm gần đây ghi nhận những nỗ lực của ASEAN trong việc thúc đẩy sâu rộng các mối quan hệ với các đối tác đối thoại thông qua các khuôn khổ ASEM, hợp tác tiểu vùng, ASEAN+3 (với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), ASEAN+1 (với từng nước trong ba nước nêu trên), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng (EAMF)... nhằm hỗ

trợ cho mục tiêu xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN vào năm 2015. Và các cơ chế, diễn đàn này đã trở thành những khuôn khổ đối thoại và hợp tác hiệu quả về xây dựng lòng tin, bảo đảm hòa bình, ổn định và an ninh ở khu vực.

Một bước tiến nữa không thể không nhắc tới đó là việc lãnh đạo các quốc gia ASEAN thống nhất hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 thông qua Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (TAC) vào tháng 10-2003. Sau hơn một thập kỷ, với mục tiêu đó, các nước ASEAN đã gặt hái được những thành tựu quan trọng:

- *Về hợp tác phát triển chính trị:* ASEAN đã nỗ lực gắn kết, thúc đẩy hợp tác và tham vấn cũng như tăng cường hiểu biết giữa các nước các cơ quan chuyên ngành ở cấp độ khu vực và quốc gia trong các lĩnh vực giáo dục, luật pháp, thông tin, văn hóa. Đáng chú ý, ASEAN đã thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR), Viện Hòa bình hòa giải ASEAN (AIPR).

- *Về xây dựng và chia sẻ chuẩn mực chung:* Hiến chương ASEAN được thông qua năm 2008 đã tạo ra các khuôn khổ thể chế và pháp lý của ASEAN hướng tới phối hợp hiệu quả hơn giữa các cơ quan trong ASEAN như 3 Hội đồng Cộng đồng, Hội đồng Điều phối ASEAN (ACC), Ủy ban đại diện thường trực ASEAN (CPR). Ngoài ra, ASEAN cũng xây dựng các quy tắc chuẩn mực điều chỉnh hành xử ở khu vực thông qua các văn kiện pháp lý như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), Tuyên bố EAS về các nguyên tắc quan hệ cùng có lợi ở khu vực...

- *Về các biện pháp phòng ngừa xung đột và xây dựng lòng tin:* Các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng đã đạt nhiều tiến triển đáng ghi nhận thông qua việc xuất bản Tài liệu viễn cảnh An ninh ASEAN hàng năm, thúc đẩy cơ chế hợp tác quốc phòng như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) và ADMM mở rộng (ADMM+). Hội nghị ADMM + được tổ chức lần đầu tiên năm 2010 khi chúng ta đảm nhiệm chức Chủ tịch luân phiên của ASEAN. Đáng chú ý, Công ước ASEAN về Chống khủng bố có hiệu lực năm 2011 đã đề ra nhiều chương trình hành động, kế hoạch công tác cũng như các biện pháp hợp tác đối phó với các thách thức phi truyền thống đang nổi lên hiện nay.

- Về các thách thức an ninh phi truyền thống: ASEAN đạt nhiều thành tựu quan trọng trong ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, trong đó có chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, buôn bán người...

- Về vấn đề hợp tác an ninh, quốc phòng: ASEAN đã có những đóng góp quan trọng và thể hiện vai trò không thể thiếu đối với bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh khu vực, trong đó có về vấn đề Biển Đông. Trong những năm qua, ASEAN đã không ngừng nỗ lực về xây dựng lòng tin và bảo đảm hòa bình, an ninh, an toàn hàng hải ở Biển Đông, đáng chú ý là việc đạt được Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) năm 2002. Trước tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, các nước đều ủng hộ các nguyên tắc của ASEAN, đó là: bảo đảm hòa bình, an ninh, an toàn hàng hải; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; tôn trọng luật pháp quốc tế và Công ước luật biển; thực hiện đầy đủ DOC và sớm tiến tới Bộ quy tắc ứng xử COC. Các quy tắc hướng dẫn thực hiện DOC năm 2011; Tuyên bố Nguyên tắc 6 điểm của ASEAN về Biển Đông năm 2012 và Tuyên bố Cấp cao ASEAN-Trung Quốc kỷ niệm 10 năm DOC năm 2012.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực trên, môi trường an ninh ở Đông Nam Á vẫn rất bấp bênh bởi sự tiềm ẩn của các nguy cơ xung đột ở nhiều nơi trong khu vực, đặc biệt là cuộc tranh chấp chủ quyền, biên giới lãnh thổ, vấn đề biển Đông, các vấn đề tôn giáo, sắc tộc... Xuất phát từ thực tế này, các nước ASEAN đã nhận thấy cần thiết phải xây dựng một cơ chế hợp tác an ninh đa phương ở khu vực để đảm bảo hòa bình, ổn định cho Đông Nam Á.

1.2.2.3. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN – một trong ba trụ cột hình thành Cộng đồng ASEAN

Hợp tác trên lĩnh vực Chính trị - An ninh chính là một trong những nội dung quan trọng nhất của liên kết các nước ASEAN mà trong đó, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN đóng vai trò là một trong ba trụ cột giúp hình thành một Cộng đồng ASEAN hòa bình, ổn định, thống nhất và phát triển phồn thịnh của các quốc gia Đông Nam Á.

Ý tưởng xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN ra đời vào năm 2003 dựa trên sáng kiến của In-đô-nê-xi-a. Tại Hội nghị ngoại trưởng ASEAN lần

thứ 37 trên cơ sở nhận thức rõ phải đưa hợp tác Chính trị - An ninh của các nước Đông Nam Á lên một tầm cao mới nhằm duy trì hòa bình, ổn định khu vực bên cạnh việc thúc đẩy liên kết kinh tế. Tháng 11-2004, Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tổ chức tại Viêng-chăn (Lào) đã thông qua “Cương lĩnh hành động của Cộng đồng An ninh ASEAN”; Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 năm 2009 đã thông qua “Kế hoạch xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN”.

Ban đầu, ASEAN sử dụng tên gọi Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC). Sau khi có Hiến chương ASEAN năm 2007, Cộng đồng An ninh ASEAN mang tên gọi mới là Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) để phản ánh đúng tính chất của trụ cột này là hợp tác chính trị và an ninh trong ASEAN. Theo sự giải thích của In-đô-nê-xi-a, việc đưa ra ý tưởng thành lập ASC là để tạo nên một sự cân bằng giữa hợp tác chính trị và kinh tế của ASEAN (trước đó, Xin-ga-po đã đưa ra ý tưởng thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN - AEC), để đưa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN từ “cơ chế quản lý xung đột” chuyển sang cơ chế “giải quyết xung đột”. Ý tưởng thành lập ASC và sau này là APSC của In-đô-nê-xi-a đã được các nhà lãnh đạo ASEAN và các nước thành viên tán thành và trở thành một trong những mục tiêu phấn đấu của ASEAN tới năm 2015.

Các nội dung chính của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN được các thành viên trong Hiệp hội thống nhất vào năm 2009. Đó là:

- Thúc đẩy các khái niệm an ninh toàn diện với các khía cạnh về chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa xã hội nhưng không nhằm hình thành một khối quân sự hay liên minh quân sự.

- Tôn trọng các nguyên tắc chủ đạo của ASEAN như đưa ra các quyết định bằng đồng thuận, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết hòa bình các tranh chấp.

- Tiếp tục đề cao và phát huy các công cụ và cơ chế sẵn có của ASEAN, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sẵn sàng mở rộng quan hệ hợp tác với các nước bè bạn và các bên đối tác nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực.

Trên cơ sở thực hiện Hiến chương ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã xác định các thành tố cơ bản cấu thành Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN gồm:

xây dựng các chuẩn mực, ngăn ngừa xung đột, các cách tiếp cận để giải quyết xung đột, kiến tạo hòa bình sau xung đột. Từ đó, mục tiêu phát triển và quy định cụ thể của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là đến năm 2015 khối này được thành lập thông qua việc xây dựng Kế hoạch tổng thể với 157 hoạt động hợp tác cụ thể. Việc triển khai Kế hoạch tổng thể APSC được ASEAN nhất trí cao từ các nhà Lãnh đạo ASEAN cho tới cấp Bộ trưởng, quan chức cao cấp (SOM) và cấp làm việc thông qua các cơ chế trong ASEAN.

Như vậy, có thể thấy, từ việc ra đời Diễn đàn khu vực ASEAN - ARF năm 1994, đến ý tưởng xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN vào năm 2003, và quyết định của Hội nghị Cấp cao ASEAN 2007 về việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), như là một trong ba trụ cột chính của Cộng đồng ASEAN là cả một bước tiến dài của các nước thành viên ASEAN trong nỗ lực đoàn kết với nhau, tăng cường sức mạnh của khu vực, đối phó với các thách thức, đe dọa nhiều chiều đang nổi lên, vì lợi ích chung của tất cả các quốc gia thành viên trong Hiệp hội. Đó là bảo đảm vững chắc hòa bình, an ninh, ổn định, hỗ trợ mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế, đóng góp cho thịnh vượng chung của khu vực.

TIỂU KẾT

Toàn cầu hóa là quá trình thế giới tiến đến hình thành một ngôi làng chung, mà ở đó, các đường biên giới quốc gia trở nên mờ nhạt và làm phát sinh ra nhu cầu phải có một sự quản lý chung trên phạm vi toàn cầu. Quá trình này đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực nhưng trọng tâm vẫn là toàn cầu hóa kinh tế mà biểu hiện rõ ràng nhất là sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã tác động, ảnh hưởng đến các mặt của đời sống. Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu, lôi cuốn các chủ thể của quan hệ quốc tế, đặc biệt là các quốc gia, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có mặt hợp tác những đồng thời cũng có mặt đấu tranh. Sự tham gia của một nước vào quá trình toàn cầu hóa chính là sự hội nhập quốc tế của nước đó.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa là sự gia tăng của chủ nghĩa khu vực hay xu hướng khu vực hóa – địa phương hóa. Hai quá trình này vừa mâu thuẫn vừa thống nhất, vừa kiềm chế vừa thúc đẩy và bổ sung cho nhau trong bối cảnh thế giới phát triển không đồng đều và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Hiệp hội các quốc gia

Đông Nam Á – ASEAN ra đời và trải qua những thử thách, khó khăn của lịch sử đã gặt hái được những thành tựu to lớn nhất là trên lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh. Từ chỗ bị phân hóa và chia rẽ bởi hai hệ tư tưởng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, các quốc gia trong khu vực ngày càng dần nhận thức được việc cần phải xóa bỏ các rào cản và sự khác biệt về chế độ chính trị để xích lại gần nhau, thống nhất xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định và phát triển, đối phó với các thách thức từ bên trong lẫn bên ngoài.

Trên bình diện chính trị - an ninh, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định như hiện nay, đòi hỏi các quốc gia Đông Nam Á buộc phải tăng cường liên kết khu vực ngày càng chặt chẽ hơn và đi vào chiều sâu và rộng. Đồng thời, nhóm các quốc gia này với nòng cốt là ASEAN cũng đã và đang mở rộng hợp tác với tất cả các bên đối tác thông qua các cơ chế hợp tác song phương và đa phương về chính trị và an ninh. Đây cũng chính là cách thích ứng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN trước sự gia tăng mạnh mẽ của toàn cầu hóa và những thay đổi của trật tự thế giới. Chính vì vậy, việc nhìn nhận những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa có ý nghĩa quan trọng nhằm định hướng cho các nước ASEAN có được phương sách phù hợp để đưa Hiệp hội tiến lên phía trước.

CHƯƠNG II: CÁC TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN HỢP TÁC CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN

2.1. Những tác động tích cực

2.1.1. Toàn cầu hóa đã khiến cho các nước ASEAN tăng cường hội nhập quốc tế, làm tăng tính “mở” của hợp tác khu vực, nâng cao sức mạnh của mình trên bàn cờ địa - chính trị.

Dưới sự tác động của toàn cầu hóa, khu vực hóa, chủ nghĩa trọng thương đã làm cho tính chất hợp tác khu vực ASEAN cũng biến đổi từ hạn chế hay đóng cửa chuyển sang mở cửa, đa dạng hóa, đa phương hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Điều này làm cho ASEAN không những ngày càng lớn mạnh về hợp tác chính trị - an ninh mà còn dần dần trở thành một thực thể kinh tế - xã hội hoàn chỉnh mà trong đó hợp tác kinh tế trở thành yếu tố quan trọng. Một biểu hiện rõ rệt về chủ nghĩa khu vực mở cửa của ASEAN trong thập kỷ qua là việc mở rộng hợp tác, hội nhập giữa các nền kinh tế cũng như tư tưởng chính trị. Đây được xem là sự hiện thực hóa ý tưởng và nguyện vọng ban đầu của tổ chức ASEAN khi mới thành lập, vừa là kết quả “nảy nở”, “sinh sôi” của ý thức khu vực tự trị, được phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa của thế giới⁸.

Toàn cầu hóa đã thúc đẩy các nước ASEAN tiến hành đổi mới chính trị, cải cách nền kinh tế theo hướng cơ chế thị trường, tăng cường hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế. Dựa theo đó, các nước Đông Nam Á đã đạt được những bước phát triển kinh tế nhanh chóng trong những năm 70, 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 tại khu vực đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tốc độ phát triển của các nước ASEAN. Đây được xem là một bài học quý báu dành cho các nước trong khu vực trong việc quản lý và hoạch định chính sách kinh tế của các nước này.

⁸ Bjorn Hettne, *Global Market Versus Regionalism*, (Tài liệu tập huấn về “Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế khu vực: Vấn đề và triển vọng” do Quỹ Ford Foundation phối hợp với Học viện Ngoại giao thực hiện vào tháng 7-2000), p.156

Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 cho đến nay, các nước trong ASEAN đã đạt được những bước tiến quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Nền kinh tế của các quốc gia thành viên đều đạt được mức tăng trưởng tương đối cao.

Bảng 2.1.1. GDP của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á năm 2013

Quốc gia	GDP (đơn vị: tỷ USD)	GDP theo đầu người (USD)
In-đô-nê-xi-a	870,275	3.510
Ma-lay-xi-a	313,158	10.457
Thái Lan	387,253	5.676
Phi-líp-pin	272,067	2.790
Xin-ga-po	297,941	55,182
Bru-nây	16,214	39.659
Việt Nam	170,565	1.901
Lào	10,002	1.594
Cam-pu-chia	15,659	1.028
My-an-ma	56,759	1.113
Đông Ti-mo	6,147	4.142

(Nguồn: Quỹ tiền tệ Quốc tế IMF, “Báo cáo kinh tế thế giới”, Tháng 10, 2014)

Mức độ hội nhập quốc tế khá cao, sự liên kết chặt chẽ của các nước Đông Nam Á với thế giới, đặc biệt là với các nền kinh tế phát triển là một trong những nguyên nhân chủ yếu tạo nên thành công về kinh tế của các nước ASEAN. Đồng thời, giữa các nước thành viên của Hiệp hội cũng đã hình thành mối quan hệ qua lại, dựa vào nhau trên cơ sở gắn gũi về mặt địa lý cũng như văn hóa - xã hội, lịch sử truyền thống lâu đời.

Đông Nam Á là khu vực không có cường quốc lớn mạnh nào đạt tầm vóc toàn cầu. Khu vực này bao gồm một số quốc gia với các nền kinh tế sôi động (Xin-ga-po, Ma-lay-xi-a, Thái Lan) hay tiềm năng kinh tế (In-đô-nê-xi-a, Việt Nam). Xét về tầm vóc chính trị, Đông Nam Á có phần “lu mờ” so với láng giềng Đông Bắc Á (có các cường quốc Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và Nam Á (với nước lớn Ấn Độ). Tuy nhiên, trong thích ứng của các nước ASEAN trước toàn cầu hóa, Đông

Nam Á lại là nơi ra đời của hầu hết các tổ chức khu vực châu Á mà các cấu trúc, thủ tục của chúng đều có những tác động thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của các nước này.

Nhằm đón bắt cũng như sử dụng những cơ hội tốt, đồng thời từng bước khắc phục, vượt qua những thách thức, mặt trái của toàn cầu hóa tạo ra, các nước ASEAN ngay từ cuối những năm 80, đặc biệt là những năm 90 của thế kỷ XX đã phối hợp xây dựng và triển khai nhiều loại hình, cơ chế hợp tác mới đa phương và song phương như lập nên các Tam giác hay Tứ giác tăng trưởng, Khu vực thương mại tự do (AFTA), Chương trình hợp tác công nghiệp (AICO), Khu vực đầu tư (AIA), Diễn đàn khu vực (ARF), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), hình thành các cơ chế hợp tác (ASEAN + 1, ASEAN + 3...), Hội nghị Á – Âu (ASEM), và gần đây nhất là Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực – RCEP - với sự tham gia của 16 nước Đông Á (gồm 10 nước ASEAN cùng Hàn Quốc, Úc, Niu Di-lân, Ấn Độ và Trung Quốc)...

Các nước ASEAN nhận thức được rằng vị thế trên trường quốc tế gắn liền với sức mạnh và tiềm lực kinh tế. Điều này có thể nhận thấy rõ khi vai trò và tiếng nói của ASEAN đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương suy giảm mạnh trong giai đoạn các nước Đông Nam Á trải qua khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997. Từ sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng này, một số đối tác của ASEAN tỏ ý nghi ngờ tương lai của tổ chức này và không coi trọng ASEAN như trước. Do đó ASEAN đã giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục khó khăn kinh tế và phát huy ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế để tranh đấu với các khu vực kinh tế khác như khu vực mậu dịch tự do EU, Bắc Mỹ. Dẫn vậy, cuộc khủng hoảng tài chính khu vực đã cho thấy khả năng hạn chế của ASEAN trong việc giúp đỡ các nước thành viên gặp khó khăn và trong hợp tác chung để đối phó với khủng hoảng và với những vấn đề kinh tế có tính chất toàn cầu. Bên cạnh đó, sự gia tăng mạnh mẽ của liên kết kinh tế khu vực như Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)... cũng đặt những áp lực lên vai trò động lực chính và hạt nhân của ASEAN trong liên kết kinh tế ở Đông Á.

Tuy nhiên, các nước ASEAN đã nhận thức rõ hơn về những tiêu cực của sự phụ thuộc quá lớn vào bên ngoài, để củng cố thêm quyết tâm tăng cường hợp tác kinh tế khu vực, coi đó là một động lực quan trọng thúc đẩy ASEAN phát triển vững mạnh và đồng đều. Hơn nữa, đối với các nước tầm nhỏ và trung như các nước ASEAN thì “giá trị của hợp tác và đoàn kết khu vực vẫn còn ở chỗ nó tạo nên sức mạnh mặc cả trong quan hệ của họ với các đối tác bên ngoài.”⁹

Thực tiễn chỉ ra rằng chỉ khi ASEAN thật sự lớn mạnh về kinh tế và có kết quả chính trị thì mới tạo nên sức mạnh của tổ chức, mới củng cố được vị trí và vai trò của ASEAN với từng nước thành viên nói riêng, và cả khu vực nói chung. Và thực tế cũng cho thấy, giữa những gam màu ảm đạm của bức tranh kinh tế thế giới sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, ASEAN nổi lên như một điểm sáng, vẫn duy trì mức tăng trưởng trung bình là 5-6% kể cả trong thời kỳ khó khăn là năm 2011-2012. Cùng với vị trí địa chiến lược quan trọng và sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên, sự lớn mạnh và những thành quả đạt được của ASEAN trong hơn một thập niên đầu thế kỷ XXI, đã và đang làm cho Đông Nam Á đang trở nên quan trọng trong bàn cờ địa - chính trị thế giới và đặc biệt là khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2.1.2. Toàn cầu hóa thúc đẩy việc hình thành các khuôn khổ, diễn đàn, đối thoại hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực.

Bước sang thế kỷ XXI, an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn tiềm ẩn nguy cơ xung đột, chứa đựng nhiều mâu thuẫn và điểm nóng do lịch sử để lại, mà để giải quyết những điểm nóng đó đòi hỏi phải có những cơ chế điều hành vững chắc và có hiệu quả. Từ thực tiễn trên, các nước ASEAN nhận thấy cần thiết phải xây dựng và hình thành các cơ chế hợp tác an ninh đa phương ở khu vực để đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định, phát triển bền vững ở Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng.

- *Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF):*

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 4, tháng 1-1992 tại Xin-ga-po, lần đầu tiên, vấn đề hợp tác an ninh đa phương được chính thức đưa vào chương

⁹ Nguyễn Phương Bình, *Vai trò của ASEAN đối với các nước thành viên và đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Hà Nội, năm 2000, tr. 02

trình nghị sự. Để phù hợp với sự đa dạng về chế độ chính trị, nền kinh tế, văn hóa - xã hội, lịch sử của các nước Đông Nam Á, sau nhiều nỗ lực tìm kiếm, theo đề xuất của Viện Nghiên cứu chiến lược và quốc tế của ASEAN (ASEAN ISIS), tháng 7-1994 tại Băng-cốc, ASEAN đã quyết định thành lập *Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF – ASEAN Regional Forum)*. Đây là cơ chế hợp tác an ninh đa phương đầu tiên của ASEAN với sự tham gia của 4 cường quốc là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga. Tại cuộc họp lần thứ hai của ARF, tháng 7-1995, các thành viên đã nhất trí ARF là diễn đàn để đối thoại, trao đổi ý kiến về các vấn đề an ninh khu vực nhằm duy trì hòa bình và ổn định; ARF cần phải có sự tham gia và hợp tác tích cực, đầy đủ, bình đẳng và tự nguyện của các thành viên, trong đó ASEAN được coi là động lực chính. Với vai trò chủ đạo của ASEAN, Diễn đàn khu vực ASEAN, bất chấp những khác biệt lớn giữa các thành viên, đã phát triển tương đối nhanh về quy mô và đạt được nhiều kết quả, góp phần đảm bảo duy trì hòa bình, an ninh và hợp tác trong khu vực. Hiện nay, ARF bao gồm 27 quốc gia và tổ chức có cùng mối quan tâm đến an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. ARF với tư cách là cầu nối cho các cuộc đối thoại và tư vấn song phương cũng như đa phương cùng với việc thiết lập những quy tắc đối thoại và hợp tác, được định hình thông qua việc ra quyết định dựa trên nguyên tắc đồng thuận và giảm thiểu quá trình thể chế hóa.

Hiện nay, Diễn đàn khu vực ASEAN đang giữ vững vai trò là diễn đàn chủ đạo đối thoại về các vấn đề chính trị và an ninh khu vực với ASEAN ở vị trí trung tâm, đồng thời, tiếp tục là một bộ phận quan trọng trong quá trình hình thành cấu trúc khu vực ở Châu Á - Thái Bình Dương. Nhằm tăng cường tính hiệu quả và thực chất hoạt động của mình, hiện nay, Diễn đàn khu vực ASEAN đang tập trung hướng mạnh và hành động, ứng phó hữu hiệu hơn với các thách thức nhất là các vấn đề an ninh phi truyền thống. Tại Hội nghị Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 17 diễn ra ở Việt Nam ngày 23-7-2010, bộ trưởng các nước thành viên đã nhất trí thông qua *Chương trình hành động Hà Nội* nhằm thực hiện *Tuyên bố tầm nhìn ARF* với mục tiêu và biện pháp cụ thể hướng tới xây dựng một khu vực ARF với các mục tiêu và biện pháp cụ thể hướng tới xây dựng một khu vực ARF hòa bình, ổn định và thịnh vượng vào năm 2020.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Diễn đàn khu vực ASEAN – ARF vẫn còn những hạn chế nhất định và thực tế thì vẫn chưa phải là công cụ hữu hiệu để đảm bảo hòa bình, ổn định cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương và ngay cả khu vực Đông Nam Á. Điều này được lý giải bởi:

- ARF vẫn chưa đi vào bản một cách thực chất các vấn đề an ninh phức tạp;
- ARF có số thành viên quá đa dạng, từ đó dẫn đến việc đi đến một sự nhất trí chung chắc chắn sẽ không dễ dàng;
- Hoạt động của ARF bị phụ thuộc và chi phối rất nhiều vào thái độ của các cường quốc tham gia Diễn đàn;
- Bản thân các thành viên tham gia ARF chưa thực sự tin tưởng vào khả năng đảm bảo an ninh khu vực của Diễn đàn này và cũng chưa xem nó là một công cụ ngoại giao hữu hiệu để bảo vệ lợi ích an ninh của mình.

Thách thức đối với ASEAN hiện nay là duy trì vai trò chủ đạo trong ARF, xử lý thỏa đáng đòi hỏi của các nước ngoài Hiệp hội về đẩy nhanh tiến độ, hợp tác theo chiều sâu và thể chế hóa Diễn đàn.

- *Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM)*

AMM là một trong những cơ chế chủ chốt trong hợp tác chính trị - an ninh của các nước khu vực Đông Nam Á. AMM là cơ chế đầu tiên của ASEAN, được thành lập cùng với thời điểm ra đời của ASEAN năm 1967. Hội nghị AMM họp định kỳ hàng năm, thông thường trong tháng 7, do nước chủ tịch ASEAN đương nhiệm chủ trì và đăng cai. Sau khi có Hiến chương ASEAN, Hội nghị AMM được đặt dưới Hội đồng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, chuyển hầu hết các công việc mang tính điều phối cho các Hội đồng mới được thành lập, và tập trung vào các vấn đề hòa bình, an ninh khu vực, các vấn đề liên quan về xây dựng cộng đồng và triển khai Hiến chương, các lĩnh vực chính trị - an ninh cụ thể như hợp tác chính trị, xây dựng và chia sẻ chuẩn mực, ngăn ngừa xung đột và xây dựng lòng tin, hỗ trợ giải quyết xung đột, tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN, quan hệ với các đối tác bên ngoài...

- *Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM)*

Năm 2006, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) đã họp lần đầu tiên tại Ma-lay-xi-a, xác định một số mục tiêu cũng như phương thức hoạt động của ADMM. Theo đó, ADMM sẽ thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực thông qua đối thoại và hợp tác về quốc phòng, an ninh; định hướng cho các cơ chế đối thoại và hợp tác giữa các quan chức quốc phòng của ASEAN và giữa ASEAN với các nước đối thoại; tăng cường lòng tin thông qua hiểu biết hơn nữa các thách thức quốc phòng và an ninh chung và thông qua tăng cường tính minh bạch và cởi mở trong chính sách quốc phòng các bên; và đóng góp vào xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN. Bên cạnh đó, đây là cơ chế tham vấn và hợp tác cao cấp nhất của ASEAN về quốc phòng - an ninh. ADMM cũng là một cơ chế chuyên ngành của ASEAN bổ sung cho tiến trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN. ADMM là cơ chế mở, linh hoạt, hướng ra bên ngoài, tích cực can dự với các đối tác của ASEAN và ARF và sẽ họp thường niên.

Cho đến nay, ADMM đã đạt được những bước phát triển đáng ghi nhận trong nỗ lực xây dựng lòng tin, củng cố đoàn kết, thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Hợp tác quốc phòng – an ninh đa phương trong ASEAN ngày càng đi vào thực chất trong việc cùng nhau liên kết và huy động các nguồn lực nhằm đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống của khu vực. Những kết quả đó thể hiện trên một số mặt sau:

Thứ nhất, quân đội các nước ASEAN đang triển khai các hình thức hợp tác thiết thực, cụ thể phù hợp với các nhu cầu đòi hỏi chung của khu vực: như giao lưu các cấp, đào tạo nhân lực, phối hợp tuần tra chung trên biển, trên đất liền, thiết lập đường dây nóng giữa các đơn vị hải quân và biên phòng, trao đổi thông tin tình báo, hợp tác chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia và cứu hộ, cứu nạn trên biển và trên đất liền và hướng tới các hình thức diễn tập mô phỏng chung về tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ nhân đạo và giảm nhẹ thiên tai để tăng cường và sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp do tham khảo thiên tai gây ra.

Thứ hai, ADMM xây dựng được một số khuôn khổ pháp lý hướng tới hợp tác trên thực tế trong một số lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: cứu trợ thảm họa, gìn giữ

hòa bình và công nghiệp quốc phòng. ADMM-3 (2009) thông qua Tài liệu khái niệm về "Sử dụng nguồn lực quân sự ASEAN trong hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa"; Tài liệu khái niệm về "Hợp tác giữa các cơ sở quốc phòng và các tổ chức xã hội dân sự ASEAN về an ninh phi truyền thống. ADMM-5 (2011), ADMM thông qua Tài liệu khái niệm thành lập mạng lưới các trung tâm giữ gìn hòa bình ASEAN; Tài liệu khái niệm về thiết lập cơ chế cộng tác về công nghiệp quốc phòng ASEAN.

Thứ ba, trong khuôn khổ ADMM, ngoài các hội nghị làm công tác chuẩn bị cho ADMM như Hội nghị Nhóm làm việc và Hội nghị các quan chức quốc phòng cao cấp, thì mạng lưới kênh II của các Viện nghiên cứu Quốc phòng và An ninh ASEAN (NADI) cũng đã được thành lập năm 2007 nhằm hỗ trợ cho tiến trình ADMM. NADI được thiết lập để tạo kênh trao đổi giữa các học giả, nhà nghiên cứu các nước ASEAN về các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh và đưa ra các khuyến nghị lên ADMM, đồng thời tăng cường và thúc đẩy quan hệ nghiên cứu quốc phòng giữa các nước ASEAN.

Thứ tư, bên cạnh kênh hợp tác quốc phòng, kênh hợp tác quân sự cũng được triển khai toàn diện ở nhiều cấp độ khác nhau. Sự phát triển, mở rộng giao lưu và hợp tác trên lĩnh vực quân sự đã góp phần tăng cường xây dựng lòng tin, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau và tình đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang ASEAN. Trong bối cảnh khu vực đang phải đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng và phức tạp, các Hội nghị quân sự cũng đang từng bước tập trung nỗ lực để đối phó hiệu quả với các thách thức này.

Thứ năm, hợp tác với các nước ngoài khu vực, ASEAN đã tăng cường hợp tác quốc phòng trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) thông qua Hội nghị chính sách an ninh ARF (từ 2004) và Đối thoại các quan chức quốc phòng ARF. Các quan chức quốc phòng cũng tích cực tham dự và đóng góp cho các Hội nghị giữa kỳ khác nhau của ARF. Sự tham gia của các quan chức quốc phòng trong diễn đàn ARF ngày càng được coi trọng, đóng góp và bổ sung tích cực cho diễn đàn này.

- *Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM +)*

Ý tưởng về cơ chế Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng được ASEAN đưa ra từ Hội nghị ADMM lần thứ nhất năm 2006 tại Ma-lay-xi-a, tiếp tục được bổ

sung qua ADMM-2, ADMM-3 và được hiện thực hóa tại ADMM-4 tại Hà Nội với việc thông qua Tài liệu khái niệm: Cơ cấu và Thành phần; Thể thức và Thủ tục, hoàn tất cơ sở pháp lý cho việc hình thành cơ chế ADMM mở rộng và giao Việt Nam đăng cai Hội nghị đầu tiên trong năm Việt Nam làm chủ tịch ASEAN.

Về mục tiêu, ADMM+ xác định rõ 4 mục tiêu lớn gồm: thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực; thúc đẩy ADMM+ thành một diễn đàn hữu ích và có hiệu quả hợp tác về các vấn đề quốc phòng và an ninh nhằm đóng góp hữu ích cho hòa bình và an ninh của khu vực; tăng cường hữu nghị, tin tưởng lẫn nhau thông qua đối thoại và trao đổi nhiều hơn giữa các cơ sở quốc phòng ADMM+; thúc đẩy hợp tác quốc phòng và an ninh khu vực thông qua thực hiện hợp tác cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề quốc phòng an ninh cùng quan tâm, trong đó hướng tới xây dựng năng lực, phát triển chuyên môn, và tăng cường phối hợp trong các lĩnh vực có thể đóng góp cho hòa bình và an ninh khu vực.

Về cơ cấu và thành phần: ngoài 10 nước ASEAN, các đối tác tham gia ADMM+ phải hội đủ 3 tiêu chí cơ bản: *Thứ nhất*, là đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN (đã ký Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á); *Thứ hai*, có quan hệ quốc phòng thực chất với các nước ASEAN; và *Thứ ba*, có khả năng hợp tác với ADMM để tăng cường an ninh khu vực. Theo tinh thần đó, ADMM+ lần thứ nhất gồm 10 nước ASEAN và 8 nước đối tác đối thoại của ASEAN là: Trung Quốc, Nga, Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Niu Di-lân.

- *Đối thoại Shangri – La (SLD)*

Trong những năm gần đây, Hội nghị Thượng đỉnh An ninh châu Á hay còn được biết đến với tên Đối thoại Shangri-La (SLD) là một diễn đàn an ninh liên chính phủ tổ chức hàng năm bởi một tổ chức cố vấn độc lập - Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế (IISS), là nơi mà các nước thành viên bày tỏ quan điểm và lập trường của trong chính sách quốc phòng cũng như trong việc tăng cường hợp tác chính trị - an ninh. Hội nghị có sự tham dự của các Bộ trưởng Quốc phòng, các Bộ Trưởng thường trực và các Tướng lĩnh quân đội của 28 quốc gia châu Á-Thái Bình Dương. Hội nghị thượng đỉnh dùng để nuôi dưỡng ý thức cộng đồng trong các hoạch định chính sách quan trọng nhất về quốc phòng và an ninh trong khu vực.

Các đoàn đại biểu Chính phủ đã tận dụng tốt nhất các hội nghị bằng cách tổ chức những cuộc họp song phương với các đoàn đại biểu khác bên lề hội nghị. Dù chủ yếu là một hội nghị liên chính phủ, Hội nghị cũng có sự tham dự của các nhà lãnh đạo, các chuyên gia khoa học, nhà báo và các đại biểu kinh doanh.

- *Các cơ chế hợp tác khác:*

Trên lĩnh vực chính trị - an ninh khu vực, trong hợp tác ngành cảnh sát và tư pháp, ASEAN còn có Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC) đóng vai trò là cơ chế bao trùm của ASEAN trong lĩnh vực này. Giúp việc trực tiếp cho AMMTC là Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC). Tham gia hợp tác trong lĩnh vực này còn có Hội nghị Tổ chức Cảnh sát các nước ASEAN (ASEANPOL), Hội nghị Các quan chức cao cấp ASEAN về Ma túy (ASOD), Hội nghị Tổng Vụ trưởng Lãnh sự các nước ASEAN (DGICM) và Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về tư pháp (ASLQM).

Trong khuôn khổ của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN, những năm qua, ASEAN luôn dành nhiều quan tâm tới việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, và đã có nhiều biện pháp triển khai hợp tác trong lĩnh vực này, tập trung vào các đối tượng dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, lao động nhập cư... Với việc Hiến chương ASEAN được ký kết, cùng với hợp tác ASEAN nói chung, hợp tác về nhân quyền được nâng lên một tầm mới. Hiến chương ASEAN đã xác định bảo vệ và thúc đẩy quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc chỉ đạo hoạt động của ASEAN, theo đó đã quy định việc thành lập cơ quan nhân quyền ASEAN. Triển khai quy định của Hiến chương, ASEAN đã lập Nhóm đặc trách cao cấp để soạn thảo Quy chế hoạt động của Cơ quan nhân quyền ASEAN. Sau hơn một năm đàm phán và soạn thảo, Nhóm Đặc trách cao cấp đã hoàn tất dự thảo Quy chế và đệ trình lên các Ngoại trưởng ASEAN, đồng thời kiến nghị tên gọi chính thức của cơ quan là Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR). Sau khi Quy chế hoạt động được thông qua tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 42 (tháng 7-2009), AICHR đã chính thức được thành lập và đi vào hoạt động nhân dịp Cấp cao ASEAN 15 (Thái Lan, tháng 10-2009), với tư cách là cơ quan giữ vai trò bao trùm về hợp tác nhân quyền ở khu vực.

Như vậy, có thể thấy, việc hình thành và xây dựng các cơ chế hợp tác trong từng lĩnh vực được xem như là một cách thích ứng của ASEAN trước tác động của toàn cầu hóa. Đó được xem là phương cách tập hợp lực lượng để cùng nhau đối phó với các vấn đề toàn cầu của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mặt trái của toàn cầu hóa đã trực tiếp hay gián tiếp làm nảy sinh các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Sau Chiến tranh lạnh, đặc biệt là trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, thế giới bước vào giai đoạn mà trong đó xu thế hợp tác và phát triển kinh tế là chủ yếu, đã và đang mang đến sự phồn thịnh cho nhiều quốc gia, khu vực. Tuy nhiên, quá trình hợp tác, hội nhập quốc tế này cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề mới, đe dọa đến an ninh, chủ quyền của các quốc gia dân tộc và cuộc sống của chính con người. Khái niệm an ninh phi truyền thống ra đời trong bối cảnh đó và được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên nhiều diễn đàn quốc tế thảo luận về các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội, trong chiến lược quốc phòng, an ninh của nhiều quốc gia dân tộc, cũng như trong hợp tác an ninh của nhiều khu vực và thế giới, sau khi diễn ra sự kiện khủng bố ngày 11-9-2001 ở Mỹ. Tuy nhiên, cho đến nay, việc nhận thức và xác định những vấn đề an ninh phi truyền thống vẫn chưa có sự thống nhất. “Một số nghiên cứu viên dẫn quan niệm của Liên hợp quốc về vấn đề an ninh phi truyền thống trong 7 lĩnh vực chính: kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường, con người, cộng đồng và chính trị. Có nghiên cứu quy vấn đề an ninh phi truyền thống vào 5 lĩnh vực cơ bản: kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị và văn hóa. Một quan điểm khác phân chia các vấn đề an ninh phi truyền thống thành 6 nhóm chính: ô nhiễm môi trường, tình trạng thiếu hụt tài nguyên, tội phạm xuyên quốc gia, nạn khủng bố, dịch bệnh truyền nhiễm và thảm họa địa chất”¹⁰. Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 giữa các nước ASEAN và Trung Quốc tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia) đã ra Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống, xác định an ninh phi truyền thống là những vấn đề: tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, ma

¹⁰ PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hương, *An ninh phi truyền thống - vấn đề mang tính toàn cầu*, Tạp chí Cộng sản, Hà Nội, đăng ngày 30 tháng 12 năm 2011, tr.01

túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế, tội phạm công nghệ cao. Trước những thách thức của vấn đề an ninh phi truyền thống, các nước ASEAN đang có những bước đi cụ thể nhằm tăng cường hợp tác trên lĩnh vực này.

Sau sự kiện 11-9-2001, cuộc đấu tranh của cộng đồng quốc chống tổ chức khủng bố quốc tế Al-Qaeda đã kích thích các thế lực Hồi giáo cực đoan ở Đông Nam Á hoạt động mạnh mẽ. “Tại In-đô-nê-xi-a, hoạt động của tổ chức khủng bố Jemaah Islamiyah (Jemaah Islamiyah) ngày càng ngông cuồng, gây ra nhiều vụ tấn công đẫm máu, đặc biệt là vụ đánh bom trên đảo Ba-li ngày 12-10-2002. Tại Phi-lip-pin, hoạt động của nhóm A-bu Say-áp (Abu Sayyaf) gây nhức nhối cho các nhà lãnh đạo đất nước này. Tại miền Nam Thái Lan, hoạt động của nhiều nhóm li khai như Tổ chức giải phóng thống nhất Pat-ta-ni (PULO mới) và Phong trào Mu-ja-hi-đen Hồi giáo Pat-ta-ni (GMIP) đã gây ra nhiều vụ tấn công vào nhân viên cảnh sát, quân đội, quan chức địa phương và dân thường.”¹¹

Hợp tác chống khủng bố đã trở thành nhiệm vụ và đề tài thảo luận hàng đầu trong các cuộc họp và các chương trình nghị sự của ASEAN. Sau sự kiện 11-9, trước nguy cơ khủng bố gia tăng ở khu vực, đặc biệt sau các vụ đánh bom ở In-đô-nê-xi-a (2002), ASEAN đã đẩy mạnh hợp tác chống khủng bố. Cấp cao ASEAN-8 (2002) ra Tuyên bố về Hợp tác chống khủng bố, khẳng định quyết tâm của cả khối “ngăn ngừa, đấu tranh và trấn áp hoạt động của các nhóm khủng bố trong khu vực”. Chống khủng bố đã được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch tổng thể thực hiện APSC.

Về cơ chế, Hội nghị AMMTC chịu trách nhiệm chính trong ASEAN về chống khủng bố. Hội nghị AMMTC (5-2002) họp phiên đặc biệt về chống khủng bố, thông qua Chương trình công tác triển khai Kế hoạch hành động về chống tội phạm xuyên quốc gia, xác định nhiều hoạt động hợp tác như trao đổi thông tin, pháp lý, thực thi pháp luật, huấn luyện, xây dựng thể chế và hợp tác với bên ngoài. Đặc biệt, tháng 1-2007, Lãnh đạo ASEAN đã ký *Công ước ASEAN về Chống khủng bố*,

¹¹ Lê Sĩ Hưng, *Hợp tác chống khủng bố trong ASEAN*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 11, 2009, Hà Nội, tr.48

tạo khuôn khổ pháp lý cho hợp tác khu vực trong lĩnh vực này. Công ước ASEAN về chống khủng bố đã có hiệu lực từ 27-5-2011 sau khi sáu nước ASEAN phê chuẩn gồm: Xin-ga-po, Thái Lan, Phi-líp-pin, Cam-pu-chia, Việt Nam và Bru-nây. Để triển khai, ASEAN đã xây dựng và thông qua Kế hoạch hành động toàn diện về Chống khủng bố.

Ngoài hoạt động khủng bố, trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống, Đông Nam Á còn phải đối diện tình trạng cướp biển. Tình trạng cướp biển, nhất là ở eo Ma-lắc-ca đang trở thành một thách thức an ninh nghiêm trọng đối với sự đi lại của tàu bè qua eo biển có tầm quan trọng hàng đầu đối với thương mại quốc tế này. Hiện nay, 1/3 buôn bán trên thế giới và 1/2 nguồn cung cấp dầu lửa trên thế giới được vận chuyển qua eo biển này. Khối lượng dầu lửa vận chuyển qua eo Ma-lắc-ca lớn gấp 3 lần khối lượng vận chuyển bằng đường ống qua kênh Xuy-ê và lớn gấp 15 lần khối lượng vận chuyển qua kênh đào Pa-na-ma. 2/3 số dầu chở qua eo biển này được đưa đến Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Số lượng của cải khổng lồ chở qua eo Ma-lắc-ca đã thu hút sự chú ý của bọn cướp biển. Chỉ trong vòng 10 tháng (từ giữa tháng 5-2004 tới 3-2005) ở vùng biển này đã xảy ra 37 vụ tấn công của cướp biển. Từ sau sự kiện 11-9, mục tiêu của bọn cướp biển không chỉ là cướp của cải mà giết càng nhiều người càng tốt. Đứng trước tình hình đó, tăng cường hợp tác và phối hợp trong lĩnh vực hành pháp và trao đổi thông tin về các vụ cướp biển và cướp có vũ khí trên biển; tổ chức các chương trình đào tạo cho lực lượng hành pháp và lực lượng bảo vệ bờ biển; hợp tác trong xây dựng cơ sở hạ tầng như thiết bị thông tin liên lạc, tàu kiểm soát cho lực lượng Hàng hải, Hải quan, Cảnh sát biển, lực lượng làm việc tại cảng và lực lượng liên quan khác về công tác đấu tranh ngăn chặn và trấn áp cướp biển và tội phạm khác trên biển; thiết lập đầu mối liên lạc quốc gia giữa các nước thành viên ASEAN và các nước đối tác.

Một thách thức của vấn đề an ninh phi truyền thống là nạn buôn bán người. Trong khuôn khổ hợp tác trên lĩnh vực này, Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia lần thứ 9 (SOMTC) (Nay Pyi Taw, 6-2009) đề xuất soạn thảo Công ước ASEAN về chống buôn bán người. Thực hiện quyết định của Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia

(AMMTC) lần thứ 7 (Phnôm-Pênh, 11-2009), chuyên gia các nước đang nghiên cứu tính khả thi của việc soạn thảo Công ước. Đến nay, các nước ASEAN đã tiến hành nhiều cuộc họp Nhóm Công tác về Chống buôn bán người với mục tiêu xây dựng các thành tố của Công ước và cách thức để nội dung Công ước phù hợp với các quy định của nội luật các nước. Sổ tay ASEAN về Hợp tác quốc tế trong các vụ việc buôn bán người được đưa ra tại SOMTC lần thứ 10 (10-2010) nhằm giúp các nhà điều tra, thi hành pháp luật và các cơ quan chống tội phạm hình sự trong ASEAN giải quyết các vụ việc buôn bán người. Tài liệu cung cấp hướng dẫn hoạt động chống buôn bán người và nhằm củng cố mạng lưới hợp tác và tương trợ tư pháp trong khu vực. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 18 (5-2011) đã ra Tuyên bố chung về tăng cường hợp tác Chống buôn bán người ở Đông Nam Á. Báo cáo Tiến độ của ASEAN về Ứng phó của lực lượng chống tội phạm hình sự với nạn buôn bán người được đưa ra tại Cuộc họp SOMTC-11 (7-2011). Báo cáo Tiến độ kiểm điểm các thành tựu của các quốc gia thành viên ASEAN trong xử lý các vụ việc buôn bán người trong thập kỷ vừa qua và đánh giá các thách thức/nguy cơ. Các nước ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc cần sớm xây dựng Công ước ASEAN về Chống buôn bán người nhằm triển khai Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo ASEAN tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-18. Theo đó, các nước nhất trí sẽ tiếp tục nghiên cứu kỹ và thận trọng tính khả thi xây dựng Công ước.

Một thách thức an ninh phi truyền thống nghiêm trọng khác đang xuất hiện với tần số ngày càng tăng là các dịch bệnh truyền nhiễm. Trong mấy năm gần đây, các nước Đông Á đã phải vật lộn với hết dịch bệnh này tới dịch bệnh khác. Hết SARS lại đến cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng của bò, lợn và các vật nuôi khác. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, các dịch bệnh trên đã lây lan rất nhanh ra khắp khu vực. Đại dịch cúm gia cầm năm 2004 đã cho thấy điều đó. Ngoài ra, tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, mất cân bằng sinh thái và đặc biệt là sự biến đổi khí hậu mà hậu quả của nó là các thảm họa thiên nhiên như lốc xoáy, sóng thần, sụt lún đất... là những vấn đề chung mà cả khu vực đang phải đối diện. Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất sự hợp tác trên lĩnh vực hợp tác chống và khắc phục hậu quả

thảm họa, thiên tai là việc các nước ASEAN đã đồng lòng hỗ trợ My-an-ma và Phi-líp-pin sau sự tàn phá của 2 siêu bão Nar-git (2008) và Hải Yến (năm 2013), tổ chức phối hợp tìm kiếm các nạn nhân vụ mất tích của máy bay MH-370 của hãng Hàng không Ma-lay-xi-a (năm 2014)... Trong vai trò lãnh đạo của mình, ASEAN cũng đã có những bước đi để tăng cường hợp tác, liên kết nhằm hạn chế những tác động xấu của các vấn đề an ninh phi truyền thống này, đồng thời tiến hành cứu trợ, hỗ trợ lẫn nhau trong các diễn biến đó.

2.1.4. Vấn đề tranh chấp Biển Đông là mối quan tâm chung của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Biển Đông là một biển nửa kín, rìa Tây Thái Bình Dương có diện tích khoảng 3,5 triệu km² trải dài từ Xin-ga-po đến eo biển Đài Loan. Ngoài Việt Nam, Biển Đông được bao bọc bởi Trung Quốc lục địa, Đài Loan, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lay-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Cam-pu-chia. Với hệ thống các đảo và quần đảo, Biển Đông được nối thông với biển Hoa Đông của Trung Quốc và biển Nhật Bản (qua eo biển Đài Loan), thông với Thái Bình Dương qua các biển đảo của Phi-líp-pin và thông với Ấn Độ Dương qua eo biển Ma-lắc-ca. Xung quanh Biển Đông có rất nhiều vịnh quan trọng như vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan, vịnh Subic, vịnh Ma-ni-la với nhiều cảng nước sâu v.v... Chính vì vậy Biển Đông trở thành nơi xuyên qua của các luồng thương mại hàng hải và hàng không quốc tế, nối liền các nước Đông Bắc Á với Đông Nam Á và là đường hàng hải ngắn nhất nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. “Trong số 10 tuyến đường hàng hải chính trên thế giới thì 5 tuyến đi qua khu vực Biển Đông. Hơn 90% thương mại quốc tế được vận chuyển bằng đường biển, trong đó 45% đi qua biển Đông”¹². Có khoảng 80% lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc, 60% của Nhật Bản và 66% của Hàn Quốc đi qua biển Đông. Có tới 42% hàng xuất khẩu của Nhật Bản, 55% hàng xuất khẩu của các nước Đông Nam Á, 26% hàng xuất khẩu của các nước công nghiệp mới và 40% hàng của Úc cũng đi qua vùng biển này. Đối với Việt Nam, hơn 95% hàng xuất khẩu thông qua đường biển. “Có thể nói, Biển Đông đã trở thành “van điều tiết”

¹² Trung bình mỗi ngày có khoảng hơn 41.000 lượt tàu biển qua lại vùng biển này. Các tàu chở dầu đi qua eo biển Malacca nhiều gấp 3 lần số lượng tàu chở dầu đi qua kênh đào Xuy-ê, và lớn gấp 5 lần đi qua kênh đào Pa-na-ma.

dòng chảy thương mại, đặc biệt là vận chuyển dầu giữa các nước Trung Đông và châu Phi và các nền kinh tế ở Đông Á. Chính có những lợi thế trên, Biển Đông thường được ví như “Địa Trung Hải châu Á”. Không những thế, Biển Đông còn là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, giàu có, nhất là dầu khí và sinh vật biển. Theo đánh giá khu vực này chứa khoảng 130 tỷ thùng dầu mỏ và 900 tỷ mét khối khí đốt tự nhiên, trong đó đã có khoảng 7 tỷ thùng dầu đã được kiểm chứng với khả năng sản xuất 2,5 triệu thùng/ngày. Hơn nữa, vùng Biển Đông còn có một lượng khí đóng băng lớn, tương đương với lượng dự trữ dầu khí trên. Ngoài ra, dưới đáy biển còn có khá nhiều kim loại quý hiếm. Về hải sản, có trên 100 loài cá có giá trị kinh tế cao và có khả năng khai thác với số lượng lớn. Hiện nay, sản lượng đánh bắt cá tại vùng biển này chiếm khoảng 7-8% của cả thế giới.”¹³

Với vị trí chiến lược vô cùng quan trọng cũng như nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào như vậy, xung đột quốc tế tại Biển Đông không phải là vấn đề mới. Tranh chấp ở Biển Đông ngày càng phức tạp, gay gắt trong những năm gần đây không chỉ bắt nguồn từ mâu thuẫn hay tồn tại tranh chấp về chủ quyền lãnh hải do lịch sử để lại và quyền tài phán đối với các vùng đặc quyền kinh tế, vùng chồng lấn ở biển của nhiều quốc gia đòi yêu sách, mà còn xuất phát từ sự đan xen lợi ích, mưu cầu địa chính trị, trước hết là quản lý, kiểm soát tuyến hàng hải, hàng không chiến lược và nguồn tài nguyên giàu có, đặc biệt là dầu mỏ tại khu vực này, từ đó mở rộng ảnh hưởng ra toàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Về mặt lý luận, hệ thống mâu thuẫn ở Biển Đông gồm 3 nhóm mâu thuẫn chính là:

- *Mâu thuẫn về lãnh thổ*: Đây là mâu thuẫn phức tạp và khó giải quyết nhất bởi đối tượng tranh chấp khá đa dạng bao gồm cả lãnh hải, đảo, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Những yếu tố này gắn liền với chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vấn đề chủ quyền quốc gia vốn là vấn đề rất khó để nhân nhượng và thỏa hiệp.
- *Mâu thuẫn về an ninh*: Đối tượng đầu tiên là an ninh lãnh thổ và độc lập chủ quyền và từ đó là sự đe dọa an ninh quốc gia. Đối tượng thứ hai là quyền lực

¹³ PGS. TSKH Trần Khánh, *Tranh chấp Biển Đông nhìn từ góc độ chính trị*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 2, 2012, tr. 70

với việc chiếm được các vị trí chiến lược đem lại ưu thế sức mạnh cho quốc gia nào đó và từ đó làm thay đổi cán cân so sánh quyền lực tại khu vực có lợi cho mình. Đối tượng thứ ba là sự căng thẳng trong quan hệ quốc tế và nguy cơ xảy xung đột tăng lên do tranh chấp không được giải quyết.

- *Mâu thuẫn về kinh tế*: Mâu thuẫn này có đối tượng tranh chấp chủ yếu là những tài nguyên biển như các nguồn lợi thủy sản, các kim loại quý hiếm và đặc biệt là dầu mỏ. Mâu thuẫn này còn có đối tượng là quyền kiểm soát các luồng lưu thông hàng hải qua khu vực Biển Đông.

Xung đột ở Biển Đông là dạng xung đột quốc tế, cả song phương lẫn đa phương, khi diễn ra giữa các quốc gia trong vùng và đều nằm trong những lĩnh vực quan hệ quốc tế chủ yếu. Không những thế xung đột này còn liên quan đến nhiều nước lớn trên thế giới nên quy mô ảnh hưởng của nó không chỉ giới hạn trong khu vực Đông Á mà có tầm ảnh hưởng rộng lớn ra bên ngoài”¹⁴.

Về mặt thực tiễn, trong những năm gần đây, chuỗi hành động - phản ứng của các bên ở Biển Đông làm gia tăng căng thẳng trong khu vực này, ảnh hưởng đến quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng, đặt ra những thách thức đối với ASEAN trong việc duy trì vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực, đồng thời củng cố thêm quyết tâm “tái cân bằng” của Mỹ đối với châu Á. Vấn đề Biển Đông giờ đã đồng thời trở thành “thuốc thử” cho ý định “phát triển hòa bình” của Trung Quốc, vị trí thống lĩnh của Mỹ ở khu vực và sự thống nhất của ASEAN.

- Đối với Trung Quốc - một cường quốc khu vực đang trên con đường trở thành cường quốc toàn cầu - Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” và nằm trong “vành đai chiến lược” với mục tiêu thực hiện những lợi ích của mình tại đây. Đồng thời, để bảo vệ các lợi ích kinh tế và chính trị, Bắc Kinh xem Biển Đông là khu vực để họ tập dượt và là bàn đạp để vươn ra ngoài.

- Đối với Mỹ - siêu cường lớn nhất hiện nay - có lợi ích trực tiếp tại Biển Đông trên nhiều khía cạnh: (i) duy trì trật tự trên biển do Mỹ làm chủ đạo, bao gồm cả luật biển quốc tế theo cách giải thích của Mỹ, đặc biệt là về tự do hàng hải -

¹⁴ PGS. TS Hoàng Khắc Nam, *Hệ thống xung đột quốc tế ở Biển Đông: Thực trạng và đặc điểm*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 2, 2012, tr.67

trong đó có tự do hoạt động của tàu quân sự Mỹ; (ii) bảo vệ lợi ích các đồng minh, đặc biệt là các tuyến đường biển chiến lược của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Phi-líp-pin; (iii) kiểm soát sự lớn mạnh của (hải quân) Trung Quốc để đảm bảo rằng sự phát triển của quốc gia này không đảo lộn hệ thống hiện tại do Mỹ chi phối; (iv) bảo đảm lợi ích của các tập đoàn dầu khí Mỹ trong khu vực. Những lợi ích này đều mang tính căn bản và bất biến; sẽ rất khó cho Mỹ thỏa hiệp với Trung Quốc vì tất cả những lợi ích đó đều gắn chặt với vị thế lãnh đạo mà Mỹ mong muốn duy trì trong hệ thống toàn cầu hiện nay.

- Đối với ASEAN, tranh chấp biển Đông không chỉ liên quan trực tiếp đến lợi ích an ninh và phát triển của mỗi thành viên, mà còn là phạm vi địa chính trị của tổ chức này - với tư cách là Cộng đồng khu vực, trung tâm kết nối, kiến tạo một cấu trúc an ninh mới ở châu Á - Thái Bình Dương. Điều này được chế định bởi nhiều quốc gia thành viên ASEAN nằm bao quanh vùng biển này, có yêu sách đòi chủ quyền và tất cả đều chia sẻ lợi ích cả kinh tế và chiến lược, nhất là trong tự do thương mại và an ninh quốc phòng và là nơi đan xen lợi ích chiến lược của nhau và của các nước lớn.

- Với vị trí địa - chiến lược rất quan trọng của Biển Đông, tùy ở mức độ khác nhau, các nước lớn như Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, Úc và nhiều nước khác cũng có lợi ích lớn ở khu vực này.

Do nhiều nguyên nhân, trong đó có nhu cầu phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN, tranh chấp biển Đông giữa các nước liên quan đòi chủ quyền trong nửa thập niên đầu thế kỷ XXI có phần lắng dịu. Tuy nhiên, từ sau đó, nhất là từ 2009 cho tới nay, tình hình biển Đông lại trở nên căng thẳng. Những hành động gần đây của Bắc Kinh trên Biển Đông như việc đơn phương tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông theo “đường lưỡi bò” (năm 2009), gây hấn với tàu khảo sát địa chấn của Việt Nam (năm 2011), tranh chấp đảo Hoàng Nham với Phi-líp-pin (năm 2012) và đặc biệt là việc đưa dàn khoan HYSY-981 vào sâu trong vùng biển Việt Nam (tháng 5-2014) đã cho thấy tư tưởng bành trướng của Trung Quốc đối với Biển Đông.

Đối mặt với những hành động ngày càng quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông, các quốc gia có yêu sách đối với vùng biển này trong ASEAN, đặc biệt là Việt Nam và Phi-líp-pin, đã áp dụng một chính sách tương đối toàn diện để bảo vệ những lợi ích quốc gia của họ, đồng thời cố gắng gìn giữ môi trường hòa bình bên ngoài. Chính sách này kết hợp giữa việc: sử dụng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật Biển, để bảo vệ những yêu sách và quyền lợi của mình; phản đối việc khai thác chung với Trung Quốc ở những khu vực bên trong vùng đặc quyền kinh tế được quốc tế công nhận; đưa vấn đề Biển Đông ra các diễn đàn khu vực để thảo luận với sự tham gia các cường quốc bên ngoài khác; hợp tác cùng các thành viên của ASEAN trong can dự Trung Quốc nhằm thực thi DOC và hướng tới một bộ quy tắc ứng xử mới; và đàm phán trực tiếp với Trung Quốc để giảm bớt căng thẳng và giải quyết các vấn đề song phương còn tồn tại.

Đối phó với yêu sách Đường lưỡi bò của Trung Quốc ở Biển Đông, các nước tranh chấp trong ASEAN đang cố gắng phân tách vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa tính từ đất liền (hay từ các đảo không tranh chấp gần bờ) và khu vực tranh chấp ở Biển Đông. Để tối thiểu hóa khu vực tranh chấp, các nước ASEAN lựa chọn cách diễn giải UNCLOS, đặc biệt là Điều 121 về “quy chế đảo” theo một cách thức hạn chế¹⁵. Các nước này - trực tiếp hoặc gián tiếp - không coi bất kỳ thực thể đang tranh chấp nào ở Biển Đông là đảo, như định nghĩa trong Điều 121 của UNCLOS, do đó chúng không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa mà chỉ có tối đa là lãnh hải 12 hải lý. Điều này đồng nghĩa với việc các nước này giới hạn phạm vi tranh chấp chỉ là các đảo đá và lãnh hải 12 hải lý xung quanh các đảo đá này.

Hầu hết các nước ASEAN – trực tiếp hoặc gián tiếp - đều có quan điểm phê phán Đường lưỡi bò của Trung Quốc. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin đã gửi Công hàm lên Liên hợp quốc phản đối yêu sách của Trung Quốc. Các nước ASEAN khác tuy không nêu rõ quan điểm nhưng lại thống nhất với nhau trong các văn kiện chung của hiệp hội. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN vào tháng 07-2012 tại Cam-pu-chia đã thông qua “Đề xuất của ASEAN về các thành tố cơ bản của Bộ Quy tắc Ứng

¹⁵ UNCLOS quy định hai loại thực thể theo Điều 121 chi phối “quy chế đảo”: đảo có khả năng tạo ra vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, và “đá không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng” “sẽ không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.”

xử khu vực ở Biển Đông (COC) giữa các Quốc gia thành viên ASEAN và Cộng hòa Nhân dân Trung hoa”. COC do ASEAN đề xuất là một tài liệu pháp lý và là một trong các mục tiêu của ASEAN nhằm: Thúc đẩy các nỗ lực làm rõ tranh chấp dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS; Khuyến khích các bên liên quan hợp tác cùng nhau để xác định và làm rõ tranh chấp biển và lãnh thổ ở Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế bao gồm UNCLOS. COC cũng ràng buộc các bên “cam kết tôn trọng vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của các nước ven biển theo quy định của UNCLOS 1982”¹⁶ - gián tiếp phản bác yêu sách Đường lưỡi bò của Trung Quốc chồng lấn lên các vùng biển của các quốc gia ven biển ASEAN.

Một số học giả cho rằng tình hình phức tạp ở Biển Đông mở ra các cơ hội để các nước ASEAN và các đối tác của ASEAN trong và ngoài khu vực đóng vai trò tích cực hơn trong hỗ trợ tìm kiếm các giải pháp cho vấn đề Biển Đông. Điển hình như Liên minh châu Âu, một đối tác ASEAN có nhiều lợi ích chiến lược tại Biển Đông và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong việc phòng chống, quản lý xung đột, sáng lập và thực hiện các quy tắc luật quốc tế, có thể chia sẻ các kinh nghiệm của mình, giúp các nước trong khu vực Biển Đông quản lý và giải quyết tranh chấp tại khu vực. Các học giả cho rằng xây dựng một trật tự pháp quy dựa trên luật pháp quốc tế ở Biển Đông là một cam kết, can dự dài hạn, đòi hỏi các giải pháp sáng tạo của tất cả các bên liên quan trong và ngoài khu vực, có lợi ích chung trong việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải, hàng không. Nhiều học giả đã nêu đề xuất giảm thiểu căng thẳng bằng cách thành lập những cơ chế quản lý khủng hoảng trên biển mới và khuyến khích tất cả các bên liên quan có thái độ hợp tác linh hoạt, tìm những cách áp dụng và giải thích luật pháp quốc tế phù hợp, được công nhận rộng rãi để giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông.

Bên cạnh đó, ASEAN cần từng bước phát triển các thỏa thuận quốc phòng đa phương nhằm không làm bất ổn nền hòa bình đang rất mong manh ở thời điểm hiện tại. Ban đầu, các thỏa thuận như vậy có thể bao gồm những hoạt động đào tạo quân sự hỗn hợp, hợp tác mua sắm vũ khí, chia sẻ thông tin tình báo, năng lực phòng

¹⁶ TS. Trần Trường Thủy, *Tam giác Trung Quốc-ASEAN-Mỹ tại Biển Đông: Lợi ích, Chính sách và Tương tác*, Bản dịch tham luận tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 "Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực" do Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh tháng 11/2012.

không và ra-đa giám sát, phối hợp diễn tập quân sự, hợp tác quân y và tăng cường liên kết khả năng hoạt động của hệ thống và thiết bị quân sự. Các hoạt động này được tiến hành đồng thời với việc thúc đẩy các cuộc thảo luận quốc phòng khu vực thông qua các thể chế do ASEAN làm trung tâm như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), ARF và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS).

Ngày 10-8-2014, trong Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 47 (AMM-47) nhóm họp tại My-an-ma đã cho thấy đường như các thành viên ASEAN, dù là bên có tranh chấp hay không, ngày càng trở nên đoàn kết và mạnh mẽ bày tỏ quan điểm của mình trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông. ASEAN thông qua thông cáo chung đã nhất trí cần kiềm chế xung đột, căng thẳng và nhấn mạnh hợp tác, đối thoại thông qua các biện pháp ngoại giao, hòa bình và tuân thủ luật pháp quốc tế, cùng các thỏa thuận được tôn trọng ở khu vực. Điều này cho thấy vai trò trung tâm của ASEAN và vai trò ngày càng quan trọng của việc hợp tác chính trị - an ninh tại khu vực Đông Nam Á.

2.2. Những tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, toàn cầu hóa cũng đưa đến những tác động tiêu cực đến quá trình hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN.

2.2.1. Toàn cầu hóa làm sâu sắc hơn sự chênh lệch và phân hóa về trình độ phát triển giữa các nước thành viên ASEAN, làm hạn chế quá trình hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực.

Trong những năm qua, hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Dù các nước CLMV (Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma, Việt Nam) gia nhập ASEAN sau đã đạt tăng trưởng mạnh mẽ, song khoảng cách phát triển hiện tại trong mỗi nước thành viên và nhất là giữa nhóm nước này với sáu nước thành viên trước (bao gồm Xin-ga-po, Bru-nây, Thái Lan, Ma-lay-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin) có thể cản trở các kế hoạch cho việc tạo ra một Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những nỗ lực hợp tác khu vực trong các Cộng đồng Chính trị - An ninh và Văn hóa - Xã hội của ASEAN.

Chênh lệch khoảng cách phát triển là nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng, hạn chế về cơ hội để tiếp nhận lợi ích từ hội nhập một cách hiệu quả. Về lâu dài, sự khác biệt về trình độ phát triển cũng ảnh hưởng đến những ưu tiên chính sách của mỗi thành viên. Chênh lệch khoảng cách thể hiện trên nhiều phương diện, tập trung ở một số khía cạnh như sau:

Về thu nhập, thu nhập đầu người của các nước ASEAN có sự tương phản rất sâu sắc. Mức thu nhập bình quân đầu người (tính theo ngang giá và theo tính toán của Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF) năm 2013 của Xin-ga-po đạt trên 55 nghìn USD, của Bru-nây đạt xấp xỉ 40 nghìn USD. Đây là nhóm nước có mức thu nhập bình quân đầu người không chỉ cao nhất trong khu vực, mà còn có thể so sánh với một số quốc gia phát triển hàng đầu trên thế giới. Mức thu nhập này của Xin-ga-po cao gấp 29 lần so với Việt Nam (1.901 USD), và gấp 54 lần so với Cam-pu-chia (1.028 USD) - nước có thu nhập bình quân theo đầu người thấp nhất khu vực. Ma-lay-xi-a, Thái Lan có mức thu nhập cao hơn nhiều so với CLMV nhưng cũng chỉ bằng một phần năm cho đến một phần mười của Xin-ga-po và Bru-nây.

Quy mô thị trường và cấu trúc của các ngành kinh tế trong các nước ASEAN cũng có sự khác biệt và chênh lệch rất lớn. Trong khi Tổng GDP của In-đô-nê-xi-a đạt 870 tỷ USD, của Thái Lan, Ma-lay-xi-a, Xin-ga-po cũng đạt trên dưới 300 tỷ USD thì những nền kinh tế như Lào, My-an-ma, Cam-pu-chia chỉ đạt từ 10 đến 56 tỷ USD, thấp hơn nhiều lần so với các thành viên khác.

Về thương mại, năm 2008, Xin-ga-po là nước có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất trong số 10 nước thành viên ASEAN với trị giá 516 tỷ USD - chiếm 33,5% tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của ASEAN. Tiếp đến là Thái Lan chiếm 18,6%, Ma-lay-xi-a chiếm 18,3%. Trong khi đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của ba nước Lào, My-an-ma, Cam-pu-chia chỉ đạt 2,2%.

Bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và năng lượng cũng thể hiện rõ sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa ASEAN-6 và các nước CLMV... Từ năm 2007, Xin-ga-po và Thái Lan đã có hệ thống đường trải nhựa với tỷ lệ gần như 100%, Ma-lay-xi-a 78%. Còn ở các nước Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam thì đến năm 2009 tỷ lệ vẫn chỉ trên 20%. Nhóm CLMV cũng thiếu kết cấu hạ tầng "mềm"

(công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống ITC) - điều kiện tối cần thiết cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Về quan niệm và khuôn khổ phân tích về chênh lệch phát triển kinh tế ở ASEAN, xu thế toàn cầu hóa, việc mở rộng của ASEAN thêm 4 thành viên mới (Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam), sự điều chỉnh chính sách của một số nước lớn với ASEAN, và đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997 – 1998 trong khu vực đã làm cho nhận thức về an ninh của ASEAN được mở rộng sang những vấn đề phi truyền thống (kinh tế, môi trường, chống khủng bố, cướp biển, buôn lậu vũ khí và tội phạm xuyên quốc gia...). “Trong các cách tiếp cận của ASEAN, cách tiếp cận an ninh con người là rộng hơn cả, và cho phép xây dựng chuẩn mực chung trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Tuy nhiên, ở cấp độ khu vực, ASEAN vẫn chưa đủ nguồn lực chung để có thể có các chính sách thực thi theo cách tiếp cận đó”¹⁷. Do đó, nỗ lực ở cấp độ quốc gia thành viên vẫn đóng vai trò quyết định.

Sự chênh lệch giữa các nước thành viên trong ASEAN tác động tiêu cực đến liên kết ASEAN nói chung và liên kết kinh tế khu vực nói riêng. Chênh lệch phát triển giữa hai nhóm thành viên cũ và mới của ASEAN đang là rào cản lớn cho quá trình liên kết kinh tế ASEAN và là nguy cơ tiềm ẩn đối với sự ổn định của khối. Thách thức đối với liên kết kinh tế của khối ASEAN chính là các vấn đề các lợi ích của quá trình tự do hóa và liên kết kinh tế khu vực không được phân phối công bằng giữa các nước cũng như giữa các vùng và mọi người dân trong một nước. Chênh lệch phát triển kinh tế gây ra tình trạng bất đối xứng quá trình liên kết kinh tế khu vực thể hiện trong quản lý linh tế vĩ mô, trong chính sách tài chính, tiền tệ, tỷ giá, điều tiết dòng vốn đầu tư, dẫn tới nguy cơ gây mất ổn định kinh tế vĩ mô và xa hơn là ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế và thách thức sự điều hành của nhà nước. Nhóm CLMV thiếu hụt năng lực và thể chế để có thể bắt kịp tốc độ liên kết kinh tế của ASEAN-6. Khoảng cách phát triển kinh tế là cho CLMV thua thiệt trong việc nắm bắt cơ hội và lợi ích của quá trình liên kết kinh tế của ASEAN-6. Khoảng cách phát

¹⁷ PGS. TS. Nguyễn Xuân Thắng, *Chênh lệch phát triển và an ninh kinh tế ở ASEAN*, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006.

triển kinh tế làm cho nhóm nước CLMV thua thiệt trong việc nắm bắt cơ hội và lợi ích của quá trình liên kết kinh tế ASEAN cũng như từ toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Hơn nữa, các nước CLMV cũng thiếu nguồn lực để đối phó với mặt trái của quá trình liên kết ASEAN cũng như của làn sóng toàn cầu hóa.

Sự chênh lệch phát triển giữa các nước trong khu vực cũng đem đến một hệ quả đó là sự chú trọng hướng ra ngoại khối nhiều hơn so với hướng vào nội khối. Điều này có nghĩa rằng, các nước trong ASEAN dễ bị chi phối và phân hóa vì lợi ích kinh tế, ưu tiên mở rộng quan hệ với các nước lớn, các nền kinh tế mạnh để tận dụng thị trường cũng như các nguồn lực để phát triển cho các quốc gia mình. Thực tiễn ở ASEAN cho thấy thương mại và đầu tư nội khối đóng vai trò khiêm tốn hơn thương mại và đầu tư với các đối tác bên ngoài. Số liệu năm 2010 do Ban Thư ký ASEAN công bố cho thấy, chỉ tính riêng tỷ trọng tổng giá trị thương mại với 4 đối tác hàng đầu đã là 40,7% so với 25% thương mại nội khối. Dù ASEAN không thể giải quyết các vấn đề của mình nếu thiếu vắng sự tham gia của các đối tác lớn, nhưng tỷ trọng thương mại nội khối thay đổi không nhiều trong hơn 10 năm qua (22 – 25%) chứng tỏ mức độ liên thông của các nền kinh tế thành viên với nhau còn rất hạn chế. Thu hút đầu tư và thúc đẩy thương mại quốc tế với đối tác bên ngoài bảo đảm tăng trưởng cho ASEAN, nhưng mặt trái của nó là Hiệp hội dễ bị tổn thương bởi những vấn đề bên ngoài hơn là từ bên trong. Sự phụ thuộc vào bên ngoài dễ dẫn đến chệch hướng hội nhập, các nguồn lực khó được huy động tập trung để giải quyết đòi hỏi từ bên trong ASEAN. Nội lực của ASEAN với một hay hai nền kinh tế đầu tàu chưa được xác lập, ASEAN phát triển nhờ ngoại lực cũng chính ngoại lực hiện đang làm cho quá trình hội nhập nội khối gặp trở ngại. Tính hai mặt trong quá trình phát triển đòi hỏi ý chí chính trị quyết liệt của các lãnh đạo quốc gia nếu muốn biến ASEAN thành cộng đồng thống nhất và vững mạnh thực chất.

Chênh lệch phát triển không chỉ thể hiện qua sự cách biệt giữa 2 nhóm nước (ASEAN-6 và CLMV) mà còn thể hiện khá rõ nét trong chính mỗi nước thành viên ASEAN. Chênh lệch giữa 20% giàu nhất so với 20% nghèo nhất trong ASEAN cũng khá lớn, trầm trọng nhất là tại Thái Lan (15,8 lần), Phi-líp-pin (hơn 10 lần), Xin-ga-po (hơn 7 lần), In-đô-nê-xi-a (gần 5 lần); con số tương ứng của các nước

CLMV là hơn 5 lần và đang có xu hướng rộng ra. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng, nghèo đói và bất bình đẳng cao trong một nước thành viên ASEAN có thể trở thành nhân tố tiềm ẩn đe dọa an sự phát triển kinh tế không chỉ của bản thân nước đó mà còn có thể lan truyền sang các nước thành viên khác. Nghèo đói và bất bình đẳng cao là thách thức lớn nhất mà các nước ASEAN phải nỗ lực vượt qua. Chuẩn đói nghèo ở mỗi nước lại khác nhau nên khó có thể so sánh tuyệt đối, song nhìn chung tỷ lệ nghèo đói ở ASEAN còn khá cao, trong đó chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn, vùng núi; thực trạng nghèo đói của các nước CLMV, dù đã đạt được nhiều tiến bộ trong xóa đói giảm nghèo theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), vẫn khá nghiêm trọng và là thách thức lớn đối với chính phủ các nước này. Một mặt chênh lệch khác là chỉ số phát triển con người (HDI). Đây là chỉ số tổng hợp bao gồm cả tuổi thọ trung bình, mức sống và mức độ giáo dục, do Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc UNDP tính toán và xếp hạng.

Bảng 2.2.1. Chỉ số phát triển con người (năm 2011) và tuổi thọ trung bình (2005 – 2010) của các nước ASEAN

Quốc gia	HDI (năm 2011)	Tuổi thọ trung bình (giai đoạn 2005 – 2010)
In-đô-nê-xi-a	0,617	70,7
Ma-lay-xi-a	0,761	74,2
Thái Lan	0,682	70,6
Phi-líp-pin	0,644	71,7
Xin-ga-po	0,866	80,0
Bru-nây	0,838	77,1
Việt Nam	0,593	74,2
Lào	0,524	64,4
Cam-pu-chia	0,523	59,7
My-an-ma	0,483	62,1

(Nguồn: bản cập nhật số liệu phát triển con người của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) công bố ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Báo cáo Dân số Thế giới của Liên Hiệp Quốc cho năm 2005-2010, công bố vào năm 2010)

Bảng trên cho thấy sự chênh lệch rất rõ giữa các thành viên ASEAN về tiêu chí đánh giá phát triển này. Bên cạnh đó, còn phải kể tới sự chênh lệch thu nhập bình quân theo đầu người. Các nước thành viên ASEAN tuy đạt tăng trưởng kinh tế cao, thu nhập bình quân đầu người liên tục được cải thiện, song ngoại trừ Xin-ga-po và Bru-nây, tất cả các nước còn lại đều đang ở mức thu nhập trung bình và có tỷ lệ người với thu nhập trung bình dưới chuẩn nghèo 2 USD/ngày còn cao. Điều đó cho thấy sự cấp thiết của việc tăng cường thu hẹp khoảng cách phát triển trong nội khối và giữa khối với bên ngoài. Tất cả những điều này yêu cầu phải có sự phối hợp, hỗ trợ và đoàn kết của các nước ASEAN nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch phát triển giữa các thành viên trong Hiệp hội.

Với nhận thức rằng thu hẹp khoảng cách phát triển vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là mục tiêu lâu dài, phục vụ cho sự phát triển đồng đều, năng động và bền vững của khu vực, ASEAN đã thật sự bắt tay vào tiến hành các chương trình hợp tác nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển. Điều này được thực hiện trên cả cấp độ quốc gia và khu vực. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội năm 1998, thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN đã được đề cập như một nội dung ưu tiên. Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (Hà Nội, 2001), ASEAN đã thông qua Tuyên bố Hà Nội về Thu hẹp khoảng cách phát triển, đề ra các phương hướng cụ thể để triển khai Sáng kiến về Hội nhập ASEAN (IAI), IAI tập trung hỗ trợ các nước CLMV trên hai lĩnh vực chính là thúc đẩy việc triển khai các chương trình, dự án tiểu vùng và khuyến khích các nước đối tác của ASEAN tham gia, tài trợ cho các dự án về đầu tư, thương mại. Các đối tác của ASEAN như Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Mỹ cũng tích cực hỗ trợ các dự án IAI. Đến nay, đã có hơn 200 dự án đang được thực hiện, trong đó có 165 dự án có vốn tài trợ. Các dự án đã đem lại kết quả cụ thể, tập trung vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng cơ sở và hệ thống giao thông vận tải, phát triển cơ sở hội nhập kinh tế, phát triển công nghệ thông tin và viễn thông, phát triển nguồn nhân lực, giúp các nước này xóa đói, giảm nghèo, góp phần cải thiện môi trường và thúc đẩy du lịch nội khối.

Các hoạt động trong khuôn khổ IAI cũng được thực hiện qua sự hỗ trợ của các nước ASEAN-6 dành riêng cho CLMV Chương trình ưu đãi thuế quan hội nhập

ASEAN (AISP). Nội dung của Chương trình này là các nước ASEAN-6 đẩy nhanh cam kết giảm thuế cho các nước CLMV trong một số sản phẩm. Trên thực tế, từ năm 2010, việc giảm thuế xuống 0% đối với 99% số dòng thuế của các nước ASEAN-6 cũng cho thấy AISP đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Các nước ASEAN-6 cũng hỗ trợ CLMV thông qua các chương trình hợp tác kỹ thuật.

Việc thu hẹp khoảng cách phát triển sẽ chỉ thành công nếu như thành công đó được xây dựng bằng chính nỗ lực của các nước CLMV. Là nhóm nước kém phát triển hơn trong ASEAN, các nước CLMV cần có một hướng đi hợp lý, rõ ràng và tích cực. Điều quan trọng nhất CLMV phải chú trọng đúng mức tới Lộ trình hội nhập của khu vực, đặc biệt là thiết lập Cộng đồng kinh tế ASEAN, thúc đẩy hiệu quả các cải cách cơ cấu và sử dụng một cách hợp lý các chính sách kinh tế vĩ mô. Tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế các nước CLMV lần thứ nhất sắp tới, diễn ra bên lề Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 42, thu hẹp khoảng cách phát triển là một trong những nội dung chính sẽ được bốn nước thảo luận, đánh giá để tìm kiếm một giải pháp chung hiệu quả nhất, từng bước đưa CLMV sánh ngang cùng các quốc gia trong khu vực và thế giới.

2.2.2. Sự đan xen lợi ích chiến lược và sự tác động của các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là ở Biển Đông đang là thách thức đối với liên kết ASEAN nói chung và hợp tác chính trị - an ninh nói riêng

Khu vực Đông Nam Á án ngữ ở vị trí vô cùng quan trọng với hệ thống cảng biển, eo biển và đường hàng hải thuận tiện nhất từ Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương. Khu vực này trở thành mắt xích then chốt của cầu nối giữa hai châu lục Á - Âu, giữa Tây Nam Á, Trung Cận Đông, Bắc Phi với Đông Bắc Á và Bắc Mỹ. Với vị trí chiến lược như vậy cũng như điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên phong phú và dồi dào, Đông Nam Á từ lâu đã trở thành địa bàn giành giật ảnh hưởng của nhiều nước lớn. Hiện nay, những nỗ lực mới của ASEAN trong việc hiện thực hóa Cộng đồng của mình vào năm 2015 cũng như tầm quan trọng về địa lý vốn có của Đông Nam Á đã và đang làm tăng nhanh vị thế của ASEAN và các nước thành viên trong bàn cờ địa chính trị, kinh tế của các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc. Đây là vấn đề rất lớn, có tác động sâu sắc đến nhận

thức và hành động chiến lược của các nước thành viên, nhất là trong việc duy trì, mở rộng lợi ích của họ tại khu vực này.

- Đối với Mỹ, trọng điểm của chiến lược toàn cầu đã chuyển từ châu Âu sang châu Á, trong đó Đông Á – Đông Nam Á là một mắt xích trọng yếu của chiến lược châu Á – Thái Bình Dương. Mỹ đang gia tăng sự can dự nhiều hơn vào khu vực Đông Nam Á, nhằm duy trì ảnh hưởng vốn có của họ trước sức ép cạnh tranh từ phía Trung Quốc. *Về lợi ích kinh tế*, khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng đã và đang là một thị trường đầu tư lớn, nơi tiêu thụ hàng hóa công nghiệp chế tác, mang lại lợi nhuận cao cho Mỹ. Trừ Nhật Bản và một số con rồng châu Á khác như Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po, các nước trong khu vực này đều là những nước đang phát triển, thiếu vốn, công nghệ lạc hậu nhưng lại là nơi có số lượng dân cư hơn 600 triệu người, sức mua lớn và nhân công tương đối rẻ. Ngoài ra, đây còn là khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, trong đó có dầu mỏ, khí đốt, quặng hiếm... Trong bối cảnh khan hiếm về tài nguyên thì đây là một lợi thế mà bất nước công nghiệp nào cũng không thể bỏ qua. *Về lợi ích chiến lược*, khu vực Đông Nam Á đối với Mỹ quan trọng hơn bao giờ hết. Tại đây, Mỹ có quan hệ đồng minh truyền thống với Phi-líp-pin, Thái Lan; có quan hệ khá tin cậy và chặt chẽ với Xin-ga-po; có quan hệ toàn diện với Ma-lay-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. Đây cũng là khu vực chiến lược, có khả năng duy trì và kết nối các quan hệ kinh tế, đồng minh của Mỹ từ Đông Bắc Á đến Đông Nam Á, Nam Thái Bình Dương và Nam Á, tạo cho Mỹ thế gọng kìm, kiểm soát địa chính trị khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

- Đối với Trung Quốc, Đông Nam Á không chỉ là khu vực ảnh hưởng truyền thống mà còn là nơi có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược tổng thể, vươn lên vị trí siêu cường, sánh vai với Mỹ. Đông Nam Á không chỉ là cửa ngõ “yết hầu” phía Nam, thị trường cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm công nghiệp lớn của Trung Quốc, nơi đang diễn ra quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, có khả năng kết nối, cân bằng lợi ích của nhiều nước lớn và mở rộng hợp tác liên kết khu vực châu Á Thái Bình Dương. *Về lợi ích kinh tế*, Trung Quốc cần có thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp cũng như tìm nguồn cung cấp nhiên liệu thô từ bên ngoài. Các nước Đông Nam Á hầu hết là các nước đang phát triển nên thị trường dễ

tính mà lại có tài nguyên thiên nhiên phong phú. Đó là sự hấp dẫn đối với nền kinh tế đang trỗi dậy mạnh mẽ như Trung Quốc. Về lợi ích chiến lược, các nước Đông Nam Á là con đường ngắn nhất tiếp cận Ấn Độ Dương rồi từ đó thông thương với thế giới Ả-rập và châu Phi, nơi cung cấp nhiều dầu mỏ. Đồng thời, các nước như Thái Lan, My-an-ma, Lào và Việt Nam nằm trên dải đất liền, thuận tiện cho sự phát triển thương mại và đảm bảo an ninh cho khu vực phía Nam Trung Quốc.

Bên cạnh đó, Đông Nam Á không chỉ trở nên có giá trị chiến lược quan trọng với Mỹ, Trung Quốc mà còn là khu vực cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn khác như Ấn Độ, Nhật Bản, Nga.... Ngoài thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, tăng cường sự hiện diện quân sự, can thiệp sâu, rộng hơn vào khu vực nhằm kiểm chế, ngăn chặn lẫn nhau, các nước lớn cũng đẩy mạnh triển khai nhiều hoạt động nhằm giành giật ảnh hưởng tại khu vực. Như vậy, dựa vào những phân tích ở trên, có thể thấy, khu vực Đông Nam Á đang là nơi có sự đan xen và cạnh tranh về lợi ích chiến lược của các nước lớn.

Dưới sự tác động và chi phối về lợi ích của các cường quốc trên bàn cờ địa - chính trị, các nước ASEAN phải đối mặt với không ít những thách thức. Thứ nhất, sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự suy yếu tương đối của Mỹ trong cán cân sức mạnh đang đặt ra nhiều vấn đề mới cho an ninh - ổn định và phát triển của khu vực Đông Nam Á cũng như lựa chọn chính sách của từng quốc gia trong khu vực. Lịch sử cho thấy, khi các cường quốc mới trỗi dậy, thì những hệ lụy đối với những quốc gia nhỏ hơn và yếu hơn ở xung quanh là điều khó tránh khỏi. Các thách thức chủ yếu liên quan tới việc các nước lớn o ép các nước nhỏ, bao gồm việc hạn chế không gian tự chủ hành động của các nước nhỏ và giành phần hơn trong việc theo đuổi lợi ích quốc gia (kể cả trong bối cảnh song phương và đa phương)¹⁸. Tham vọng kiểm soát không gian địa - chính trị của các nước lớn có thể gây ra nhiều khó xử cho ASEAN trong quan hệ với các nước. Sự cạnh tranh giành ưu thế địa - chính trị giữa các nước lớn tại Đông Nam Á không chỉ bị chi phối bởi chủ nghĩa dân tộc và nước lớn, mà còn bị tác động bởi đấu tranh ý thức hệ chính trị - tư tưởng giai cấp. Điều này lại

¹⁸ PGS. TS Nguyễn Vũ Tùng, *Sống chung với láng giềng lớn hơn: Thực tiễn và chính sách*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Số 81, Hà Nội, tháng 6 năm 2010.

càng làm tăng sự phức tạp và nhạy cảm trong quan hệ ứng xử của các nước Đông Nam Á với các nước lớn, nhất là với Trung Quốc và Mỹ. Để có chính sách thích ứng, vừa mở rộng được quan hệ với Mỹ, lại vẫn giữ được quan hệ ổn định với nước láng giềng khổng lồ Trung Quốc là một thách thức lớn đối với quá trình hợp tác liên kết và hội nhập của ASEAN.

Thứ hai, vì lợi ích chiến lược, các nước lớn sẽ gia tăng sự can dự vào quá trình tranh chấp và khai thác tài nguyên tại khu vực biển Đông, gây không ít thách thức đối với an ninh, hợp tác và phát triển của Đông Nam Á. Sự tương tác giữa các cạnh trong tam giác Trung Quốc – ASEAN – Mỹ trong vấn đề Biển Đông đang diễn ra ngày càng gay gắt. Sự quyết đoán của Trung Quốc tại Biển Đông đã khiến các nước ASEAN liên quan đến tranh chấp lo ngại về an ninh của họ cũng như sự ổn định ở khu vực. Thực tiễn cho thấy, trong quan hệ với ASEAN, để ảnh hưởng đến cuộc thảo luận nội khối ASEAN, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã thăm Cam-pu-chia trước khi khai mạc hội nghị thượng đỉnh ASEAN vào tháng 4-2012. Bộ trưởng Quốc phòng Lương Quang Liệt cũng có chuyến thăm chính thức Cam-pu-chia lúc diễn ra Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN lần thứ 6 (ADMM) vào tháng 5, một cách không chính thức biến ADMM thành ADMM+1. Với Mỹ, một mặt cạnh tranh với Trung Quốc để việc duy trì vị thế lãnh đạo tại Châu Á – Thái Bình Dương, mặt khác Mỹ cũng cần hợp tác với Trung Quốc trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Trong bối cảnh đó, vấn đề Biển Đông giúp Mỹ có cơ để duy trì can dự tại khu vực và tập hợp lực lượng để đối phó với một Trung Quốc đang trỗi dậy. Trung Quốc càng hùng mạnh bao nhiêu thì lợi ích của Mỹ tại châu Á cũng sẽ lớn lên bấy nhiêu. Vì thế, Mỹ tái khẳng định lợi ích và lập trường của nước này về vấn đề Biển Đông tại Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) 17, 18, 19 và tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) 2011 là các diễn biến logic. Trong một vài năm tới, nhiều khả năng Mỹ sẽ tiếp tục duy trì lập trường trên, cho dù là với các mức độ khác nhau tại các diễn đàn khu vực khác nhau. Ở một góc độ khác, chính sách và lập trường của Mỹ ảnh hưởng lên cả lập trường của những nước khác, đặc biệt là những nước có mối quan hệ gần gũi với Oa-sinh-tơn. Tiếp sau Mỹ, các quốc gia có lợi ích tại Biển Đông như Nhật Bản, Úc, Ấn Độ và ngay cả một số quốc gia EU

khác cũng bày tỏ quan ngại về các diễn biến gần đây tại Biển Đông. Tranh chấp Biển Đông đã trở thành vấn đề quốc tế và được các bên có liên quan đề cập tại nhiều diễn đàn đa phương khác nhau (như ARF, EAS, ASEM...).

Thứ ba, sự cạnh tranh quyền lực và đan xen lợi ích của các nước lớn sẽ khiến ASEAN đối mặt nguy cơ bị chi phối và chia rẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến liên kết nội khối nói chung và hợp tác chính trị - an ninh nói riêng. Có thể nói, đây là thử thách rất lớn đối với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Vì lợi ích của mỗi quốc gia, các thành viên sẽ lựa chọn những chính sách và đường lối riêng trong việc hợp tác với các nước lớn. Một biểu hiện rõ rệt đó là việc các nhà ngoại giao ASEAN không tìm được tiếng nói chung về cách thức xử lý cuộc tranh chấp trên biển Đông giữa 4 nước thành viên Bru-nây, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Việt Nam với Trung Quốc trong Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao (ngày 13-7-2012) tại Cam-pu-chia. Bất đồng nảy sinh sau khi nước chủ nhà Cam-pu-chia – nước có quan hệ gần gũi với Trung Quốc - không chấp nhận đưa vấn đề tranh chấp ở biển Đông vào Tuyên bố chung. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử 45 năm của ASEAN, một hội nghị cấp bộ trưởng kết thúc mà không đưa ra được Tuyên bố chung. Đây rõ ràng là một rào cản đối với tiến trình hợp tác toàn diện của các nước ASEAN.

Thứ tư, chính trị nước lớn bản chất là xung đột quyền lợi, nhưng cũng sẵn sàng thỏa hiệp đôi chác với nhau trên lưng nước nhỏ. Các cuộc khủng hoảng chính trị ở một số khu vực trên thế giới thời gian gần đây đang thu hút sự gia tăng can dự của Mỹ cũng như các nước lớn. “Do đó, không loại trừ khả năng một nước lớn nào đó, để đạt được lợi ích ở khu vực chiến lược của mình, sẽ có sự thỏa hiệp ở khu vực Đông Nam Á. Nếu điều đó diễn ra, các nước Đông Nam Á, có thể gặp những khó khăn, phức tạp trong chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn tại khu vực.”¹⁹

Tuy nhiên, đa số các nước hữu quan đều muốn duy trì sự cân bằng như hiện có và có những nỗ lực chung nhằm củng cố sự cân bằng cân bằng chiến lược bằng mọi hình thức hợp tác có thể được. Hiện nay, các nước lớn chưa có điều kiện thực hiện một hành động đơn phương gây xáo trộn khu vực Đông Nam Á, mặc dù căng

¹⁹ TS. Mai Hoài Anh, *Tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở Đông Nam Á với Việt Nam*, Tạp chí Lý luận Chính trị, Số 4, Hà Nội, năm 2014.

thăng đang tiếp tục tăng lên xung quanh khu vực Biển Đông. Đây là điều kiện để các nước trong khu vực tăng cường và củng cố các mối quan hệ hợp tác với nhau. Đương nhiên, triển vọng sau đó như thế nào còn tùy thuộc một phần vào bản lĩnh ứng xử của các nước thành viên ASEAN. Điều quan trọng là ASEAN cần phải duy trì quan hệ với tất cả các bên liên quan, đồng thời tăng cường sức mạnh nội tại để đương đầu với các mối đe dọa.

2.2.3. Toàn cầu hóa ít nhiều làm phức tạp hơn những sự mâu thuẫn, bất đồng giữa các nước thành viên trong ASEAN.

Các nước trong khu vực Đông Nam Á tuy gần gũi về mặt địa lý nhưng lại có rất nhiều dân tộc, ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa, tôn giáo phức tạp, tồn tại sự khác biệt về nhiều mặt như trình độ phát triển của các nước, tình hình đất nước, chế độ tư pháp, thể chế chính trị và lợi ích nhà nước. Vì thế, những mâu thuẫn giữa các nước ASEAN về các mặt như chế độ xã hội, ý thức hệ và tín ngưỡng tôn giáo dân tộc sẽ tồn tại lâu dài, từ đó ảnh hưởng đến sự đoàn kết và sức quy tụ bên trong tổ chức này, khiến cho nội bộ ASEAN rất khó có được sự thống nhất trong điều tiết các hoạt động an ninh. Mặt khác, giữa các nước còn tồn tại những tranh chấp lãnh thổ song phương hoặc đa phương. Ví dụ như cách đây vài năm, giữa Thái Lan và Campuchia liên tiếp xảy ra tranh chấp đền Pờ-rét Vi-hê-a (Preah Vihear) hay những nghi kỵ lẫn nhau giữa Ma-lay-xi-a và Xin-ga-po về tranh chấp đảo Pê-dờ-ra Bran-ca (Pedra Branca)... Những vấn đề này rất có thể phát triển thành điểm xung đột mới của khu vực này. Lợi ích chung và lợi ích quốc gia khó có thể điều tiết đã cản trở việc hợp tác phát triển hơn nữa, khiến cho hợp tác an ninh của các nước ASEAN có thể vẫn sẽ giữ ở mức độ và tầng nấc hợp tác tương đối thấp trong một khoảng thời gian tương đối.

Quá trình toàn cầu hóa buộc các quốc gia trong khu vực tăng cường sức mạnh quân sự. Về thực tiễn trước mắt, việc tăng cường này là một bước đi nhằm thích ứng với những diễn biến mới của tình hình thế giới gần đây, đồng thời nhằm hiện đại hóa lực lượng quân đội các nước trong khu vực.

Bảng 2.2.3- Chi tiêu quốc phòng của các nước khu Đông Nam Á

Quốc gia	Chi tiêu quốc phòng (triệu USD)	Phần trăm (%) GDP	Xếp hạng với thế giới	Dữ liệu năm
In-đô-nê-xi-a	6.866	0,7	29	2012
Ma-lay-xi-a	3.259	2,0	46	2011
Thái Lan	5.387	1,5	35	2012
Phi-líp-pin	1.486	0,8	58	2011
Xin-ga-po	9.707	3,6	22	2012
Bru-nây	327	3,1	90	2011
Việt Nam	2.410	2,5	51	2011
Lào	18,4	0,3	144	2011
Cam-pu-chia	191	1,1	106	2011
My-an-ma	-	-	-	-

(Nguồn: Cơ sở dữ liệu chi tiêu quân sự của SIPRI, công bố năm 2012)

Tuy nhiên, về lâu về dài, nó sẽ tạo ra những sự nghi kỵ lẫn nhau trong nội bộ các nước thành viên ASEAN. Do vậy, các nước trong khu vực cần phải có sự minh bạch và tăng cường liên kết với nhau trong vấn đề an ninh quốc phòng.

Toàn cầu hóa thúc đẩy sự cạnh tranh và can dự vốn là điều bình thường trong quá trình hợp tác và phát triển. Nhưng nếu sự cạnh tranh và can dự đó mang những toan tính chỉ cho riêng mình, bất bình đẳng, trái với luật pháp quốc tế, thiếu minh bạch do có những trường hợp rất khó để điều tiết giữa lợi ích quốc gia và lợi ích chung của khu vực. Điều này dễ dẫn tới chia rẽ, nghi kỵ và nguy cơ kiềm chế lẫn nhau, ảnh hưởng tiêu cực tới hòa bình, hợp tác và phát triển của các nước ASEAN.

TIỂU KẾT

Quá trình toàn cầu hóa mang lại những điều kiện thuận lợi để các quốc gia tăng cường hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế và hợp tác trên mọi lĩnh vực. Tính khách quan của quá trình toàn cầu hoá hiện nay phản ánh xu thế tiến lên của lịch sử nhân loại, phản ánh xu thế hợp tác để cùng phát triển giữa các quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng có những mặt trái và tác động đến từng quốc gia, từng chủ thể tham gia quan hệ quốc tế. Hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN trong giai đoạn hiện nay cũng bị tác động mạnh mẽ bởi quá trình này.

Toàn cầu hóa với trọng tâm là toàn cầu hóa kinh tế đã thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa về chính trị và hợp tác an ninh giữa các nước trong khu vực. Quá trình này cũng tạo ra những vấn đề toàn cầu và làm nảy sinh các vấn đề an ninh phi truyền thống, đòi hỏi các nước ASEAN cần thắt chặt quan hệ liên kết hợp tác với nhau để tìm giải pháp và cùng hành động để giải quyết những vấn đề đó. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng tạo ra những thử thách đối với hợp tác chính trị - an ninh ASEAN. Trong đó, vấn đề Biển Đông hiện nay mà sự can dự và cạnh tranh lợi ích chiến lược ở khu vực này đang là nguy cơ tiềm ẩn với khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về mức độ phát triển của các nước trong khu vực cũng đặt ra những rào cản ở mức nhất định đối với liên kết ASEAN. Nhận thức được những khó khăn và thử thách trên, các nhà lãnh đạo ASEAN đang quyết tâm làm hạn chế cũng như tạo lòng tin với từng thành viên trong Hiệp hội để đưa hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực lên một tầm cao mới.

CHƯƠNG III: TRIỂN VỌNG HỢP TÁC CHÍNH TRỊ – AN NINH CÁC NƯỚC ASEAN TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

3.1. Triển vọng hợp tác Chính trị - An ninh của các nước ASEAN trong những năm tới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ, hợp tác về chính trị - an ninh giữa các nước ASEAN sẽ có những thuận lợi để phát triển, đồng thời cũng phải đối mặt với những khó khăn, thử thách. Dựa trên những thành công hiện có và cùng vì một mục tiêu chung, tất cả các thành viên trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN đều đang quyết tâm tăng cường hợp tác một cách toàn diện với nhau và với các bên đối tác bên ngoài.

3.1.1. Những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác chính trị - an ninh của các nước ASEAN hiện nay.

- ASEAN đang chủ động và tích cực phát huy vai trò ngày càng không thể thiếu trong đời sống Chính trị - An ninh của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Trong điều kiện quốc tế và khu vực thay đổi theo chiều hướng có lợi cho hòa bình, hợp tác và phát triển, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN - được nhìn nhận là tổ chức đóng vai trò hạt nhân đối với quá trình khu vực hóa nơi này. ASEAN đã và đang khởi tiến những bước đi đầu tiên trong việc tạo lập lòng tin và thực thi chính sách ngoại giao phòng ngừa, góp phần củng cố an ninh trong khu vực.

Các thành viên của Hiệp hội hiểu rõ rằng ASEAN là khuôn khổ hữu hiệu duy nhất hiện nay để giữ vững hòa bình, ổn định và tăng cường liên kết của khu vực cũng như tạo thế tăng cường quan hệ với các nước lớn. Hay nói cách khác, ASEAN đã trở nên không thể thiếu đối với khu vực; chỉ có liên kết lại với nhau, các nước mới có thể vừa tranh thủ vừa hạn chế được các ảnh hưởng, can thiệp của bên ngoài; chỉ khi là một khối, ASEAN mới có tiếng nói được đề ý tới và coi trọng trên diễn đàn quốc tế. Vì lý do đó, kể cả khi gặp phải những khó khăn, thách thức hoặc hoạt động của ASEAN bị gián đoạn bởi các trục trặc nội bộ của một quốc gia thành viên như trong trường hợp bất ổn chính trị tại Thái Lan thời gian vừa qua, các nước đều

coi trọng, có nhu cầu và quyết tâm chính trị thúc đẩy sự phát triển của ASEAN và việc xây dựng Cộng đồng ASEAN.

- Những thành tựu ban đầu trong quá trình xây dựng APSC cho tới nay sẽ là nền tảng và là nguồn khích lệ cho các quốc gia trong khu vực tăng cường hợp tác trên lĩnh vực này.

Cùng với việc ra đời của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) vào năm 1994, ý tưởng xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN vào năm 2003 và quyết định của Hội nghị Cấp cao ASEAN 2007 về việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) như là một trong ba trụ cột chính của Cộng đồng ASEAN là cả một bước tiến dài của các nước thành viên ASEAN trong nỗ lực đoàn kết với nhau, tăng cường sức mạnh của khu vực, đối phó với các thách thức, đe dọa nhiều chiều đang nổi lên, vì lợi ích chung của tất cả các quốc gia thành viên trong Hiệp hội.

Những thành công bước đầu trong việc triển khai xây dựng APSC từ ngày thành lập cho đến nay đã cho thấy rằng quyết định xây dựng tổ chức này là hoàn toàn phù hợp, sáng suốt và hợp lý. Quan hệ giữa các thành viên trong Cộng đồng với nhau, nhìn chung vẫn là quan hệ hòa bình, hợp tác và hữu nghị. Môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực Đông Nam Á tiếp tục được duy trì và giữ vững.

Năm 2008, các quốc gia trong khu vực đã cùng nhau hỗ trợ Mi-an-ma vượt qua những khó khăn sau sự tàn phá của cơn bão Nar-gis. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN trực tiếp tham gia vào các hoạt động cứu trợ các nạn nhân sau thảm họa thiên tai. Bên cạnh đó, trong năm 2010 và 2011, với sự đồng ý của Thái Lan và Cam-pu-chia, ASEAN đã đóng vai trò làm trung gian hòa giải trong quá trình tìm kiếm giải pháp cho cuộc xung đột tranh chấp chủ quyền và lãnh thổ đối với ngôi đền Pờ-rét Vi-hê-a (Preah Vihear) giữa hai nước. Đó được xem như là những bước tiến của ASEAN trong việc tăng cường tinh thần hòa bình, hợp tác, hữu nghị và đoàn kết giữa các quốc gia trong khu vực.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 được tổ chức tại thành phố Hua Hin, Thái Lan, tháng 4-2009, các quốc gia thành viên trong Hiệp hội đã thông qua Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, xác định 157 hoạt động hợp tác cụ thể, trong đó tập trung vào 14 lĩnh vực ưu tiên. Kế hoạch này

đồng thời cũng cung cấp lộ trình và thời gian biểu để thiết lập APSC vào năm 2015 và có sự linh hoạt để thực hiện các chương trình, các hoạt động sau năm 2015 nhằm duy trì và đảm bảo sự bền vững và hiệu quả trong hợp tác Chính trị - An ninh của APSC nói riêng và Cộng đồng ASEAN nói chung. Việc triển khai Kế hoạch tổng thể APSC được ASEAN nhất trí cao từ các nhà Lãnh đạo ASEAN cho tới cấp Bộ trưởng, quan chức cao cấp (SOM) và cấp làm việc thông qua các cơ chế trong ASEAN như Cấp cao ASEAN, Cộng đồng điều phối ASEAN (ACC), Cộng đồng APSC, Diễn đàn Biển ASEAN (AMF) và nhiều cơ quan chuyên ngành khác nhau. Đây là cơ sở về mặt pháp lý và là môi trường thuận lợi cho hợp tác về chính trị và an ninh trong khu vực.

- *Hiến chương ASEAN trở thành văn kiện pháp lý quan trọng nhất buộc các thành viên phải giữ vững cam kết đối với Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN nói riêng.*

Bản Hiến chương ASEAN được ký kết vào năm 2007, có hiệu lực từ năm 2008, văn kiện nền tảng quan trọng nhất của Hiệp hội, đã xác định rõ tầm nhìn tổng thể và toàn diện cho ASEAN, chỉ ra những mục tiêu dài hạn mà ASEAN cần hướng đến, cũng như các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo hoạt động của tổ chức này về lâu dài.

Hiến chương ASEAN là văn kiện pháp lý quan trọng nhất của ASEAN. Văn kiện này bao gồm Lời nói đầu và 13 Chương, 55 Điều, với các nội dung lần lượt là: Mục đích - Nguyên tắc hoạt động; Tư cách pháp nhân; Quy chế thành viên; Các ưu đãi miễn trừ; Ra quyết định; Giải quyết tranh chấp; Tài chính - ngân sách; Các vấn đề về Hành chính - thủ tục; Biểu trưng và Biểu tượng; Quan hệ Đối ngoại và Các điều khoản chung. Theo đó, ASEAN sẽ là một tổ chức liên chính phủ”, hoạt động vì mục tiêu “duy trì và tăng cường hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác trong khu vực”, “thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn về chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội”, “tăng cường phúc lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng một ASEAN hướng về người dân”, “duy trì vai trò trung tâm và chủ động của ASEAN như động lực chính trong quan hệ với các đối tác bên ngoài và trong cấu trúc khu vực...

Trước khi có Hiến chương ASEAN vào năm 2007, phần lớn các chương trình liên kết và các kế hoạch hợp tác giữa các nước ASEAN đều được thực hiện

trên cơ tự nguyện của các thành viên trong Hiệp hội. Mặc dù, các nguyên tắc ASEAN – X, hay 2+X do ASEAN đề ra trước đó đã tạo sự năng động trong liên kết hợp tác khu vực thì điều đó cũng khiến cho một số nước thành viên có thể dựa vào đó để trì hoãn tham gia vào một số dự án hợp tác khu vực mà họ ch là chưa hoặc không phù hợp và có lợi cho họ. Dựa trên thực tế đó, yêu cầu ASEAN cần có một công cụ pháp lý để có thể hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định chung của Hiệp hội và Hiến chương ASEAN đã được ký kết và có hiệu lực để giải quyết tình trạng này.

Tại Điều 5 của Hiến chương ASEAN đã quy định rõ Quyền và Nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong Hiệp hội như sau:

1. Các Quốc gia thành viên có Quyền và Nghĩa vụ bình đẳng theo Hiến chương này.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, bao gồm cả việc ban hành nội luật thích hợp, để thực hiện hữu hiệu các điều khoản trong Hiến chương này và tuân thủ tất cả các nghĩa vụ thành viên.

Những quy định trên có nghĩa là việc thực hiện các chương trình, các kế hoạch hợp tác khu vực do Hội nghị thượng đỉnh ASEAN đề ra là nghĩa vụ bắt buộc đối với tất cả các nước thành viên. Điều này đảm bảo các cam kết hợp tác khu vực và quốc tế của ASEAN sẽ được các nước thành viên của nó thực hiện một cách nghiêm chỉnh và có trách nhiệm.

- Lợi ích của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN phù hợp với lợi ích của các nước thành viên và của các nước lớn.

Hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh không chỉ đáp ứng được lợi ích của các quốc gia Đông Nam Á mà còn phù hợp với lợi ích của các nước lớn. Ngay từ ngày đầu thành lập, ASEAN không và sẽ không là một liên minh quân sự chống lại bất cứ bên nào. ASEAN sẽ không những không làm ảnh hưởng tới quyền lợi của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, EU ở khu vực này, mà tổ chức này còn giúp những nước đó không phải bận tâm nhiều về nghĩa vụ của họ đối với các đồng minh ở Đông Nam Á, để có thể tập trung được nhiều hơn tới những vấn đề nội bộ trong nước hoặc tới những khu vực, những nước có tầm quan trọng hơn về chiến lược và kinh tế đối với họ.

Chính do những lợi ích mà ASEAN mang lại cho họ, các cường quốc lớn: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc hay EU... đã phản ứng tích cực đối với các nước Đông Nam Á nói chung và hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh các nước ASEAN nói riêng. Đánh giá về vị thế và vai trò của ASEAN tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, các nước lớn nhìn nhận ASEAN như “hạt nhân” trong khu vực là cầu nối nhằm tăng cường ảnh hưởng của những nước này đối với khu vực đầy tiềm năng là châu Á. Các nước đối tác đều khẳng định coi trọng quan hệ và hợp tác toàn diện với ASEAN, tăng cường hỗ trợ ASEAN xây dựng Cộng đồng và thu hẹp khoảng cách phát triển cũng như ủng hộ vai trò chủ đạo của ASEAN trong các khuôn khổ hợp tác khu vực.

Để ủng hộ ASEAN trong công cụ Cộng đồng ASEAN nói chung, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN nói riêng, Hoa Kỳ đã ký TAC tháng 7-2009 tại Thái Lan. Hành động này của Mỹ đã góp phần giúp ASEAN thực hiện được mục tiêu của APSC là biến Đông Nam Á thành khu vực hòa bình ổn định ở đó nhân dân các nước trong khu vực có thể chung sống hòa bình với nhau và với thế giới bên ngoài. Trước đó, Trung Quốc, Nhật bản, Ấn Độ, Nga, Úc...cũng đã ký TAC. Việc tất cả các cường quốc quan trọng nhất trên thế giới đã trở thành các bên tham gia bản Hiệp ước này thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của họ đối với hòa bình, an ninh và ổn định của Đông Nam Á.

3.1.2. Những thách thức mà hợp tác chính trị - an ninh ASEAN phải đối mặt

- Cơ chế hợp tác chính trị - an ninh ASEAN còn lỏng lẻo:

Diễn đàn an ninh Đông Nam Á (ARF) được thành lập từ năm 1993 đã có những bước tiến triển đáng kể, là một diễn đàn bổ ích cho đối thoại và hợp tác về các vấn đề chính trị, an ninh khu vực. Tuy nhiên ARF vẫn còn là một tiến trình lâu dài và phức tạp vừa hợp tác và đấu tranh, do tính đa dạng của các thành viên cũng như tính chất các vấn đề an ninh khu vực nên không dễ dàng đi tới thống nhất những quan điểm chung. Nguyên tắc đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau đang bị tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ vừa qua do tình hình chính trị - xã hội của một số nước thành viên trong khu vực.

- Nội bộ ASEAN khó có thể đạt được sự thống nhất và nhận thức chung về quan niệm an ninh và mối đe dọa chung trong tình hình mới.

Tính đến nay, trên thực tế nhận thức của các nước ASEAN về mối đe dọa chủ yếu đang phải đối mặt vẫn ở góc độ rộng và mang tính khái niệm, thiếu nhận

thức chung, đến mức các nước càng khó đạt được nhận thức chung về mối đe dọa tiềm tàng. Đặc biệt là quan điểm của các nước thành viên ASEAN rất khác nhau về những vấn đề như cái gì là mối đe dọa an ninh chủ yếu, làm thế nào để đối phó với mối đe dọa an ninh. Ví dụ, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po tán thành chính sách chống khủng bố của Mỹ, coi chủ nghĩa khủng bố là mối đe dọa an ninh chính, còn In-đô-nê-xi-a và Ma-lay-xi-a thì không coi chủ nghĩa khủng bố là mối đe dọa chính của mình. Ngoài ra, nội bộ các nước ASEAN tồn tại bất đồng về nhiều vấn đề như nhân quyền, dân chủ và thành lập lực lượng gìn giữ hòa bình khu vực. Các nước ASEAN tồn tại nhận thức khác nhau về quan niệm an ninh và mối đe dọa chung, hơn nữa các bên đều có lợi ích đặc biệt về các lĩnh vực khác nhau và các vấn đề riêng. Trong tình hình này, hợp tác an ninh đa phương hiển nhiên là thiếu đi nền tảng.

- Các lực lượng vũ trang giữa các nước ASEAN thiếu khả năng điều tiết và hợp tác, thể hiện rõ sự do dự không quyết đoán trong việc chuyển từ hợp tác an ninh song phương sang đa phương.

Hệ thống chỉ huy, kiểm soát, thông tin của lực lượng vũ trang của đa số các nước ASEAN đều không có cách đáp ứng đầy đủ nhu cầu triển khai hành động quân sự đa phương. Bên cạnh đó, chiến lược quân sự và học thuyết quân sự khác nhau đã khiến cho một số nước ASEAN ngày càng dựa vào hợp tác an ninh song phương hoặc các nước lớn ngoài khu vực, từ đó làm yếu đi hành động an ninh tập thể của nội bộ các nước ASEAN và sẽ cản trở những cố gắng của các nước ASEAN trong hợp tác an ninh đa phương.

- Những khiếm khuyết tồn tại trong phương thức quyết sách và cơ chế quyết sách đặc biệt - “phương thức ASEAN” sẽ cản trở hành động chung của hợp tác an ninh đa phương.

Hợp tác an ninh - chính trị ASEAN thể hiện rõ tính đặc biệt rất lớn và có phương thức vận hành độc đáo, nhấn mạnh tính độc lập và khác biệt giữa các nước cũng như tính đặc biệt mà các nước cần quan tâm trong các công việc an ninh khu vực, từ đó sinh ra một phương thức hợp tác mới đó là “phương thức ASEAN”. Trọng tâm của “Phương thức ASEAN” là hiệp thương, độc lập chủ quyền và không can thiệp, tức là “nguyên tắc bình đẳng

tuyệt đối”, “nguyên tắc nhất trí chung”. ASEAN là một tổ chức mang tính khu vực tương đối lỏng lẻo, ở mức độ nhất định, cơ chế hợp tác này được hình thành trong thực tiễn lâu nay đã thúc đẩy sự phát triển của ASEAN, nhưng cơ chế này cũng khiến cho kết cấu nội bộ và sức ràng buộc của ASEAN bị yếu đi, cản trở việc hình thành “cơ cấu xuyên quốc gia” và “quyền lực tối cao” của ASEAN, tức là thiếu đi vai trò lãnh đạo. Điều này đã cản trở tiến trình hợp tác an ninh đa phương sâu sắc và thống nhất trong nội bộ ASEAN.

3.1.3 Dự báo về triển vọng hợp tác Chính trị - An ninh ASEAN trong những năm tới

Từ thực trạng, những thuận lợi và thách thức mà các nước trong khu vực đang đối mặt, triển vọng hợp tác chính trị - an ninh ASEAN trong những năm tới sẽ có những khả năng sau:

- Khả năng thứ nhất: Hợp tác chính trị - an ninh ASEAN tiến triển một cách nhanh chóng và đến năm 2015, ASEAN sẽ hoàn thành mục tiêu xây dựng “Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN”.

Khả năng này khá xa với thực tế đang diễn ra bởi vì:

Thứ nhất, xét ở tầm vĩ mô đã là một cộng đồng khu vực thì phải là một cộng đồng mang tính chính trị được xây dựng trên cơ sở những đặc tính chung ví như sự gần gũi, tương đồng về văn hoá, sự chia sẻ quyền lợi về chính trị, kinh tế và an ninh. Đồng thời phải có những khuôn khổ chính trị - pháp lý chung của khu vực và sự gần gũi về chính sách hội nhập, an ninh và phát triển.

Xét ở tầm vi mô, để xây dựng thành công một cộng đồng an ninh khu vực thì nó phải hội đủ 5 yếu tố sau :

1. Cộng đồng có những qui tắc chặt chẽ về việc không sử dụng vũ lực, không có hoạt động tranh đua trang bị vũ khí và lập kế hoạch đối phó bất trắc chống lại nhau.
2. Cộng đồng có các thể chế và tiến trình cho việc giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình.
3. Có triển vọng tránh né chiến tranh lâu dài.
4. Hợp tác và hội nhập chức năng giữa các nước thành viên diễn ra đáng kể.
5. Có ý thức về bản sắc tập thể.

Trong các yếu tố trên, có lẽ ASEAN mới chỉ sẵn sàng ở nhân tố “Có triển vọng tránh né chiến tranh lâu dài”.

Thứ hai, việc thực hiện Chương trình hành động Viêng-chăn (VAP) và Kế hoạch hành động về APSC đã đạt được những tiến triển tích cực. Hầu hết các biện pháp, hoạt động đã hoàn tất và đang được triển khai nằm trong những lĩnh vực đầu (Hợp tác chính trị; Hình thành và chia sẻ các chuẩn mực và Ngăn ngừa xung đột), trong đó tiến triển mới đáng chú ý là hoàn tất xây dựng Hiến chương ASEAN, hình thành cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN, ký kết Công ước ASEAN về chống khủng bố ... Tuy nhiên, đối với 2 lĩnh vực còn lại (Giải quyết xung đột và Kiến tạo hòa bình sau xung đột) hầu như chưa có hoạt động nào được triển khai chủ yếu do các nước còn dè dặt, vì đây là những lĩnh vực mới và có phần phức tạp, nhạy cảm. Chính bởi nguyên tắc chỉ đạo “không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” mà ASEAN sẽ không thể đưa ra những quyết sách mạnh mẽ và có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý nhằm hiện thực hoá APSC đúng thời hạn.

Thứ ba, do tính đa dạng về thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế, sự khác biệt về văn hóa tôn giáo, ASEAN rất khó đẩy nhanh được tiến độ liên kết vì khó đạt được “đồng thuận” trong những vấn đề chính trị nhạy cảm, đụng chạm tới lợi ích quốc gia của các thành viên. Mặc dù tất cả các thành viên đều nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các thành viên cũ và mới để tạo ra sức mạnh chung cho ASEAN, nhưng do tính toán lợi ích riêng của một số nước và do nguồn lực hạn chế, ASEAN khó có thể huy động được các thành viên cũ tích cực trợ giúp cho các thành viên mới. Sự trợ giúp bên ngoài để thu hẹp khoảng cách phát triển cũng không nhiều.

- Khả năng thứ hai: Hợp tác an ninh – chính trị trong ASEAN sẽ ngày càng lỏng lẻo và mờ nhạt dần.

Khả năng này cũng khó có thể xảy ra, dựa trên cơ sở sự cố gắng của ASEAN hiện nay, tỏ rõ quyết tâm vượt qua thử thách, củng cố đoàn kết, thống nhất trong Hiệp hội, tăng cường hợp tác và liên khu vực. Trước những thời cơ, thách thức của việc hội nhập quốc tế, cũng như những diễn biến trong quan hệ quốc tế hiện nay, hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực Đông Nam Á đang dần trở thành thiết yếu

đối với các quốc gia ASEAN. Không có quốc gia nào có thể một mình giải quyết được các vấn đề phát sinh trong thảm họa mà không có hợp tác. Hợp tác đa phương là khuôn khổ tốt nhất để giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống, như cứu hộ cứu nạn hay khắc phục thảm họa. Các nước thành viên ASEAN đang hợp tác hướng tới thành lập một cộng đồng chung.

Khả năng này đồng nghĩa với kịch bản “ASEAN sẽ thất bại trong việc xây dựng Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN”. Dựa trên cơ sở thực tiễn cùng các phân tích ở trên, có thể thấy, kịch bản này khó có thể xảy ra với các lý do sau:

Thứ nhất, ASC là một trong ba trụ cột cơ bản của quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN. Các nước ASEAN coi việc xây dựng APSC là một trong những hoạt động quan trọng nhất trong quá trình chung tay xây dựng một ASEAN đoàn kết tâm chính trị của các nước ASEAN là rất cao. Giới lãnh đạo ASEAN đều có quyết tâm thúc đẩy liên kết nội khối ASEAN với mục tiêu nhằm củng cố môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển kinh tế và duy trì chủ quyền quốc gia, dân tộc. Mục đích của APSC không làm tổn hại đến chủ quyền và quyền tự quyết của các quốc gia.

Thứ hai, các nước lớn không muốn một ASEAN quá yếu làm giảm đi vai trò của một Hiệp hội trong các vấn đề quốc tế. Như đã phân tích ở các phần trên, các nước lớn nước đều nhận thấy lợi ích của mình trong việc thành lập ASC. Nếu ASC bị phá sản, cán cân cân bằng quyền lực ở khu vực này lập tức bị phá vỡ, nguy cơ dẫn tới việc tranh chấp quyền lực của các siêu cường nhằm chi phối toàn khu vực Đông Nam Á. Điều này gây bất lợi cho các nước lớn trong thời điểm hiện nay, khi các quốc gia này đều muốn duy trì môi trường ổn định tại đây. Đồng thời, họ muốn sử dụng ASEAN làm một lực lượng để phục vụ lợi ích an ninh, kinh tế và thương mại của họ ở khu vực. Các cường quốc cũng cần ASEAN làm lực lượng đối trọng trong cuộc cạnh tranh quyền lực trong phạm vi toàn cầu, nhưng trọng tâm là tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

APSC đang đi được chặng đường 10 năm trong tiến trình xây dựng. Mặc dù những kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng cũng rất đáng ghi nhận. Những kết quả này cho thấy ASEAN đang đi đúng hướng trên con đường đã lựa chọn. Những

quốc gia Đông Nam Á đang nỗ lực hết sức mình cũng như kỳ vọng rất lớn vào sự ra đời của ASC vào năm 2015.

Chưa ai dám chắc rằng ASC sẽ hoàn thành đầy đủ và đúng thời hạn như kế hoạch nhưng những gì mà ASEAN đã làm được khẳng định rằng ASC sẽ không thể bị phá sản. Cộng đồng an ninh chính trị ASEAN sẽ trở thành hiện thực trong tương lai không xa.

- Khả năng thứ ba: sự hợp tác chính trị - an ninh trong ASEAN sẽ ngày càng chặt chẽ hơn và về lâu dài sẽ xây dựng thành công Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là một trong ba trụ cột cơ bản của quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN. Các nước ASEAN coi việc xây dựng APSC là một trong những hoạt động quan trọng nhất trong quá trình chung tay xây dựng một ASEAN đoàn kết tâm chính trị của các nước ASEAN là rất cao. Giới lãnh đạo ASEAN đều có quyết tâm thúc đẩy liên kết nội khối ASEAN với mục tiêu nhằm củng cố môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển kinh tế và duy trì chủ quyền quốc gia, dân tộc. Mục đích của APSC không làm tổn hại đến chủ quyền và quyền tự quyết của các quốc gia.

Kế hoạch hành động xây dựng APSC (được thông qua tại Cấp cao ASEAN-10, tháng 11-2004) đã khẳng định lại các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội và đề ra 6 lĩnh vực (thành tố) hợp tác chính kèm theo đó là danh mục 75 hoạt động cụ thể để xây dựng APSC. Tuy nhiên, Kế hoạch hành động về APSC cũng như Chương trình hành động Viêng-chăn (VAP) không quy định mục tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện đối với các hoạt động thuộc 6 thành tố nói trên. Kế hoạch tổng thể về APSC mà ASEAN đang soạn thảo sẽ tập trung vào khía cạnh này, cụ thể hóa các hoạt động hợp tác về chính trị - an ninh.

Việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN đòi hỏi trước hết sau khó, tuần tự từng bước, dần dần xây dựng một khung an ninh đa tầng nấc. Hiến chương ASEAN quy định mục tiêu chủ yếu của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là giữ vững hòa bình và ổn định khu vực cũng như sự ổn định tình hình chính trị của các nước. Khu vực Đông Nam Á hòa bình và ổn định cũng như tình

hình chính trị các nước này ổn định là hai vấn đề ở tầng nấc khác nhau: tình hình chính trị các nước này ổn định là nền tảng của hòa bình và ổn định khu vực Đông Nam Á; khu vực Đông Nam Á hòa bình và ổn định là sự bảo đảm ổn định tình hình chính trị của các nước.

Xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN cần phải tính đến việc giải quyết hai vấn đề: an ninh khu vực và tình hình chính trị các nước ổn định. Do các nước ASEAN đứng trước mỗi đe dọa và tình hình an ninh khác nhau, nhân tố bất ổn định mà các nước đang phải đối mặt cũng khác nhau, chiến lược an ninh và trọng điểm phòng thủ an ninh cũng như nhận thức đối với tình hình an ninh khu vực của các nước vì thế cũng khác nhau. Vì vậy, trong khoảng thời gian ngắn việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sẽ rất khó thực hiện, chỉ có thể thực hiện được mục tiêu an ninh khác nhau theo mức độ từ thấp đến cao trong giai đoạn khác nhau.

Như vậy, có thể thấy, với những thuận lợi và thách thức đã phân tích ở trên, dù diễn ra ở kịch bản nào, nhân tố trọng tâm đảm bảo thành công của hợp tác chính trị - an ninh ASEAN chính là các chủ thể tham gia, chính là con người, là liệu các cam kết có được thực thi nghiêm túc, liệu có thể tiến tới một nhận thức chung, lợi ích có thể hài hòa, những lợi ích chung và bản sắc chung có được chia sẻ và khẳng định. Vốn nhân tố con người và những yếu tố về quyền lực, về lợi ích, về bản sắc, về nhận thức đều là những biến số khó đoán định.

3.2. Một số gợi ý cho Việt Nam trong hợp tác chính trị - an ninh ASEAN

Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, độc lập, tự chủ và phát triển phải đi đôi với việc hội nhập quốc tế. Điều này đồng nghĩa với việc phải tham gia vào các mặt kinh tế, chính trị - an ninh, văn hóa - xã hội của đời sống quan hệ quốc tế. Theo đó, hội nhập chính trị là một phân quan trọng trong quá trình hội nhập của nước ta. Bản chất của hội nhập chính trị là tham gia vào đời sống chính trị khu vực và quốc tế, xây dựng vị thế và tiếng nói trong các vấn đề chung, đồng thời, đảm bảo môi trường hòa bình, an ninh ổn định phục vụ cho công cuộc phát triển của đất nước. Về mặt hình thức, đây là sự tham gia của Việt Nam vào các diễn đàn chính trị, an ninh khu vực và quốc tế, là sự tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các nước

về mặt chính trị - an ninh. Về mặt nội dung, đây là việc tích cực tham gia vào quá trình hợp tác và đấu tranh trên các vấn đề liên quan đến an ninh, chủ quyền và vị thế của nước ta với các đối tượng – đối tác trong khu vực và trên thế giới. Đây còn là quá trình Việt Nam khẳng định mình là một nước có trách nhiệm với các vấn đề toàn cầu cũng như trong khu vực, qua đó khẳng định vị thế, tiếng nói của ta trên trường quốc tế và từ đó góp phần vào các nỗ lực xây dựng lòng tin trong các nước mà ta có quan hệ.

Hợp tác chính trị - an ninh ASEAN là một trong ba nội dung hợp tác then chốt của các quốc gia Đông Nam Á, chúng ta cần đề ra một đường lối mang tính chất chiến lược và phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể nhằm phục vụ cho mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực. Đường lối đối ngoại đó bao gồm:

3.2.1. Lấy lợi ích dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách, đường lối và hành động đối ngoại.

Đây vừa là xu thế chung của quốc tế, vừa đảm bảo phục vụ cho lợi ích thiết thân của đất nước. Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2011) khẳng định mục tiêu của hoạt động đối ngoại là “vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”. Điều này có nghĩa rằng Đảng và Nhà nước ta đặt nguyên tắc này là nguyên tắc tối thượng cho mọi hoạt động ngoại giao.

Lý do để nhấn mạnh tới nguyên tắc này là: (i) đây là nguyên tắc tối quan trọng trong hoạch định chiến lược và xử lý đối ngoại, nếu không quán triệt điều này sẽ thiên về hành động theo “ý thức hệ” và bị cảm tính chi phối; (ii) chỉ có hành động theo nguyên tắc này mới tạo được sự đồng thuận giữa Đảng và nhân dân trong nội bộ dân tộc (kể cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài); (iii) tất cả các quốc gia đều coi đây là nguyên tắc cao nhất và là tối thượng trong việc đưa ra chính sách và thực hiện đường lối đối ngoại và Việt Nam cũng đã nêu rõ nguyên tắc này trong tất cả các văn kiện về đối ngoại; (iv) trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay, tuyên bố rõ nguyên tắc này cũng làm cho các nước khác giảm mặc cảm đối với ta về ý thức hệ; (v) việc cụ thể hóa của lợi ích dân tộc được chỉ ra rõ trong mục tiêu đối ngoại của ta. Với xu thế phát triển của cục diện thế giới và khu vực đã được dự báo, vấn

đề lợi ích quốc gia sẽ ngày càng được quan tâm trong đối ngoại của tất cả các nước. Trên thực tế, từ khi nhấn mạnh hơn vào lợi ích quốc gia, coi lợi ích quốc gia vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc quan trọng nhất trong hoạch định và xử lý các công tác ngoại giao thì sự nghiệp đối ngoại của Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, thu được nhiều thành tựu quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho các bước phát triển mới.

3.2.2. Tôn trọng và tuân thủ các quy tắc ứng xử theo luật pháp quốc tế nói chung, Hiến chương ASEAN và những quy định của các diễn đàn hợp tác chính trị - an ninh trong khu vực nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tất cả các quốc gia phải tăng cường hợp tác quốc tế. Nước ta đang trong quá trình chủ động tham gia ngày càng sâu rộng vào đời sống mọi mặt của quan hệ quốc tế do vậy, bên cạnh duy trì lập trường nhất quán, chúng ta phải tuân thủ luật pháp quốc tế và tập quán quốc tế. Điều này buộc các nhà hoạch định chiến lược phải điều tiết và cân đối chính sách giữa lợi ích quốc gia dân tộc và các nguyên tắc mở rộng quan hệ quốc tế. Trong việc mở rộng quan hệ quốc tế về mặt Nhà nước, chúng ta tuân thủ các quy tắc ứng xử cơ bản của quan hệ quốc tế được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền. Đây là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc ta. Các nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Trong quan hệ đối ngoại của Đảng và các đoàn thể, tổ chức nhân dân (đối ngoại nhân dân), chúng ta thực hiện các nguyên tắc cơ bản sau: độc lập tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; không quan hệ với các đảng phái, tổ chức cực đoan. Việc điều tiết hoạch định chính sách vừa phải bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của gia cấp công nhân, vừa phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định của luật pháp quốc tế.

Luật pháp quốc tế là công cụ quan trọng để ta sử dụng để bảo vệ lợi ích chính trị và an ninh của một quốc gia nhỏ như Việt Nam nhất là trong bối cảnh toàn cầu có những biến chuyển phức tạp. Tuân thủ luật pháp quốc tế cũng chính là cơ sở nền tảng để Việt Nam có thể tranh thủ được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các xung đột giữa ta và chủ thể quan hệ quốc tế khác.

Chúng ta cần phải hiểu và tuân thủ Hiến chương ASEAN. Điều này đồng nghĩa với việc quán triệt trong nội bộ coi Hiến chương là một bước tiến quan trọng của ASEAN, góp phần tổng thể làm tăng sức mạnh, vị thế và vai trò của ASEAN, do vậy cần nghiêm chỉnh thực hiện ở mọi cấp độ, mọi cơ chế hợp tác... Theo đó, cần hiểu rõ Hiến chương, đánh giá đúng hiệu lực và tác động của Hiến chương, nhìn nhận Hiến chương một cách khách quan, thực tế. Cần phổ biến, tuyên truyền rộng rãi, tổ chức các khóa học về Hiến chương ASEAN cho các tầng lớp xã hội, nhất là các bộ, ngành tham gia hoạt động đối ngoại và hội nhập ASEAN.

Trong khuôn khổ hợp tác trên lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh ASEAN, Việt Nam cần tuân thủ các quy tắc ứng xử cũng như tôn trọng “luật chơi”. Vì mục đích, lợi ích chiến lược cao nhất và lâu dài của Việt Nam là giữ vững một ASEAN mạnh, Việt Nam cần phải có chiến lược tổng thể, chỉ đạo tập trung và khi cần thì phải linh hoạt chấp nhận và nhân nhượng một số lợi ích cục bộ, hoặc chấp nhận một số thách thức tạm thời để cho ASEAN có được sức mạnh cần thiết. Ví dụ như chấp nhận rang buộc chặt chẽ hơn, pháp điển hóa cao hơn trong lĩnh vực chính trị - an ninh.

3.2.3. Tận dụng cơ hội và chấp nhận khó khăn, thách thức.

Việt Nam khi tham gia sâu rộng các diễn đàn quốc tế và khu vực cần chấp nhận một thực tế rằng hợp tác quốc tế là giữa các các quốc gia, các chủ thể quan hệ quốc tế khác nhau và theo đuổi những lợi ích khác nhau, do vậy sẽ có cả hai mặt: hợp tác và đấu tranh, cơ hội và thách thức. Gia nhập và trở thành thành viên của ASEAN, chúng ta cũng phải tuân thủ những điều kiện trên. Trên lĩnh vực chính trị - an ninh, việc tham gia hợp tác ASEAN thỏa mãn những lợi ích và tạo ra những cơ hội sau:

- Tham gia hợp tác chính trị - an ninh ASEAN góp phần phá thế bao vây, cô lập, cấm vận, mở ra một thời kỳ mới cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Nguyễn Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đánh giá rằng, bước tiến trong quan hệ với các nước trong khu vực, với ASEAN góp phần “bắc cầu vào thế giới” cho Việt Nam²⁰. Việc bình thường hóa và những tiến triển to lớn của Việt Nam – ASEAN đã trở thành xuất phát điểm cơ bản, điều kiện thuận lợi giúp Việt Nam nhanh chóng cải thiện quan hệ được với các nước lớn mà trước hết là với Trung Quốc, EU và đặc biệt là Mỹ. Đồng thời cũng mở ra thời kỳ cho việc tham gia chủ động các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và quốc tế như APEC, ASEM và WTO. Những thành công ban đầu đó, Việt Nam cần ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước ASEAN.

- Việc tham gia hợp tác chính trị - an ninh ASEAN giúp Việt Nam giảm sức ép, trước hết là sức ép quân sự, nguy cơ gây sức ép quân sự từ các nước lớn. Khi khẳng định Việt Nam là một thành viên tích cực của ASEAN sẽ giảm nguy cơ bị các nước lớn lôi kéo, chia rẽ, buộc phải đi theo họ trong “ván bài địa chiến lược”. Trong quá trình tham gia hợp tác chính trị - an ninh ASEAN, việc giảm sức ép quân sự từ các nước lớn, trước hết và chủ yếu được thực hiện thông qua việc thúc đẩy họ cam kết và tuân thủ các cam kết có tính chất ràng buộc về mặt pháp lý đối với hòa bình và an ninh khu vực.

- Tạo dựng điều kiện thuận lợi cho Việt Nam nâng tầm quan hệ song phương với các nước lớn. Một ASEAN ngày càng được tăng cường thực lực và vị thế tại khu vực và quốc tế đã và đang thúc đẩy Việt Nam cải thiện và nâng tầm quan hệ với các nước lớn trên trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh quốc, Đức, Ý, Pháp, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Xin-ga-po; và quan hệ đối tác toàn diện với 3 nước là Mỹ, Úc, Niu Di-lân.

- Việc tham gia hợp tác chính trị - an ninh ASEAN giúp Việt Nam chủ động giải quyết hiệu quả hơn các vấn đề an ninh phi truyền thống. Cho đến nay,

²⁰ Nguyễn Mạnh Cầm, *Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới*, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 8 năm 1992, tr.3

Việt Nam cùng các nước trong khu vực đang triển khai và phối hợp triển khai giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống như buôn bán và vận chuyển trái phép chất ma túy, cướp biển, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... thông qua các chương trình hành động trong khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh ASEAN.

- Giúp Việt Nam giải quyết hòa bình, thuận lợi hơn các vấn đề biên giới, lãnh thổ. Sách trắng quốc phòng Việt Nam năm 2009 khẳng định: “Lần đầu tiên trong lịch sử, biên giới trên đất liền của Việt Nam đã cơ bản được phân định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam cùng các nước láng giềng xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và cùng phát triển”²¹.

- Góp phần tạo dựng môi trường khu vực và quốc tế thuận lợi, bổ sung các nguồn lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hợp tác chính trị - an ninh đã mở đường, tạo môi trường, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các thành viên ASEAN, mang lại nguồn lực kinh tế bổ sung phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Bên cạnh các lợi ích và thời cơ đó, chúng ta cũng phải đối mặt với những khó khăn và thách thức sau:

- Sự khác biệt về thể chế, hệ thống chính trị giữa Việt Nam với các nước khác trong khu vực làm cho một số nước ASEAN quan ngại Việt Nam có thể làm chậm tiến độ hội nhập của cả khối trên các mặt. Thực tiễn chính trị cho thấy: bộ máy hành chính của nước ta còn nhiều quan liêu, phức tạp; trách nhiệm giữa các cơ quan còn chồng chéo; trình độ cán bộ của ta - tuy đã được nâng lên dần - vẫn còn chưa cao, chưa đều và chưa chuyên nghiệp, do đó sự tham gia hợp tác còn nhiều hạn chế.

- Việt Nam phải chia sẻ và chấp nhận thêm các giá trị và chuẩn mực khu vực và quốc tế, nhất là nhân quyền, dân chủ, sự điều hành của Nhà nước đối với nền kinh tế và xã hội, vấn đề pháp trị v.v.. với cách hiểu không hoàn toàn phù hợp với quan điểm và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

²¹ Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Sách trắng quốc phòng Việt Nam năm 2009*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.17.

- Chúng ta cũng phải đối mặt với thực tế rằng hợp tác ASEAN sẽ có tác dụng tạo môi trường hòa bình, ổn định và ngăn ngừa xung đột nhưng hiện tại hợp tác này - tuy đang được cải thiện dần - ít có khả năng giải quyết xung đột nếu nó xảy ra, nhất là xung đột giữa ASEAN với các nước lớn ngoài khu vực.

Theo đó, Việt Nam cần chủ động theo đuổi các cơ hội và lợi ích trong hợp tác ASEAN nói chung và trong lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh nói riêng, chấp nhận các thách thức và tham gia một cách chủ động để đấu tranh, giảm thiểu các thách thức và khó khăn đó. Việt Nam cần sớm nghiên cứu, hoạch định chiến lược và vạch rõ kế hoạch tham gia cụ thể trong những vấn đề có nhiều “khó khăn và thách thức” của ASEAN trên các lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh, ngoại giao phòng ngừa, giải quyết xung đột, hợp tác về nhân quyền, dân chủ, về xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp và đưa cơ chế này vào cuộc sống... Một ASEAN ổn định, đoàn kết và vững mạnh là nhân tố quan trọng để đảm bảo lợi ích chính trị - an ninh và phát triển của Việt Nam, là nền tảng quan trọng để Việt Nam phát huy ảnh hưởng và nâng cao vị thế trong quan hệ với các nước lớn cũng như các nước và tổ chức quốc tế khác.

3.2.4. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm.

Chính sách của Việt Nam đối với ASEAN sẽ là một bộ phận không thể tách rời và ngày càng có vị trí quan trọng hơn trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam, vì những mục tiêu căn bản của chính sách đối ngoại Việt Nam và vì sự lớn mạnh của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Việt Nam cần các bước cụ thể để có thể thực hiện được chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đưa nước ta trở thành thành viên “chủ động, tích cực và có trách nhiệm” trong Hiệp hội và qua đó đóng góp vào sự phát triển của ASEAN. Ưu tiên trước mắt của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là triển khai và đưa Hiến chương ASEAN đi vào cuộc sống, trên cơ sở đó xây dựng hiệu quả Cộng đồng ASEAN, tạo bước chuyển thực chất trong gắn kết giữa các nước ASEAN, Việt Nam cần thúc đẩy và tích cực đóng góp cho việc thực hiện các ưu tiên đó của ASEAN.

Trên lĩnh vực chính trị - an ninh, tích cực thực hiện các hiệp định hợp tác trong ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài; thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN

với các đối tác bên ngoài trong việc xử lý những thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; tăng cường đối thoại chính sách ở cấp Bộ trưởng nhằm chia sẻ thông tin và đề xuất các biện pháp hợp tác về an ninh - quốc phòng.

Chủ động thúc đẩy quan hệ chính trị - an ninh song phương với các nước thành viên nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) và tăng cường sức mạnh, đoàn kết của ASEAN. Kiên trì nguyên tắc giải quyết hòa bình các tồn tại về biên giới với Cam-pu-chia và với Thái Lan, bảo đảm lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam; tăng cường hợp tác an ninh - quốc phòng với Lào, Cam-pu-chia và Thái Lan cũng như với Xin-ga-po và Mi-an-ma; thiết lập, củng cố quan hệ đối tác chiến lược và tăng cường phối hợp với In-đô-nê-xi-a; đẩy mạnh hợp tác với Phi-líp-pin, Ma-lay-xi-a và Bru-nây trong các vấn đề liên quan đến Biển Đông; tăng cường trao đổi đoàn giữa các Bộ, ngành liên quan.

Về việc thực hiện Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), chúng ta cần tích cực tham gia, nhất là các hoạt động thuộc phạm vi hợp tác chính trị, xây dựng và chia sẻ chuẩn mực, ngăn ngừa xung đột; tham gia từng bước và có chọn lọc những hoạt động thuộc nội dung giải quyết xung đột và kiến tạo hòa bình sau xung đột.

Về các vấn đề như: tập trận chung ASEAN, lập lực lượng gìn giữ hòa bình ASEAN..., ta sẽ cân nhắc, xử lý linh hoạt theo hướng bảo đảm các lợi ích và lập trường cơ bản của ta, đồng thời phát huy vai trò nòng cốt, tích cực của ta trong ASEAN; tránh để các nước khác hiểu là Việt Nam chần chừ, cản trở.

Về các vấn đề liên quan đến nhân quyền: tích cực đóng góp vào xây dựng các văn kiện chung của ASEAN về nhân quyền; chủ động tham gia với các giải pháp phù hợp tại cơ quan nhân quyền ASEAN; ngoài việc ghi nhận những tiêu chí trong các Công ước của Liên hợp quốc, ta chủ động đóng góp, bổ sung các giá trị, chuẩn mực của châu Á, “bản sắc ASEAN” về nhân quyền, tạo cơ sở bác bỏ các lập luận, quan điểm áp đặt của phương Tây.

TIÊU KẾT

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhìn chung hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN đã, đang và sẽ ngày càng toàn diện hơn. Tuy nhiên, hợp tác này cũng sẽ phải chịu sự chi phối từ nhiều yếu tố. Do vậy, trong khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh ASEAN có khả năng hoàn thành được một số nội dung nhất định trong kế hoạch hiện thực hóa APSC. Việc hiện thực hóa APSC cần có được thực hiện tuần tự từng bước, dần dần xây dựng một khung an ninh đa tầng nấc. Trên tinh thần đó, ASEAN bước đầu đã thể hiện là liên kết có tinh thần trách nhiệm chung, sự tin tưởng, đồng thời cũng biết cách thu hút và hấp dẫn những đối tác bên ngoài khu vực chứ không loại trừ hay chống lại họ. Liên kết chính trị - an ninh được hình thành trong quá trình “xã hội hóa” (socialization) các chuẩn mực, gây dựng tính đồng nhất, và tự giác nhận thức về sự đồng nhất. Cùng với sự ra đời của Hiến chương ASEAN đã có những tiến triển nhận thức về cách tiếp cận an ninh, cơ cấu tổ chức và thể chế để hướng tới một cộng đồng.

Để có được một sự hợp tác chặt chẽ và toàn diện trên lĩnh vực chính trị - an ninh ASEAN, Việt Nam cần nếp suy nghĩ cộng đồng, có tầm nhìn khu vực và quan tâm hơn nữa tới lợi ích chung của khu vực. Do vậy, chúng ta cần đảm bảo được những nguyên tắc bất biến trong chính sách quan hệ đối ngoại đồng thời phải linh hoạt để tham gia sâu và rộng các chương trình hành động mà ASEAN nói chung và APSC nói riêng đề ra. Việt Nam cần sớm có phương pháp luận toàn diện về lợi ích quốc gia trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa để hiểu rõ hơn và nhất quán hơn về lợi ích quốc gia và lợi ích khu vực, hiểu rõ hơn chăm lo cho lợi ích cộng đồng, lợi ích khu vực cũng chính là chăm lo cho lợi ích của Việt Nam. Để làm được điều này, cần phải có sự phối kết hợp tốt giữa các bộ, ngành, đồng thời cần có sự chỉ đạo tập trung và điều phối chung, thống nhất hoạt động hợp tác ASEAN.

PHẦN KẾT LUẬN

Toàn cầu hóa – một hiện tượng mang tính xã hội, một lực lượng mang tính lịch sử trỗi dậy trong suốt những thập niên vừa qua và đang có ảnh hưởng lớn, tác động đến hầu như mọi mặt của đời sống xã hội, từ kinh tế cho đến chính trị, văn hóa xã hội, môi trường sinh thái... Toàn cầu hóa là khái niệm dùng để miêu tả các thay đổi trong xã hội và trong nền kinh tế thế giới, tạo ra bởi mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức hay các cá nhân ở tất cả các góc độ của đời sống quan hệ quốc tế trên quy mô toàn cầu. Nhìn chung, toàn cầu hóa có những tác động tích cực làm tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải cho thế giới, cải thiện chất lượng cuộc sống cho con người, làm cho các quốc gia dân tộc, mỗi thành viên trên hành tinh chúng ta gần gũi với nhau hơn. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng mang lại những rủi ro cho nhiều người, nhiều dân tộc trong việc tìm kiếm kế sinh nhai cho mình. Hơn nữa, toàn cầu hóa có xu hướng đồng hóa các quốc gia cũng như các nền văn hóa, một kết cục mà ít ai muốn.

ASEAN – một tổ chức kinh tế - chính trị mang tính chất khu vực – đã và đang đi trên con đường trở thành một trong những tổ chức khu vực thành công được bạn bè và cộng đồng quốc tế công nhận. Thành tựu nổi bật và quan trọng nhất của ASEAN là đã hình thành một ASEAN bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á, đưa đến những thay đổi căn bản về chất của Hiệp hội, cũng như tình hình khu vực. Hiện nay, Hiệp hội đang hướng đến hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 nhằm thúc đẩy hợp tác, liên kết của mình đi vào sâu rộng, trong đó có việc hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

Trong phạm vi khu vực, tất cả các nước ASEAN đều mong muốn có một nền hòa bình, ổn định, tôn trọng chủ quyền của các nước quốc gia và lợi ích các dân tộc để có cơ hội mở rộng hợp tác phát triển: xúc tiến sự phát triển của từng nước, đồng thời tạo dựng một thị trường khu vực chung, tạo thành một tổng thể chặt chẽ để có thể chống lại sức ép từ bên ngoài và nâng cao vai trò ngoại giao của các nước trong các cuộc thương lượng quốc tế, trên cơ sở Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á được ký năm 1976, được coi như "Bộ quy tắc ứng xử" chỉ đạo một quan hệ giữa các nước trong khu vực nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định.

Qua những phân tích ở phần nội dung, có thể nhận thấy những điều kiện thuận lợi và những khó khăn, thách thức mà hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN đang phải đối phó. Việc nhận định và phân tích chính xác những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa trên lĩnh vực hợp tác chính trị - an ninh các nước ASEAN đang trở nên cần thiết hơn bao giờ hết nhằm thúc đẩy ASEAN tiến về phía trước.

Dựa trên đường lối đối ngoại được thể hiện qua các Văn kiện Đại hội Đảng, Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc xác định phương hướng hợp tác và các quyết sách lớn của ASEAN, như xây dựng Tầm nhìn 2020, Chương trình Hành động Hà Nội, Tuyên bố Hà Nội về Thu hẹp khoảng cách phát triển, v.v... Việt Nam cũng góp phần tích cực cùng các nước ASEAN thúc đẩy và phát huy tác dụng của các cơ chế bảo đảm an ninh khu vực. Trong thời gian tới, Việt Nam vẫn sẽ bình đẳng với các thành viên khác trong hiệp hội, tham gia xây dựng những chủ trương, đường lối, chính sách và kế hoạch chung của ASEAN. Đây là một lợi thế của Việt Nam góp phần vào việc Đông Nam Á thành khu vực phát triển phù hợp với lợi ích của Việt Nam và các thành viên khác trong Hiệp hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng Việt Nam (2009), *Sách trắng quốc phòng Việt Nam năm 2009*, NXB Thế giới, Hà Nội.
4. Viện Quan hệ Quốc tế (2007), *Tập bài giảng Quan hệ Quốc tế*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Dương Phú Hiệp (2006), *Cục diện châu Á – Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Bjorn Hettne (2006), *Global Market Versus Regionalism*, Tài liệu tập huấn về “Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế khu vực: Vấn đề và triển vọng” do Quỹ Ford Foundation phối hợp với Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
7. Trần Khánh chủ biên (2001), *Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Grezgorz W. Kolodko (2006), *Toàn cầu hóa và tương lai của các nước đang chuyển đổi (Sách đã dịch sang tiếng Việt)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Lê Thế Mẫu (2010), *Thế giới: Một góc nhìn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Lê Thế Mẫu (2011), *Thế giới một thập niên nhìn lại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Phạm Bình Minh chủ biên (2011), *Định hướng chiến lược Đối ngoại Việt Nam đến 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Duy Quý (2001), *Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

13. Nguyễn Xuân Thắng (2004), *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Vĩnh Thắng (2010), *Quốc phòng – An ninh trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Xuân Thắng (2006), *Chênh lệch phát triển và an ninh kinh tế ở ASEAN*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Mary Farell and Peter Pogany, *Globalization and Regional Economic Integration: Problems and Prospects*, Tài liệu tập huấn lần thứ 14, Học viện quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2000.
17. Graham Thompson, Introduction: *Situating Globalization // International Social Sciences journal*, UNESCO, 1999.
18. Richard J. Ellings & Sheldon W. Simon, *An ninh Đông Nam Á trong thiên niên kỷ mới (Sách đã dịch)*, NXB M. E. Sharpe, 1996.

Tạp chí

19. Mai Hoài Anh, Tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở Đông Nam Á với Việt Nam, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, Số 4, Hà Nội, năm 2014.
20. Nguyễn Phương Bình, Vai trò của ASEAN đối với các nước thành viên và đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, Hà Nội, năm 2000.
21. Nguyễn Mạnh Cầm, Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 8 năm 1992.
22. Hà Đan, Đa dạng văn hóa và xung đột tôn giáo – sắc tộc ở Đông Nam Á: Thực trạng và tác động, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 7, 2013.
23. Nguyễn Huy Hoàng, ASEAN trong giai đoạn phát triển mới: Một số vấn đề và triển vọng, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 8, 2012.
24. Nguyễn Thương Huyền, Sự phát triển hợp tác Chính trị - An ninh của ASEAN, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 1, 2014.

25. Nguyễn Mạnh Hường, An ninh phi truyền thống - vấn đề mang tính toàn cầu, *Tạp chí Cộng sản*, Hà Nội, đăng ngày 30 tháng 12 năm 2011, tr.01
26. Lê Sĩ Hưng, Hợp tác chống khủng bố trong ASEAN, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 11, 2009, Hà Nội, tr.48.
27. Nguyễn Công Khanh & Nguyễn Anh Chương, Vai trò của ASEAN trong hợp tác đa phương về an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 8, 2010.
28. Trần Khánh, Tranh chấp Biển Đông nhìn từ góc độ chính trị, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 2, 2012, tr. 70.
29. Trần Khánh, Đông Nam Á trong cạnh tranh chiến lược Trung – Nhật (Thập niên đầu thế kỷ XXI), *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 1, 2009.
30. Trần Khánh & Trần Lê Minh Trang, Đông Nam Á trong lợi ích chiến lược của Mỹ và Trung Quốc, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 8, 2012.
31. Trần Khánh, Tranh chấp Biển Đông nhìn từ góc độ địa chính trị, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 2, 2012.
32. Trần Khánh, Tương quan sức mạnh Mỹ - Trung và trật tự châu Á – Thái Bình Dương trong mười năm tới, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 12, 2013.
33. Vũ Thị Mai, Hợp tác trong lĩnh vực Chính trị - An ninh giữa các nước ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, Số 8, 2004.
34. Phạm Quang Minh, ASEAN và sự lựa chọn của Việt Nam trong giải quyết vấn đề xung đột ở Biển Đông, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 1, 2014.
35. Phan Doãn Nam, Một vài suy nghĩ về vấn đề toàn cầu hóa, *Tạp chí Cộng sản*, số 15, Hà Nội, 1998.
36. Nguyễn Thu Mỹ, ASEAN: Những đóng góp đối với Hòa bình và An ninh khu vực, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 5, 2002.
37. Hoàng Khắc Nam, Hệ thống xung đột quốc tế ở Biển Đông: Thực trạng và đặc điểm, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 8, 2012.

38. Trần Trường Thủy, Tam giác Trung Quốc-ASEAN-Mỹ tại Biển Đông: Lợi ích, Chính sách và Tương tác, *Bản dịch tham luận tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 "Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực"* do Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh tháng 11/2012.
39. Nguyễn Vũ Tùng, Sống chung với láng giềng lớn hơn: Thực tiễn và chính sách, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, Số 81, Hà Nội, tháng 6 năm 2010.
40. Shrikant Paranjpe, Đông Nam Á trong triển vọng chiến lược của Ấn Độ: Hạn chế và cơ hội, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 7, 2013.

Website:

41. Bùi Lệ Quyên (2012), *Toàn cầu hóa – Một số vấn đề lý luận, nhận thức dưới góc nhìn của Chủ nghĩa xã hội khoa học*,
http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30231&cn_id=557483, truy cập ngày 15/11/2013.
42. Bộ Ngoại giao (2013), *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*,
<http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeToChucQuocTe?diplomacyOrgId=124>, truy cập ngày 2/7/2013.
43. Báo Dân trí (2013), *Toàn văn bài phát biểu khai mạc Shangri-La 2013 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng*, <http://dantri.com.vn/chinh-tri/toan-van-bai-phat-bieu-khai-mac-shangrila-cua-thu-tuong-737335.htm>, truy cập ngày 15/1/2013.
44. Khánh Linh (2013), *Ba đại gia đua nhau 've vãn' ASEAN*,
<http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/phan-tich/ba-dai-gia-dua-nhau-ve-van-asean-2884328.html>, truy cập ngày 24/9/2013.
45. Vũ Hà - Nhật Nam (2012), *ASEAN bất đồng vì Biển Đông*,
<http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/asean-bat-dong-vi-bien-dong-2236791.html>, truy cập ngày 18/9/2013
46. Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Phạm Bình Minh (2014), *Việt Nam ngày càng khẳng định vị trí chủ động trong ASEAN*,
<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns141124091546>, truy cập ngày 22/11/2014.

47. TS. Alexander Vuving (2014), *Chiến lược cờ vây của Trung Quốc ở Biển Đông*, <http://nghiencuubiendong.vn/tin-ncbd/4416-chien-luoc-co-vay-cua-trung-quoc-o-bien-dong>, truy cập ngày 19/11/2014.
48. Vụ ASEAN – Bộ Ngoại giao (2014), *Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN*, <http://asean.mofa.gov.vn/vi/nr130930205728/nr130930210036/ns131113230421>, truy cập ngày 11/3/2014.
49. Viêt Tuấn (gt – 2011), *Xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN và nhân tố Trung – Mỹ*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-asean/2218-2218->, truy cập ngày 15/12/2012.